



**CNG VIETNAM**

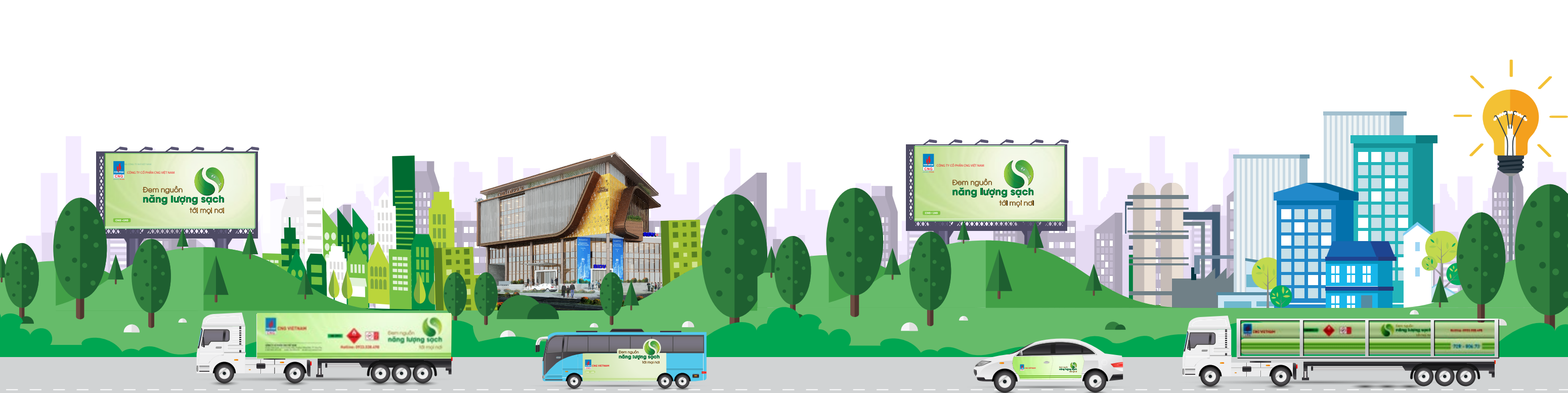


Đem nguồn  
**năng lượng sạch**  
tới mọi nơi



**VỮNG VÀNG NỘI LỰC**  
**TRÊN DẶM ĐƯỜNG MỚI**

**2020** BÁO CÁO  
THƯỜNG NIÊN



01

# MỤC LỤC

## GIỚI THIỆU CNG VIỆT NAM

Giới thiệu BCTN 2020	4
Thông điệp của Chủ tịch HĐQT	7
Chỉ số tài chính nổi bật 2016 - 2020	8
Chỉ số phát triển bền vững năm 2020	10

### Thông tin tổng quan

Tầm nhìn – Sứ mệnh – Giá trị cốt lõi	17
Khách hàng tiêu biểu	24
Giải thưởng nổi bật	26
CNG và LNG – Giải pháp năng lượng xanh và hiệu quả kinh tế	28
Quy trình sản xuất và phân phối CNG	32
Quy trình phân phối LNG	34

### Cơ cấu quản trị doanh nghiệp

Cơ cấu quản trị	36
Giới thiệu Hội đồng Quản trị	39
Giới thiệu Ban Kiểm soát	41
Giới thiệu Ban Giám đốc	42

02

## CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRONG BỐI CẢNH NHIỀU THAY ĐỔI

Bối cảnh kinh doanh nhiều thay đổi	46
Sức mạnh cạnh tranh của CNG Việt Nam	48
5 mục tiêu chiến lược giai đoạn đến 2025	49
Gắn kết các bên liên quan trong Chiến lược hoạt động	52
Quản trị rủi ro	56

03

## BÁO CÁO CỦA HĐQT, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Báo cáo của Hội đồng Quản trị	66
Báo cáo của Ban Kiểm soát	80
Báo cáo của Ban Giám đốc	83
Cơ cấu cổ đông và Hoạt động Quan hệ nhà đầu tư	101
Lương, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, BKS, BGD	104

04

## BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

<b>Đóng góp kinh tế bền vững:</b> Duy trì trong bối cảnh thách thức	108
<b>Trách nhiệm với môi trường:</b> Từ sản phẩm đến quản lý tác động	111
<b>Nguồn nhân lực:</b> Từ thể mạnh cạnh tranh đến chất lượng cuộc sống của người lao động	116
<b>Cộng đồng:</b> Chia sẻ bằng các hoạt động thiết thực	128

05

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH (KIỂM TOÁN)

Thông tin về doanh nghiệp	132
Báo cáo của Ban Giám đốc	133
Báo cáo kiểm toán độc lập	134
Bảng cân đối kế toán	136
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	138
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	139
Thuyết minh báo cáo tài chính	140

# Giới thiệu

## BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2020

Nền kinh tế thế giới trải qua khủng hoảng chưa có tiền lệ trong năm 2020 khi đại dịch Covid-19 bùng phát và lan rộng. Hoạt động sản xuất kinh doanh của Khách hàng bị đình trệ, giá dầu tụt dốc trong hầu hết thời gian của năm khiến ngành dầu khí Việt Nam gặp nhiều khó khăn, và CNG Việt Nam cũng không phải là ngoại lệ.

Với các giải pháp linh hoạt và bám sát diễn biến thị trường/kinh tế vĩ mô, CNG Việt Nam vẫn duy trì đà tăng trưởng sản lượng tiêu thụ khí trong năm 2020. Công ty tiếp tục thực hiện các biện pháp để **tăng cường vững vàng nội lực**: sản xuất kinh doanh an toàn trong Covid-19, phát triển khách hàng, nhận diện thương hiệu, đẩy mạnh đào tạo chuyên sâu cho giai đoạn mới, chiến lược tăng vốn phục vụ đầu tư mở rộng trong tương lai... Đồng thời, xúc tiến việc nhận chuyển nhượng mảng CNG Miền Bắc từ Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP, tiến tới cung cấp giải pháp năng lượng sạch trọn gói CNG, LNG, LPG trên thị trường cả nước, chinh phục **những dặm đường mới**.

Năm nay, CNG Việt Nam tiếp tục tham khảo Khung hướng dẫn lập Báo cáo Tích hợp của IIRC và bộ Tiêu chuẩn GRI dành cho Báo cáo Phát triển Bền vững để thực hiện BCTN này. Chúng tôi mong nhận được ý kiến đóng góp của Quý vị để không ngừng cải thiện chất lượng BCTN của Công ty. Mọi ý kiến xin gửi về:

### NHÓM THỰC HIỆN BCTN – CTCP CNG VIỆT NAM

Địa chỉ : Tầng 7, Tòa nhà GAS Tower, Số 61B Đường 30/4, Phường Thắng Nhất, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

Điện thoại : (84.254) 3574.635

Fax : (84.254) 3574.619

Website : [www.cng-vietnam.com](http://www.cng-vietnam.com)

## DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

AT-CL-MT	An toàn – Chất lượng – Môi trường
ATSKNN	An toàn sức khỏe nghề nghiệp
BGD	Ban Giám đốc
BKS	Ban Kiểm soát
CBCNV	Cán bộ Công nhân viên
CNG	Khí thiên nhiên nén (Compressed Natural Gas)
CNG Việt Nam/Công ty	Công ty Cổ phần CNG Việt Nam
CTCP	Công ty Cổ phần
ĐHĐCĐ	Đại hội đồng cổ đông
HD	Hướng dẫn
HDQT	Hội đồng Quản trị
ISO	Tiêu chuẩn ISO
KCN	Khu Công nghiệp
LNG	Khí thiên nhiên hóa lỏng (Liquefied Natural Gas)
LNST	Lợi nhuận sau thuế
LNTT	Lợi nhuận trước thuế
LPG	Khí hóa lỏng (Liquefied Petroleum Gas)
OHSAS	Tiêu chuẩn Sức khỏe Nghề nghiệp và An toàn
PCCC	Phòng cháy chữa cháy
PRU	Trạm giảm áp (Pressure Reducing Unit)
PV Gas/Tổng Công ty	Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP
PV Gas D	CTCP Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam
PV Gas LPG	CTCP Kinh doanh LPG Việt Nam (trước đây là CTCP Kinh doanh Khí Miền Bắc - PV Gas North)
PVN/Tập đoàn	Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PetroVietnam)
QT	Quy trình
QTCT	Quản trị Công ty
TNSC	Tai nạn sự cố
TUJLĐTT	Thỏa ước Lao động Tập thể
ƯCKC	Ứng cứu khẩn cấp
VĐL	Vốn điều lệ
VSLĐ	Vệ sinh lao động

## THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HĐQT

**TRÊN CƠ SỞ PHÁT HUY NỘI LỰC, CÔNG TY TIẾP TỤC THỰC HIỆN CÁC BIỆN PHÁP ĐỂ ĐẢM BẢO SXKD AN TOÀN, HIỆU QUẢ, ĐẨY MẠNH CÔNG TÁC PHÁT TRIỂN, MỞ RỘNG THỊ TRƯỜNG, QUẢNG BÁ THƯƠNG HIỆU CNG VIỆT NAM VÀ TỪNG BƯỚC CHIẾM LĨNH THỊ PHẦN, TRỞ THÀNH CÔNG TY HÀNG ĐẦU VIỆT NAM CUNG CẤP NĂNG LƯỢNG SẠCH TRÊN TOÀN QUỐC.**

**Kính gửi Quý cổ đông, Khách hàng, Đối tác của Công ty Cổ phần CNG Việt Nam**

Năm 2020, nền kinh tế thế giới đã trải qua khủng hoảng chưa từng có khi đại dịch Covid-19 bùng phát và lan rộng trên toàn Thế giới. Dưới tác động kép của dịch bệnh và giá dầu giảm sâu khiến ngành dầu khí Việt Nam gặp nhiều khó khăn, CNG Việt Nam cũng chịu tác động trực tiếp khi các khách hàng của Công ty thu hẹp quy mô, đình trệ sản xuất.

Trước bối cảnh đó, CNG Việt Nam đã đánh giá, nhận diện các rủi ro, đưa ra các giải pháp linh hoạt trên cơ sở phát huy hiệu quả các nguồn lực sẵn có, bám sát tình hình biến động của giá dầu, diễn biến thị trường để giữ vững thị phần, phát triển khách hàng. Trên cơ sở triển khai thực hiện đồng bộ các giải pháp nêu trên, CNG Việt Nam đã đạt được kết quả tăng trưởng sản lượng tiêu thụ khí trong năm 2020. Bước sang năm 2021 và các năm tiếp theo, trên cơ sở phát huy nội lực, Công ty tiếp tục thực hiện các biện pháp để đảm bảo SXKD an toàn, hiệu quả, đẩy mạnh công tác phát triển, mở rộng thị trường, quảng bá thương hiệu CNG Việt Nam và từng bước chiếm lĩnh thị phần, trở thành Công ty hàng đầu Việt Nam cung cấp năng lượng sạch trên toàn quốc.

CNG Việt Nam xin chân thành cảm ơn Quý cổ đông, Khách hàng, Đối tác đã luôn ủng hộ, đồng hành cùng Công ty trong giai đoạn khó khăn vừa qua, chúng tôi rất mong tiếp tục nhận được sự hợp tác, đồng hành của Quý vị trong thời gian tới để CNG Việt Nam ngày càng phát triển hơn nữa.

Trân trọng!



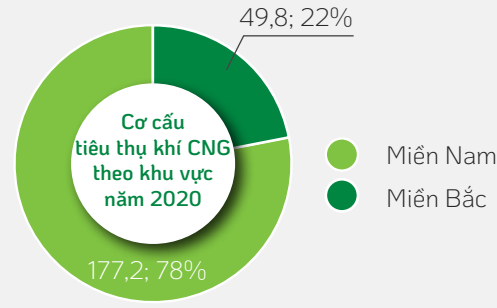
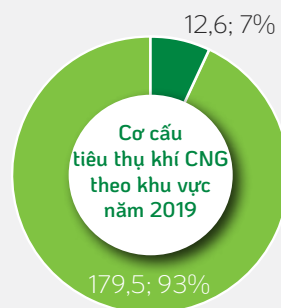
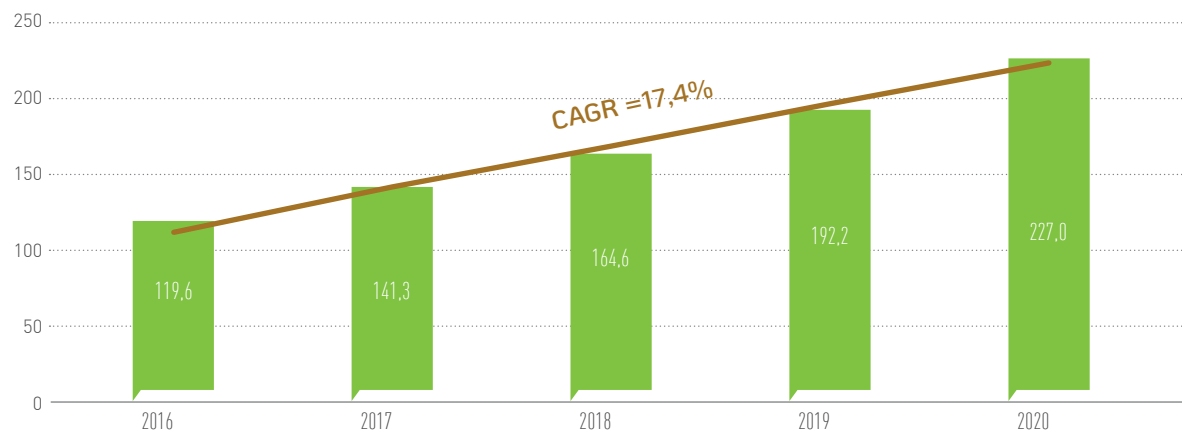
**NGUYỄN THỊ HỒNG HẢI**  
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

# CHỈ SỐ TÀI CHÍNH NỔI BẬT

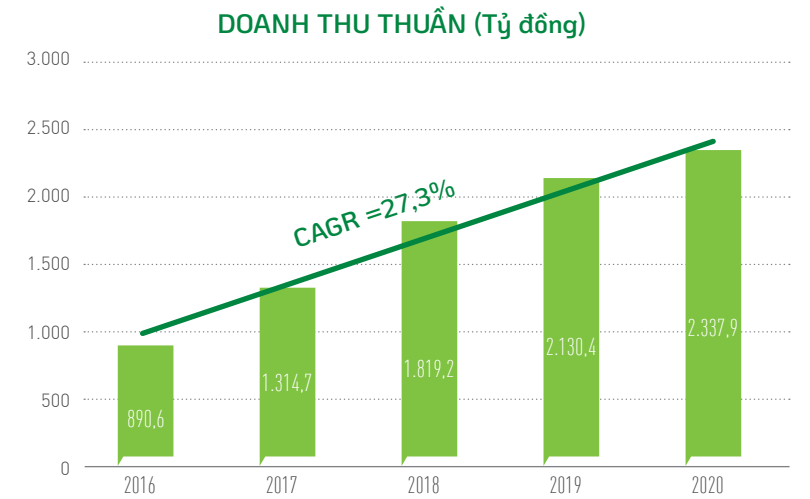
## 2016 - 2020

Năm	2016	2017	2018	2019	2020
<b>Hoạt động kinh doanh</b>					
Sản lượng tiêu thụ (Triệu Sm <sup>3</sup> )	119,6	141,3	164,6	192,2	227,0
<b>Kết quả hoạt động kinh doanh (Tỷ đồng)</b>					
Doanh thu	890,6	1.314,7	1.819,2	2.130,4	2.337,9
Lợi nhuận gộp	238,5	237,2	236,6	189,2	150,3
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	150,5	142,3	138,6	104,9	62,8
Lợi nhuận trước thuế	147,7	142,4	145,2	107,6	65,4
Lợi nhuận sau thuế	120,3	109,3	114,3	84,3	51,0
<b>Bảng cân đối kế toán (Tỷ đồng)</b>					
Tổng tài sản	649,9	730,0	835,5	838,6	1.063,7
Vốn chủ sở hữu	464,6	480,6	537,3	542,9	509,4
Vốn điều lệ	270,0	270,0	270,0	270,0	270,0
<b>Hiệu quả hoạt động</b>					
Thu nhập trên vốn cổ phần bình quân (ROEA)	27,9%	23,1%	22,9%	15,9%	9,9%
Thu nhập trên tài sản bình quân (ROAA)	18,6%	15,8%	14,6%	10,1%	5,4%

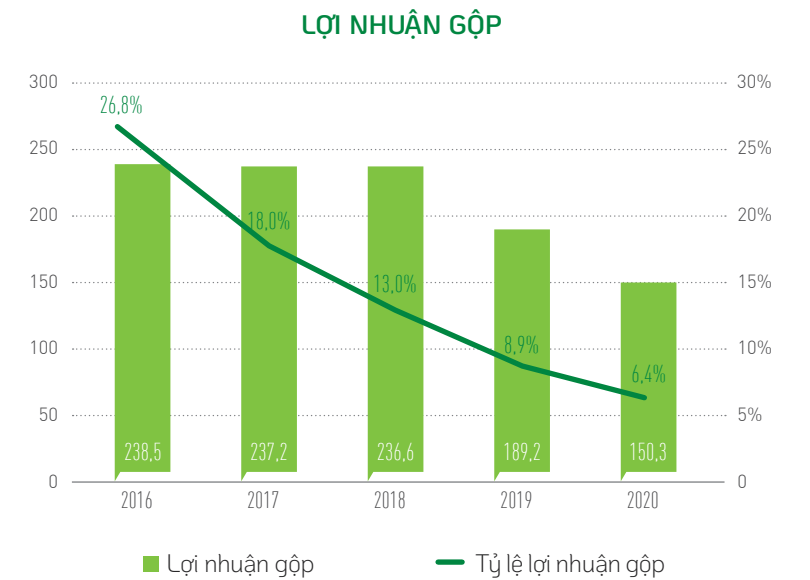
SẢN LƯỢNG TIÊU THỤ CNG ( Triệu Sm<sup>3</sup>)



**2.337,9**  
TỶ ĐỒNG  
DOANH THU THUẦN

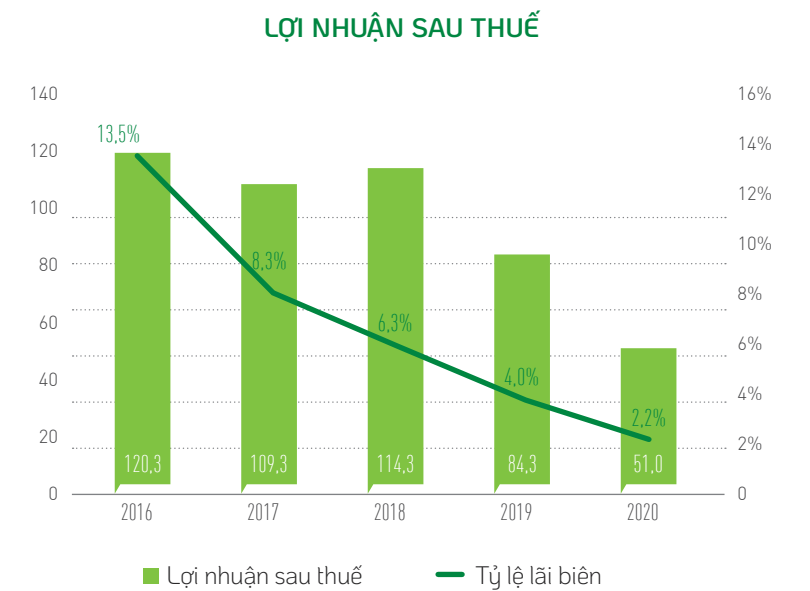


**150,3**  
TỶ ĐỒNG  
LỢI NHUẬN GỘP



**6,4%**  
TỶ LỆ LỢI NHUẬN GỘP

**51**  
TỶ ĐỒNG  
LỢI NHUẬN SAU THUẾ



**2,2%**  
TỶ LỆ LÃI BIÊN

# CHỈ SỐ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG NĂM 2020

## 2.351,1

TỶ ĐỒNG

TỔNG GIÁ TRỊ KINH TẾ  
TẠO TẬP

## 2.388,7

TỶ ĐỒNG

TỔNG GIÁ TRỊ KINH TẾ  
PHÂN PHỐI

## 30,6

TỶ ĐỒNG

NỘP NGÂN SÁCH  
NHÀ NƯỚC

## 67,5

TỶ ĐỒNG

CỔ TỨC TIỀN MẶT CHI  
TRẢ TRONG NĂM 2020

## 0,7

TỶ ĐỒNG

ĐÓNG GÓP CHO  
HOẠT ĐỘNG CỘNG ĐỒNG

## 268

NGƯỜI

SỐ LƯỢNG CBNV  
NĂM 2020

## 61,4

TỶ ĐỒNG

LƯƠNG THƯỜNG &  
PHÚC LỢI CHO CBNV

## 22%

LAO ĐỘNG NỮ/  
TỔNG SỐ LAO ĐỘNG





*Hành trang trên vai ...*

## **TIÊN PHONG NHIÊN LIỆU SẠCH CNG - LNG - LPG**

# 1

### **GIỚI THIỆU CNG VIỆT NAM**

#### **Thông tin tổng quan**

Tầm nhìn – Sứ mệnh – Giá trị cốt lõi 17

Khách hàng tiêu biểu 24

Giải thưởng nổi bật 26

CNG và LNG – Giải pháp năng lượng xanh và hiệu quả kinh tế 28

Quy trình sản xuất và phân phối CNG 32

Quy trình phân phối LNG 34

#### **Cơ cấu quản trị doanh nghiệp**

Cơ cấu quản trị 36

Giới thiệu Hội đồng Quản trị 39

Giới thiệu Ban Kiểm soát 41

Giới thiệu Ban Giám đốc 42



## GIỚI THIỆU CÔNG TY

Tên giao dịch : **CÔNG TY CỔ PHẦN CNG VIỆT NAM**  
Tên tiếng Anh : **CNG VIETNAM JOINT STOCK COMPANY**  
Tên viết tắt : **CNG VIETNAM**  
Mã cổ phiếu : **CNG**  
Sàn niêm yết : **HOSE**

Logo



Slogan



Giấy chứng nhận  
đăng ký doanh nghiệp

số 492032000040, đăng ký lần đầu ngày 28/05/2007 và đăng ký  
thay đổi lần thứ 12 ngày 23/05/2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư  
tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp.

Văn Phòng

Lầu 7, GAS TOWER, số 61B Đường 30/4, P. Thắng Nhất,  
TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu  
Điện thoại: (84) 254 3574 635 / 254 3574 801 / 254 3576 551  
Fax: (84) 254 3574 619

Chi nhánh Phú Mỹ

Đường số 15, KCN Phú Mỹ 1, P. Phú Mỹ, Thị xã Phú Mỹ,  
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu  
Điện thoại: (84) 254 3923 928 | Fax: (84) 254 3923 929

Chi nhánh Miền Bắc

Tầng 21, Tòa nhà CEO, Lô HH2-1, Đường Phạm Hùng,  
P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, Hà Nội  
Điện thoại: (84) 246 2520 777 | Fax: (84) 246 2560 777

Email

: [info@cng-vietnam.com](mailto:info@cng-vietnam.com)

Website

: [www.cng-vietnam.com](http://www.cng-vietnam.com)



# TÂM NHÌN, SỨ MỆNH, GIÁ TRỊ CỐT LÕI

## TÂM NHÌN

Xây dựng và phát triển Công ty Cổ phần CNG Việt Nam bền vững, trở thành nhà cung cấp nhiên liệu sạch CNG, LNG,... hàng đầu tại Việt Nam.

## SỨ MỆNH

Kiến tạo những giải pháp an toàn, hiệu quả từ nguồn nhiên liệu sạch, mang lại giá trị bền vững cho khách hàng, cổ đông, người lao động và xã hội.

## GIÁ TRỊ CỐT LÕI

- Chất lượng
- An toàn
- Hợp tác
- Hiệu quả
- Trách nhiệm xã hội

# NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

## NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

Được thành lập năm 2007, CNG Việt Nam là đơn vị tiên phong chuyên sản xuất, vận chuyển, phân phối khí thiên nhiên nén (CNG) nhằm cung cấp cho các nhà máy, khu công nghiệp có sử dụng nhiệt năng trong quá trình sản xuất, chế biến, và sử dụng như là nhiên liệu thay thế xăng dầu trong ngành giao thông vận tải.

Trong thời gian tới, CNG Việt Nam tiếp tục phát triển và hướng tới cung cấp giải pháp trọn gói nhiên liệu sạch CNG, LNG và LPG cho khách hàng tại thị trường cả nước.

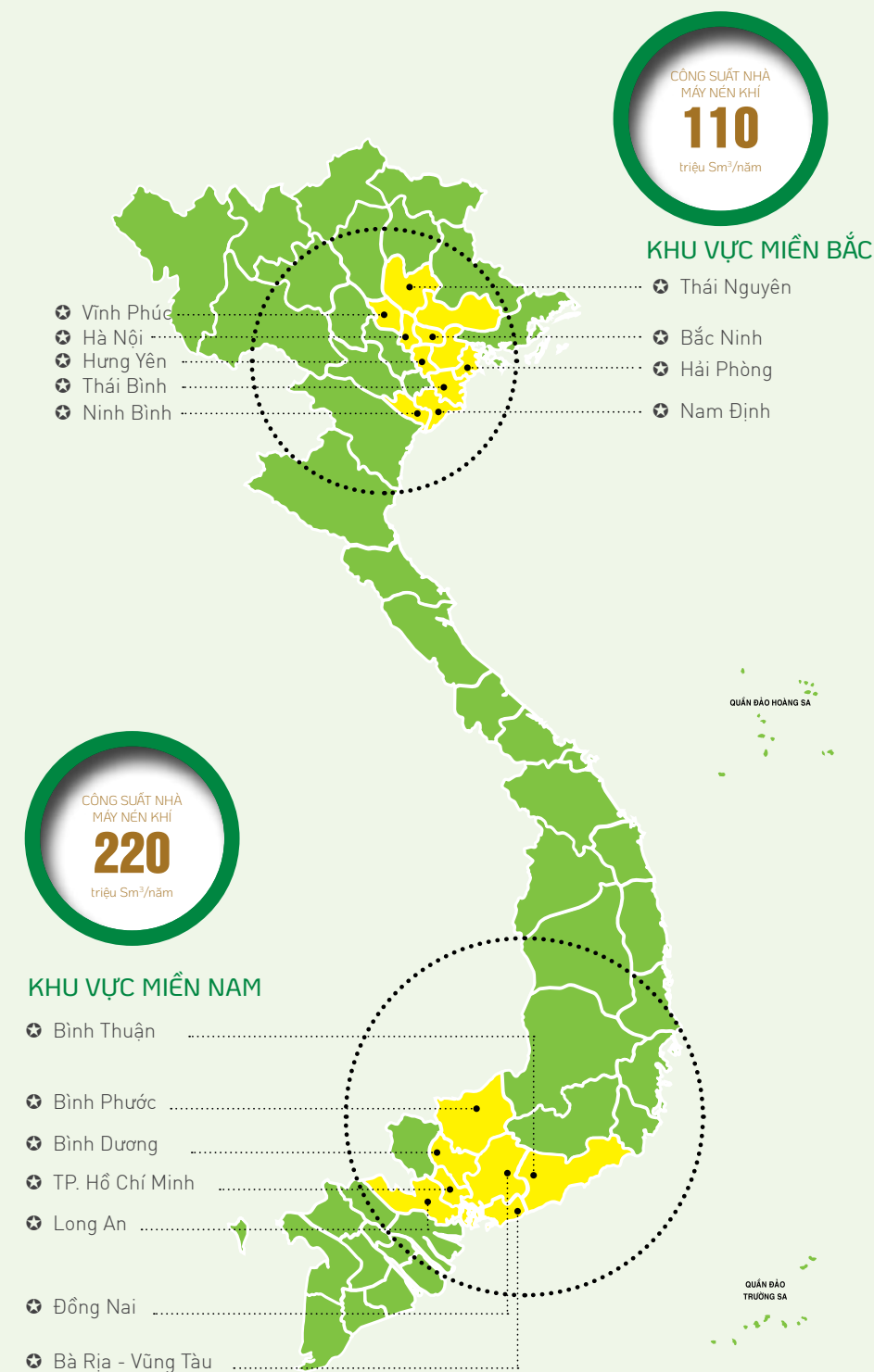
Lĩnh vực sản xuất kinh doanh của CNG Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp:

Tên Ngành	Mã Ngành theo VSIC
<b>Sản xuất khí đốt, phân phối nhiên liệu khí bằng đường ống</b> <i>Chi tiết: Sản xuất, chiết nạp và phân phối các sản phẩm khí thiên nhiên CNG, LNG và LPG</i>	3520 (chính)
<b>Sửa chữa máy móc, thiết bị</b> <i>Chi tiết: Cung cấp các dịch vụ cải tạo, bảo dưỡng, sửa chữa, lắp đặt các thiết bị chuyển đổi cho các phương tiện, máy móc, thiết bị</i>	3312
<b>Vận tải hàng hóa bằng đường bộ</b> <i>Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ vận chuyển khí CNG, LNG, LPG và kinh doanh các khí nhiên liệu khác theo quy định của pháp luật; Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng Công ten-nơ</i>	4933
<b>Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp</b> <i>Chi tiết: Cung cấp dịch vụ xây dựng, lắp đặt, bảo dưỡng, sửa chữa công trình khí</i>	3320
<b>Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác</b> <i>Chi tiết: Mua bán và cho thuê thiết bị công nghiệp phục vụ công trình khí</i>	4659
<b>Sản xuất máy thông dụng khác</b> <i>Chi tiết: Sản xuất thiết bị công nghiệp phục vụ công trình khí</i>	2819
<b>Đối với ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ được kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định. Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Luật Đầu tư</b>	Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam

## ĐỊA BÀN KINH DOANH

Địa bàn kinh doanh chính của CNG Việt Nam hiện tại là ở Miền Nam và Miền Bắc. Các thị trường ở Miền Bắc bao gồm: Thái Nguyên, Vĩnh Phúc, Hà Nội, Bắc Ninh, Hưng Yên, Hải Phòng, Thái Bình, Nam Định, Ninh Bình. Trong khi đó, thị trường Miền Nam tập trung ở các tỉnh thành: Bình Thuận, Bình Phước, Bình Dương, TP.HCM, Long An, Đồng Nai, Bà Rịa – Vũng Tàu.

Đối với thị trường Miền Trung, dự kiến CNG Vietnam có thể cung cấp khoảng 150 triệu Sm<sup>3</sup>. CNG Vietnam có thể tính toán phương án bán LNG nhập khẩu hoặc nguồn khí nội địa khai thác từ các mỏ Cá Voi Xanh (dự kiến từ năm 2025), Kèn Bầu (dự kiến từ năm 2028).



# NHỮNG CỘT MỐC PHÁT TRIỂN

## Tăng mạnh Vốn điều lệ lên 67,2 tỷ đồng. Nhà máy sản xuất CNG đầu tiên tại KCN Phú Mỹ 1

CNG Việt Nam tăng vốn điều lệ lên 67.200.000.000 đồng với sự tham gia góp vốn thêm của các cổ đông: Tổng Công ty Khí Việt Nam (PV Gas), CTCP Phân phối Khí thấp áp (PV Gas D).

Nhà máy sản xuất CNG đầu tiên của CNG Việt Nam đặt tại KCN Phú Mỹ 1, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu với công suất ban đầu là 30 triệu Sm<sup>3</sup> khí/năm (tương đương với 33.000 tấn LPG/năm) đã đi vào vận hành từ ngày 03/09/2008.

## Tăng Vốn điều lệ lên 125 tỷ đồng. Áp dụng hệ thống quản lý An toàn – Chất lượng – Môi trường được BSI chứng nhận

Để thực hiện đầu tư các dự án mở rộng sản xuất, CNG Việt Nam đã phát hành 5.780.000 cổ phần để tăng vốn điều lệ từ 67.200.000.000 đồng lên 125.000.000.000 đồng cho cổ đông hiện hữu, cán bộ chủ chốt và cổ đông chiến lược, theo Nghị quyết số 314/NQ – ĐHCĐ/2010 của ĐHCĐ ngày 02/04/2010.

Sau 2 năm đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh, CNG Việt Nam đã xây dựng và triển khai áp dụng thành công hệ thống quản lý An toàn – Chất lượng – Môi trường (ATCLMT) theo các tiêu chuẩn OHSAS 18001:2007, ISO 9001:2008 và ISO 14001:2004 được BSI (Viện Tiêu chuẩn Anh) đánh giá, công nhận và cấp chứng chỉ vào ngày 22/07/2010.

## Tiếp tục tăng Vốn điều lệ lên 203,1 tỷ đồng và niêm yết cổ phiếu trên HOSE

Từ tháng 03/2011, sau khi hệ thống máy nén khí giai đoạn điều chỉnh đi vào hoạt động, tổng công suất thiết kế của CNG Việt Nam chính thức đạt 70 triệu Sm<sup>3</sup>, cung cấp khí cho 21 khách hàng tại các khu vực Nhơn Trạch, Bình Dương, TP.HCM, Long An.

Sau khi tiến hành tăng vốn điều lệ lên 203.100.000.000 đồng, ngày 23/11/2011, cổ phiếu chính thức được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM (HOSE) với số lượng 20.312.038 cổ phiếu, mã chứng khoán là CNG, trên cơ sở Quyết định số 167/2011/QĐ-SGDHCM do HOSE cấp.

## Tăng Vốn điều lệ lên 270 tỷ đồng và thông qua chính sách cổ tức 35%

Ngày 25/09/2013, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thông qua việc phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ của Công ty từ 213.280.000.000 đồng lên 270.000.000.000 đồng.

Ngày 13/12/2013, HĐQT Công ty ra Nghị quyết số 18/NQ – HĐQT phê duyệt tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2013 bằng tiền mặt với tỷ lệ 15% (trong cổ tức tổng cộng 35%) trên vốn điều lệ hiện hành.

2007

2008

2009

2010

2011

2012

2013

2014

## Thành lập với vốn điều lệ ban đầu 19,2 tỷ đồng

Công ty Cổ phần CNG Việt Nam (CNG VIETNAM) được thành lập vào ngày 28/5/2007 theo Giấy chứng nhận đầu tư số 492032000040 do Ban Quản lý KCN tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp với vốn điều lệ ban đầu là 19.200.000.000 đồng, trên cơ sở góp vốn của các cổ đông sáng lập:

- ◆ Tổng Công ty Dung Dịch Khoan và Hóa Phẩm Dầu Khí – CTCP (DMC): 51% vốn điều lệ;
- ◆ Công ty IEV Energy Sdn. Bhd (Malaysia): 42% vốn điều lệ; và
- ◆ Công ty TNHH Sơn Anh: 7% vốn điều lệ.

## Mở rộng thị trường, nâng công suất Nhà máy CNG Phú Mỹ lên 70 triệu Sm<sup>3</sup>

Tổng Công ty Khí Việt Nam đồng ý chuyển nhượng toàn bộ phần vốn đang sở hữu tại CNG Việt Nam sang CTCP Kinh doanh Khí hóa lỏng miền Nam (PV Gas South). CNG Việt Nam tiếp tục phát triển mở rộng thị trường phân phối khí CNG thông qua việc đầu tư thực hiện dự án nâng công suất Nhà máy CNG Phú Mỹ lên 70 triệu Sm<sup>3</sup>.

## Phát hành cổ phiếu ESOP cho CBCNV và tăng Vốn điều lệ lên 213,28 tỷ đồng

Căn cứ Nghị quyết của ĐHCĐ năm 2011 về việc phát hành cổ phiếu cho người lao động với tỷ lệ 5% vốn điều lệ (ESOP 2011), HĐQT Công ty ra Nghị quyết số 01/NQ – HĐQT/2012 phê duyệt quy chế phân phối cổ phiếu theo ESOP 2011 và đã hoàn thành việc tăng vốn điều lệ 5% lên 213.280.000.000 đồng.

## Chi nhánh Miền Bắc đi vào hoạt động

Ngày 15/04/2014, HĐQT Công ty ra Nghị quyết số 04/NQ – HĐQT phê duyệt chi trả cổ tức đợt 2 năm 2013 bằng tiền mặt với tỷ lệ 20% trên vốn điều lệ hiện hành.

Ngày 08/07/2014, HĐQT Công ty ra Quyết định số 176/QĐ-CNG phê duyệt Quy chế tổ chức và hoạt động của chi nhánh Công ty tại miền Bắc.

## NHỮNG CỘT MỐC PHÁT TRIỂN (tiếp theo)

### PV Gas trở thành cổ đông lớn với tỷ lệ nắm giữ 56%

Ngày 14/03/2016, PV Gas trở thành cổ đông lớn của CNG Việt Nam với tỷ lệ nắm giữ 56% vốn điều lệ, sau khi mua lại toàn bộ cổ phần từ PV Gas South.

Ngày 19/04/2016, HĐQT ra quyết định đổi tên Ban chức năng thành Phòng chức năng, phù hợp với hệ thống quản lý của PV Gas.

Ngày 17/05/2016, HĐQT ra nghị quyết thông qua việc thành lập Chi nhánh Phú Mỹ.

### Tái cấu trúc, sắp xếp lại cơ cấu tổ chức Khối văn phòng Công ty

Ban lãnh đạo Công ty triển khai rà soát, ban hành chức năng nhiệm vụ của các Phòng, Chi nhánh, Đơn vị trực thuộc Chi nhánh làm cơ sở triển khai, áp dụng KPI cấp đơn vị.

Số lượng khách hàng tiếp tục tăng mạnh. Năm 2018, Công ty đã cấp khí cho 06 khách hàng mới.

Sản lượng tiêu thụ khí CNG đạt 164,6 triệu Sm<sup>3</sup>, tăng 25% so với kế hoạch và tăng 16% so với năm 2017.

Vốn chủ sở hữu của Công ty đạt 537 tỷ đồng, tăng 11,8% so với năm trước.

### Hoàn thành mua lại hệ thống CNG tại miền Bắc

Công ty hoàn thành mua lại hệ thống CNG tại miền Bắc, tiến tới tiên phong làm chủ công nghệ LNG, cung cấp giải pháp năng lượng sạch trọn gói CNG - LNG - LPG tại thị trường cả nước. Bất chấp một năm với những khó khăn chưa có tiền lệ do đại dịch Covid-19, giá đầu có thời điểm lao dốc, tổng doanh thu của Công ty ghi nhận 2.351,1 tỷ đồng, vượt 105% so với kế hoạch và LNST đạt 51 tỷ đồng, tương đương 106% so với kế hoạch.



### Tổng sản lượng tăng mạnh lên 94,3 triệu Sm<sup>3</sup>. Trạm cấp khí trung tâm tại KCN Mỹ Phước 3 chính thức hoạt động

Năm 2015 đánh dấu sự thành công của CNG trong chiến lược mở rộng thị trường tại khu vực phía Bắc. CNG đã chính thức cấp khí cho 4 khách hàng tại khu vực này, giúp nâng tổng lượng khí CNG cung cấp cho khách hàng đạt mốc 94,3 triệu Sm<sup>3</sup>, tăng trưởng mạnh 26% so với năm 2014.

Ngoài ra, tháng 04/2015, Trạm cấp khí trung tâm tại KCN Mỹ Phước 3 (Bình Dương) chính thức đi vào hoạt động và cung cấp CNG cho các khách hàng trong KCN này. Đây là một phần trong kế hoạch mở rộng sản xuất kinh doanh và phát triển mô hình cấp khí qua trạm trung tâm của CNG Việt Nam.

### Kỷ niệm 10 năm thành lập

Số lượng khách hàng tăng mạnh, sản lượng tiêu thụ khí lên đến 141,3 triệu Sm<sup>3</sup>, các chỉ tiêu doanh thu và lợi nhuận đều vượt 35-40% so với kế hoạch.

### Công ty tiếp tục có bước phát triển dù gặp nhiều khó khăn và thách thức

Vượt qua một năm gặp nhiều khó khăn và thách thức do thiếu hụt nguồn cung và thị trường dầu khí biến động mạnh, Công ty tiếp tục có bước phát triển khi ký hợp đồng cấp khí với 06 khách hàng mới. Sản lượng tiêu thụ khí đạt 192,16 triệu Sm<sup>3</sup>, vượt 123% so với kế hoạch và tăng 117% so với năm trước. Tổng doanh thu năm 2019 đạt 2.146,74 tỷ đồng, vượt 123% so với kế hoạch, trong đó doanh thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh chính (CNG) đạt 2.130,39 tỷ đồng, vượt 122% kế hoạch. LNST đạt 107,6 tỷ đồng và LNST đạt 84,4 tỷ đồng, lần lượt tương ứng với 102% và 100% của kế hoạch năm.

**227,0**  
TRIỆU Sm<sup>3</sup>  
SẢN LƯỢNG KHÍ  
TIÊU THỤ

**2.351,1**  
TỶ ĐỒNG  
TỔNG DOANH THU  
vượt 105%  
so với kế hoạch

**51**  
TỶ ĐỒNG  
LỢI NHUẬN SAU THUẾ  
tương đương 106%  
so với kế hoạch

## KHÁCH HÀNG TIÊU BIỂU



Ông **PHẠM QUỐC THẮNG**  
Phó Tổng Giám đốc,  
CTCP Tôn Đông Á

### TRÍCH DẪN PHÁT BIỂU CỦA KHÁCH HÀNG TÔN ĐÔNG Á:

TÔN ĐÔNG Á CHỌN CNG VIỆT NAM LÀM ĐỐI TÁC VÌ CHÚNG TÔI ĐẶT VẤN ĐỀ MÔI TRƯỜNG LÊN HÀNG ĐẦU. ĐỒNG THỜI, CHUYỂN ĐỔI TỪ LPG SANG SỬ DỤNG CNG ĐÃ GIÚP CÔNG TY CHÚNG TÔI TĂNG HIỆU QUẢ NHIỆT NĂNG TRONG QUÁ TRÌNH SẢN XUẤT LÊN ĐẾN 20-30%. CHÚNG TÔI HY VỌNG TÔN ĐÔNG Á VÀ CNG VIỆT NAM SẼ TRỞ THÀNH ĐỐI TÁC CHIẾN LƯỢC BỀN VỮNG TRONG THỜI GIAN TỚI.

## GIẢI THƯỞNG NỔI BẬT



HUÂN CHƯƠNG LAO ĐỘNG HẠNG 3 NĂM 2013 VÀ  
BẰNG KHEN CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ NĂM 2014

BẰNG KHEN CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ NĂM 2011

BẰNG KHEN CỦA BỘ CÔNG THƯƠNG CÁC NĂM 2010,  
2013, 2015, 2016, 2018



BẰNG KHEN CỦA TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM TỪ  
NĂM 2010 – 2019



Doanh nghiệp  
**MID CAP CÓ BÁO CÁO  
THƯỜNG NIÊN TỐT NHẤT  
NĂM 2018, 2019, 2020**



**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN  
TỐT NHẤT NĂM 2011,  
2012, 2015, 2016**



**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN  
TỐT NHẤT NĂM 2014**



**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN  
TỐT NHẤT NĂM 2013**



Doanh nghiệp  
**PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG  
NĂM 2016, 2017, 2018**



Doanh nghiệp  
**TĂNG TRƯỞNG MẠNH NHẤT  
VIỆT NAM NĂM 2013**



Doanh nghiệp  
**KINH DOANH HIỆU QUẢ  
NHẤT VIỆT NAM NĂM 2012**

# CNG VÀ LNG- GIẢI PHÁP NĂNG LƯỢNG XANH VÀ HIỆU QUẢ KINH TẾ

## CNG LÀ GÌ, THÀNH PHẦN CẤU TẠO?

CNG (Compressed Natural Gas) là khí thiên nhiên có thành phần chủ yếu là CH<sub>4</sub> - Methane (88%), không màu, không mùi, không độc hại, được khai thác từ các mỏ khí tự nhiên hoặc khí đồng hành trong quá trình khai thác dầu mỏ, qua nhà máy xử lý để loại bỏ các tạp chất và các cấu tử nặng, sau đó được vận chuyển bằng đường ống tới nhà máy nén khí. Tại đây, khí thiên nhiên được nén lên áp suất 200 - 250 barg để tăng khả năng tồn chứa, giảm chi phí vận chuyển.

Tại nơi tiêu thụ, CNG được giảm áp qua cụm thiết bị PRU (Pressure Reducing Unit), tới áp suất yêu cầu của khách hàng (thường là dưới 3 barg).



- Methane ( CH<sub>4</sub> ) > 88%
- Ethane ( C<sub>2</sub>H<sub>6</sub> ) > 4,5%
- Propane ( C<sub>3</sub>H<sub>8</sub> ) ~ 2%
- Khác < 5%

- ÁP SUẤT TỐI ĐA**  
250 barg
- NHIỆT TRỊ CNG**  
10.080 kcal/Sm<sup>3</sup>
- TỶ TRỌNG**  
0,78 kg/Sm<sup>3</sup>  
(nhẹ hơn không khí 1,23 kg/Sm<sup>3</sup>)
- KHÔNG MÙI**
- KHÔNG ĐỘC**

## LNG - KHÍ THIÊN NHIÊN HÓA LỎNG

Khí thiên nhiên hóa lỏng LNG (Liquefied Natural Gas) là khí thiên nhiên có thành phần chủ yếu là CH<sub>4</sub> - Methane (94,3%), không màu, không mùi, không độc hại, được làm lạnh tại nhiệt độ -162° C để chuyển sang thể lỏng, do vậy sức chứa cao hơn rất nhiều so với CNG (gấp 4 lần).



- Methane ( CH<sub>4</sub> ) ~94,3%
- Ethane ( C<sub>2</sub>H<sub>6</sub> ) ~4,2%
- Propane ( C<sub>3</sub>H<sub>8</sub> ) ~1%
- Khác ~ 0,5%

- NHIỆT TRỊ LNG**  
55 MJ/kg
- TỶ TRỌNG**  
436 kg/Sm<sup>3</sup>
- NHIỆT ĐỘ**  
-162°C
- ÁP SUẤT**  
05 barg
- KHÔNG MÙI**
- KHÔNG ĐỘC**



## BẢNG QUY ĐỔI NHIỆT TRỊ CÁC LOẠI NHIÊN LIỆU

BẢNG NHIỆT TRỊ				
Nhiên liệu	Đơn vị	KCal	BTU	mmBTU
LPG	Kg	11.823	46.917	0,046917
DO	Kg	10.835	42.997	0,042997
FO	Kg	9.800	38.890	0,038890
CNG	Sm <sup>3</sup>	10.080	40.001	0,040001
LNG	Kg	13.114	52.042	0,05204

BẢNG QUY ĐỔI NHIÊN LIỆU					
Nhiên liệu cơ sở	Đơn vị	CNG (Sm <sup>3</sup> )	LPG (Kg)	DO (Kg)	FO (Kg)
CNG	Sm <sup>3</sup>	1	0,85259	0,93032	1,02857
LPG	Kg	1,1729	1	1,09117	1,2064
DO	Kg	1,0749	0,91645	1	1,10561
FO	Kg	0,97223	0,82891	0,90448	1
LNG	Kg	1,30099	1,10919	1,21034	1,33816

Ghi chú:

- » BTU (British Therm Unit): Đơn vị nhiệt trị của Anh quốc
- » Sm<sup>3</sup> (Standard cubic metre): 1 m<sup>3</sup> CNG tại điều kiện tiêu chuẩn (nhiệt độ 15°C, áp suất 1 at)
- » mmBTU: Một triệu BTU
- » 1kcal = 3,968321 BTU

# CNG VÀ LNG- GIẢI PHÁP NĂNG LƯỢNG XANH VÀ HIỆU QUẢ KINH TẾ (tiếp theo)



Giảm chi phí bảo dưỡng sửa chữa so với việc sử dụng các nhiên liệu khác như FO, DO, than...



An toàn do sử dụng thiết bị chất lượng cao, phù hợp với các tiêu chuẩn của Mỹ và Châu Âu, áp dụng quy trình quản lý và vận hành nghiêm ngặt.

## ƯU ĐIỂM CỦA CNG VÀ LNG



Hiệu suất sử dụng nhiên liệu cao, kéo dài tuổi thọ thiết bị so với các nhiên liệu khác.



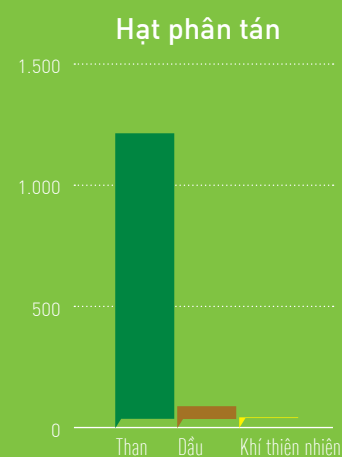
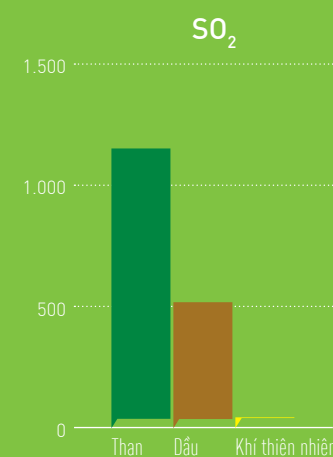
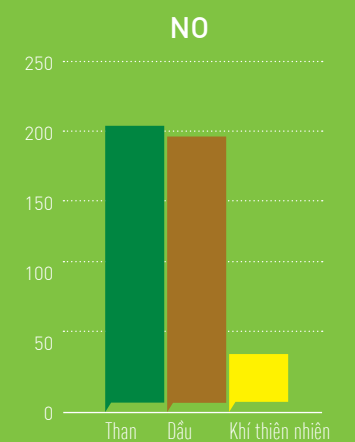
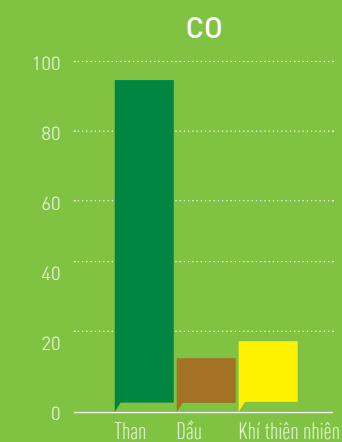
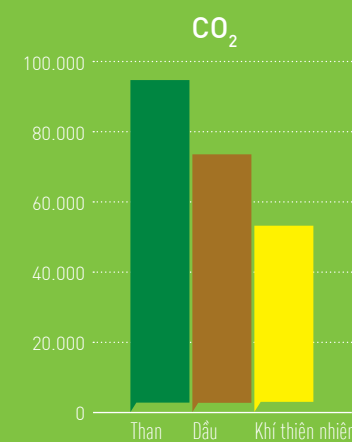
Tiết kiệm chi phí nhiên liệu nhờ giá cả cạnh tranh hơn và hiệu suất cháy cao hơn các nhiên liệu khác, góp phần giảm giá thành sản phẩm, nâng cao sức cạnh tranh của doanh nghiệp sử dụng CNG/LNG làm nhiên liệu.



Tiết kiệm chi phí xử lý môi trường do CNG/LNG là nhiên liệu sạch, không phát sinh những chất độc hại gây ô nhiễm môi trường khi cháy như SO<sub>2</sub>, NO<sub>x</sub>... Sử dụng CNG/LNG giúp doanh nghiệp dễ dàng đạt các chứng nhận về môi trường.



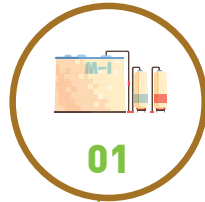
## SO SÁNH KHÍ THẢI CÁC LOẠI NHIÊN LIỆU (Kg khí thải/Triệu BTU)



Nguồn: U.S. Energy Information Administration



# QUY TRÌNH SẢN XUẤT VÀ PHÂN PHỐI CNG



## 01 NGUỒN KHÍ ĐẦU VÀO

Khí thiên nhiên được lấy từ hệ thống khí của Tổng Công ty Khí Việt Nam (PVGas) hoặc thông qua hệ thống khí đường ống của PVGas D, đi vào trạm nén (Trạm nén Phú Mỹ - Khu vực Đông Nam Bộ; Trạm nén Tiền Hải, Thái Bình - Khu vực Bắc Bộ) với áp suất 22 barg, lưu lượng khí được kiểm soát qua hệ thống trạm đo khí đầu vào.



## 02 NÉN KHÍ

Khí được dẫn vào trạm máy nén CNG thông qua hệ thống máy nén để nén từ áp suất 14-22 barg lên 200-250 barg vào các bồn chứa chuyên dụng.

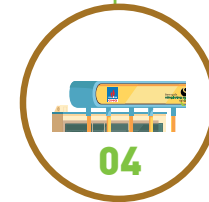
Các máy nén và hệ thống điều khiển được thiết kế tuân thủ theo các tiêu chuẩn quốc tế và tiêu chuẩn, quy phạm của Việt Nam, đảm bảo đủ điều kiện vận hành an toàn và được kiểm định định kỳ hàng năm.

Trạm nén khí tại Phú Mỹ (Bà Rịa - Vũng Tàu) công suất 220 triệu Sm<sup>3</sup>/năm và Trạm nén khí tại Tiền Hải (Thái Bình) công suất 110 triệu Sm<sup>3</sup>/năm.



## 05 KẾT NỐI VỚI LÒ ĐỐT TẠI KHÁCH HÀNG

Từ đầu ra của trạm giảm áp, khí được dẫn bằng đường ống tới hệ thống lò đốt của khách hàng.



## 04 GIẢM ÁP TẠI TRẠM KHÁCH HÀNG (PRU)

Xe bồn vận chuyển khí đến trạm PRU, từ đây khí được dẫn từ xe bồn ở áp suất từ 200 đến 250 barg đi qua hệ thống PRU, giảm áp qua 2 giai đoạn (giai đoạn 1 giảm áp xuống 60 barg, giai đoạn 2 giảm áp xuống 2-7 barg để cung cấp khí cho khách hàng theo yêu cầu).

Hệ thống PRU được thiết kế và lắp đặt tuân thủ theo các tiêu chuẩn quốc tế và tiêu chuẩn, quy định của Việt Nam, đảm bảo an toàn tuyệt đối.



## 03 CHUYÊN CHỞ

Sau khi được nén vào các bồn chứa chuyên dụng bằng vật liệu Composite hoặc Thép có thể tích từ 18 m<sup>3</sup> ÷ 40 m<sup>3</sup>, CNG được chuyên chở đến các trạm tiêu thụ của khách hàng. Bồn và phương tiện chuyên chở phải tuân thủ các quy định của pháp luật về vận chuyển hàng nguy hiểm, cháy nổ.

## QUY TRÌNH PHÂN PHỐI LNG



01

### NGUỒN KHÍ LNG

Nguồn khí thiên nhiên hóa lỏng LNG được nhập khẩu từ các quốc gia có trữ lượng lớn trên Thế giới bằng tàu chuyên dụng.



02

### TIẾP NHẬN VÀ TỒN CHỨA LNG

Tàu chuyên chở LNG được tiếp nhận và bơm rót vào hệ thống kho chứa thông qua cầu cảng có lắp đặt hệ thống tiếp nhận chuyên dụng.



03

### CHUYÊN CHỞ

Hệ thống các xe bồn đa dạng ở trạng thái lỏng có sức chứa 15.000 Sm<sup>3</sup>, 20.000 Sm<sup>3</sup>, 25.000 Sm<sup>3</sup> và 30.000 Sm<sup>3</sup> khí với áp suất làm việc 8 barg, là phương tiện chuyên chở LNG đến nhà máy khách hàng.



04

### TÁI HÓA KHÍ TẠI NHÀ MÁY KHÁCH HÀNG

Tùy theo nhu cầu sử dụng mà khách hàng được lắp đặt hệ thống tái hóa khí bao gồm bồn chứa LNG và các thiết bị tái hóa khí với áp suất làm việc khoảng 8 barg để đưa LNG về trạng thái khí tự nhiên cung cấp cho khách hàng.



05

### KẾT NỐI VỚI LÒ ĐỐT TẠI KHÁCH HÀNG

Từ hệ thống tái hóa khí với áp suất đầu ra khoảng 8 barg, khí được giảm áp theo yêu cầu và được dẫn bằng đường ống đi vào các buồng đốt.



## CƠ CẤU QUẢN TRỊ

CNG Việt Nam được tổ chức và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ tổ chức và hoạt động được ĐHĐCĐ thống nhất thông qua. Để hoạt động quản trị công ty hiệu quả thì cơ cấu quản trị công ty cần phải quy định rõ việc phân chia quyền lợi và trách nhiệm giữa các đối tượng tham gia khác nhau trong công ty và đặt ra các nguyên tắc và thủ tục cho việc ra quyết định. CNG Việt Nam hiện đang hoạt động với mô hình CTCP và cơ cấu tổ chức trực tuyến chức năng giúp Công ty đảm bảo vận hành hiệu quả cùng với bộ máy và nhân sự tinh gọn. Đồng thời, điều này cũng giúp Công ty tiệm cận với các thông lệ quản trị tốt nhất trên thế giới.

### CƠ CẤU QUẢN TRỊ TẠI CNG VIỆT NAM

**Công ty con, công ty liên kết: Không.**

#### ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Cơ quan có thẩm quyền cao nhất, quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ và quyền hạn theo luật pháp và Điều lệ tổ chức hoạt động của CNG Việt Nam. ĐHĐCĐ là cơ quan thông qua chủ trương chính sách đầu tư phát triển của Công ty, quyết định cơ cấu vốn, thông qua phương án sản xuất kinh doanh, quyết định bộ máy tổ chức quản lý và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty.

#### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Cơ quan quản trị có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định các vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ. Hội đồng Quản trị chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ tất cả những vấn đề quản lý của Công ty theo Điều lệ, Nghị quyết của ĐHĐCĐ và tuân thủ pháp luật.

#### BAN KIỂM SOÁT

Ban Kiểm soát được bầu bởi ĐHĐCĐ để thay mặt cổ đông kiểm tra, kiểm soát toàn bộ hoạt động của Công ty trong việc chấp hành tuân thủ Điều lệ của Công ty và các quy định pháp luật có liên quan.

#### BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc có trách nhiệm quản lý và điều hành mọi hoạt động của Công ty theo đúng pháp luật Nhà nước, các quy định của ngành, điều lệ, quy chế, quy định của Công ty. Giám đốc là người đại diện cho Công ty trước pháp luật.

#### PHÒNG KỸ THUẬT ĐẦU TƯ

Phòng Kỹ thuật – Đầu tư có chức năng: (1) Tham mưu giúp việc cho Ban Giám đốc trong lĩnh vực đầu tư – xây dựng và kỹ thuật; (2) Quản lý, điều hành và tổ chức triển khai các hoạt động khoa học – công nghệ, chất lượng, kỹ thuật vào sản xuất của Công ty; (3) Xây dựng chiến lược, quản lý công tác đầu tư – xây dựng và tổ chức thực hiện; (4) Quản lý cơ sở vật chất, tài sản, đất đai.

#### PHÒNG KẾ HOẠCH KINH DOANH

Phòng Kế hoạch - Kinh doanh có chức năng: (1) Tham mưu giúp việc cho Ban Giám đốc xây dựng chiến lược, liên doanh, liên kết trong lĩnh vực kinh doanh sản phẩm khí (CNG, LNG...) của Công ty; (2) Quản lý và phát triển công tác kinh doanh sản phẩm khí theo chiến lược kinh doanh đã đề ra; (3) Quản lý các hợp đồng trong lĩnh vực mua bán sản phẩm khí và các hợp đồng liên quan khác; (4) Nghiên cứu, dự báo giá và đánh giá chính sách kinh doanh hàng hóa của sản phẩm trong nước, khu vực và thế giới; (5) Xây dựng chiến lược phát triển, kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty.

#### PHÒNG TỔ CHỨC HÀNH CHÍNH

Phòng Tổ chức – Hành chính có chức năng: (1) Tham mưu giúp việc cho Ban Giám đốc quản lý công tác tổ chức cán bộ, nhân sự; công tác đào tạo, tiền lương, chế độ chính sách và công tác thi đua khen thưởng – kỷ luật trong toàn Công ty; (2) Quản lý thiết bị văn phòng; công tác văn thư lưu trữ, bảo mật và thông tin liên lạc; (3) Nghiên cứu, đề xuất và tổ chức triển khai các phương án hoàn thiện cơ cấu tổ chức của Công ty phù hợp với mục tiêu phát triển của Công ty và yêu cầu sản xuất kinh doanh...

#### PHÒNG TÀI CHÍNH KẾ TOÁN

Phòng Tài chính – Kế toán có chức năng: (1) Tham mưu giúp việc cho Ban Giám đốc khai thác, sử dụng có hiệu quả và phát triển nguồn vốn và tài sản của Công ty; (2) Quản lý, điều hành các hoạt động tài chính trong toàn Công ty; (3) Quản lý và đảm bảo công tác kế toán, thống kê tuân thủ hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam, Luật Kế toán, Luật Thống kê, Luật Thuế và các chế độ quản lý tài chính, kế toán hiện hành của Nhà nước và Công ty; (4) Xây dựng, đề trình quy chế tài chính và bảo vệ kế hoạch tài chính tổng hợp của Công ty; (5) Định kỳ lập báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch tài chính được giao theo quy định; (6) Phối hợp với các Phòng khác thuộc Công ty theo sự phân công của Ban Giám đốc trong việc chuẩn bị, đàm phán ký kết và thực hiện hợp đồng với đối tác chịu trách nhiệm rà soát các điều khoản liên quan đến tài chính, kế toán...

#### PHÒNG AN TOÀN MÔI TRƯỜNG

Phòng An toàn – Môi trường có chức năng: (1) Quản lý và điều hành công tác an toàn, phòng cháy chữa cháy, bảo hộ lao động và công tác môi trường; (2) Xây dựng và duy trì hệ thống quản lý an toàn, chất lượng, môi trường đảm bảo an toàn cho con người, tài sản và môi trường trong các hoạt động của Công ty.

#### CHI NHÁNH PHÚ MỸ

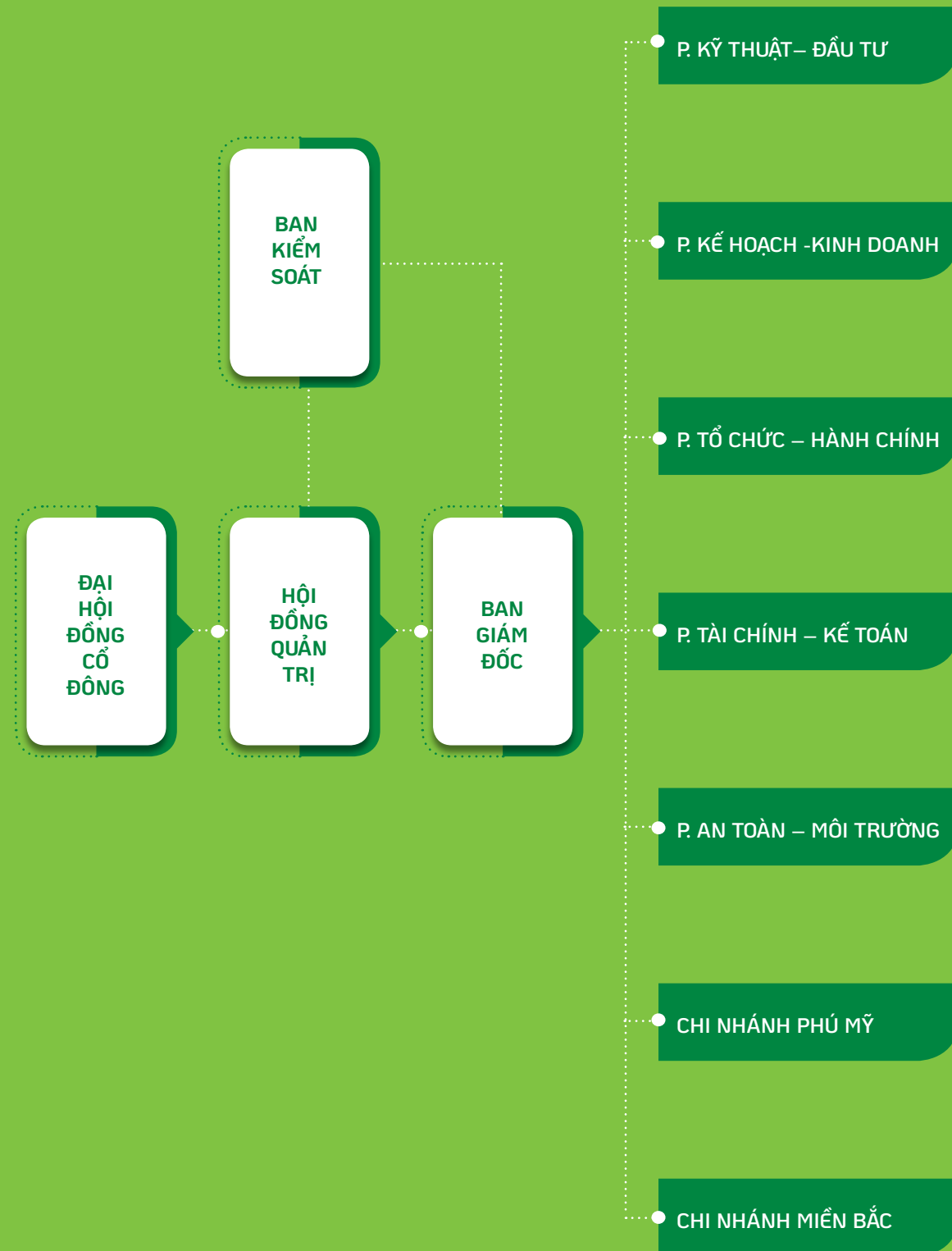
Chi nhánh Phú Mỹ trực tiếp tham gia vào quá trình sản xuất, vận chuyển các sản phẩm khí CNG. Chức năng của Chi nhánh Phú Mỹ bao gồm: (1) Tham mưu, giúp việc cho Ban Giám đốc trong quản lý và điều hành hoạt động sản xuất, vận chuyển sản phẩm khí CNG theo kế hoạch sản xuất đã được phê duyệt, đảm bảo an toàn, đáp ứng nhu cầu tiêu thụ khí CNG của các khách hàng; theo dõi, tính toán và báo cáo số liệu về cho Ban Giám đốc và các bộ phận có liên quan (2) Quản lý, theo dõi, bảo dưỡng sửa chữa định kỳ (hàng ngày, hàng tháng) hoặc đột xuất cho các thiết bị thuộc Chi nhánh Phú Mỹ được Công ty giao; (3) Tổ chức thực hiện công tác an toàn – sức khỏe – môi trường, PCCC và ứng cứu sự cố khẩn cấp cho hệ thống sản xuất, vận chuyển khí.

#### CHI NHÁNH MIỀN BẮC

Chi nhánh Miền Bắc là đơn vị hạch toán phụ thuộc theo Quy chế tài chính của Chi nhánh được HĐQT phê duyệt và Quy chế tài chính của Công ty, được tự chủ trong sản xuất và kinh doanh theo sự phân cấp của Công ty và chịu sự ràng buộc về nghĩa vụ và quyền lợi đối với Công ty trong phạm vi số vốn và tài sản được Công ty giao cho Chi nhánh quản lý khai thác và sử dụng.

# CƠ CẤU QUẢN TRỊ (tiếp theo)

## SƠ ĐỒ TỔ CHỨC



# GIỚI THIỆU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

HĐQT của CNG Việt Nam bao gồm Chủ tịch HĐQT và 04 thành viên, trong đó 01 thành viên kiêm nhiệm Giám đốc, 02 thành viên chuyên trách và 01 thành viên HĐQT độc lập. Với việc chỉ có 01 thành viên kiêm nhiệm, có thể thấy HĐQT Công ty có tính độc lập rất cao, phù hợp với các quy định pháp luật cũng như hướng tới các chuẩn mực tốt nhất trên thế giới về QTCT.

Với quy mô và hoạt động sản xuất kinh doanh hiện tại của Công ty, HĐQT nhận thấy chưa cần thiết phải thành lập các tiểu ban trực thuộc. Thay vào đó, các thành viên HĐQT khi thấy cần thiết sẽ tổ chức các buổi họp chuyên đề cụ thể để trao đổi các vấn đề trong thẩm quyền, đề ra giải pháp và định hướng một cách hiệu quả.



**BÀ NGUYỄN THỊ HỒNG HẢI**  
Chủ tịch HĐQT

Năm sinh: 1973

**Trình độ chuyên môn:**  
Thạc sỹ Tài chính – Ngân hàng, Kỹ sư Kinh tế Vận tải biển, Cử nhân Kế toán – Kiểm toán

**Cổ phần đại diện sở hữu cho PVGas:**  
4.680.000 (18,00%)

**Cổ phần nắm giữ cá nhân:** 0

**ÔNG VŨ VĂN THỰC**  
Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc

Năm sinh: 1976

**Trình độ chuyên môn:**  
Kỹ sư Xây dựng cầu đường

**Cổ phần đại diện sở hữu cho PVGas:**  
4.680.000 (18,00%)

**Cổ phần nắm giữ cá nhân:** 0

## GIỚI THIỆU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)



### ÔNG PHẠM ĐÌNH ĐẠT

Thành viên HĐQT chuyên trách

Năm sinh: 1962

Trình độ chuyên môn:  
Cử nhân Kinh tế

Cổ phần đại diện sở hữu cho PVGas:  
2.700.000 (10,00%)

Cổ phần nắm giữ cá nhân: 0

### BÀ LÊ THỊ THU GIANG

Thành viên HĐQT độc lập

Năm sinh: 1973

Trình độ chuyên môn:  
Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh,  
Cử nhân Tài chính – Kế toán

Cổ phần đại diện sở hữu cho PVGas:  
0

Cổ phần nắm giữ cá nhân:  
625 (0,002%)

### ÔNG BÙI TƯỜNG ĐỊNH

Thành viên HĐQT chuyên trách

Năm sinh: 1970

Trình độ chuyên môn:  
Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh,  
Kỹ sư Cơ khí động lực

Cổ phần đại diện sở hữu cho PVGas:  
2.700.000 (10,00%)

Cổ phần nắm giữ cá nhân: 0

### BÀ PHAN THỊ KIM THOA

Trưởng Ban Kiểm soát

Năm sinh: 1967

Trình độ chuyên môn:  
Cử nhân Kinh tế, chuyên ngành Kế  
toán Doanh nghiệp

Cổ phần đại diện sở hữu cho PVGas:  
0

Cổ phần nắm giữ cá nhân: 0

### BÀ NGUYỄN THỊ KIM YẾN

Kiểm soát viên

Năm sinh: 1972

Trình độ chuyên môn:  
Cử nhân Kinh tế, chuyên ngành Kế  
toán – Kiểm toán

Cổ phần đại diện sở hữu cho PVGas:  
0

Cổ phần nắm giữ cá nhân: 0

### ÔNG NGUYỄN QUANG BÁ

Kiểm soát viên

Năm sinh: 1985

Trình độ chuyên môn:  
Cử nhân Tài chính – Kế toán

Cổ phần đại diện sở hữu cho PVGas:  
0

Cổ phần nắm giữ cá nhân: 0

## GIỚI THIỆU BAN GIÁM ĐỐC



### ÔNG VŨ VĂN THỰC

Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc

Năm sinh: 1976

Trình độ chuyên môn:  
Kỹ sư Xây dựng cầu đường

Cổ phần đại diện sở hữu cho PVGas:  
4.860.000 (18,00%)

Cổ phần nắm giữ cá nhân: 0



### ÔNG BÙI VĂN ĐẢN

Phó Giám đốc

Năm sinh: 1965

Trình độ chuyên môn:  
Kỹ sư Công nghệ Dầu khí,  
Cử nhân Anh văn

Cổ phần đại diện sở hữu cho PVGas:  
0

Cổ phần nắm giữ cá nhân: 6



### ÔNG TRẦN QUANG ĐÁN

Phó Giám đốc

Năm sinh: 1963

Trình độ chuyên môn:  
Kỹ sư Máy xây dựng, Kỹ sư Quản trị  
Doanh nghiệp

Cổ phần đại diện sở hữu cho PVGas:  
0

Cổ phần nắm giữ cá nhân: 762



### ÔNG NGUYỄN NGUYÊN VŨ

Phó Giám đốc

Năm sinh: 1971

Trình độ chuyên môn:  
Thạc sỹ Quản trị Kinh tế, Cử nhân  
Anh văn

Cổ phần đại diện sở hữu cho PVGas:  
0

Cổ phần nắm giữ cá nhân: 4



### ÔNG TRƯƠNG MẠNH THẮNG

Phó Giám đốc

Năm sinh: 1975

Trình độ chuyên môn:  
Cử nhân Kinh tế

Cổ phần đại diện sở hữu cho PVGas:  
0

Cổ phần nắm giữ cá nhân: 0



### ÔNG NGUYỄN MẠNH HÙNG

Kế toán trưởng

Năm sinh: 1984

Trình độ chuyên môn:  
Cử nhân Tài chính - Ngân hàng

Cổ phần đại diện sở hữu cho PVGas:  
0

Cổ phần nắm giữ cá nhân: 0



*Một chặng đường mới...*  
**VỚI KHÔNG ÍT GẶP GHÈNH**

# 2

## **CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRONG BỐI CẢNH NHIỀU THAY ĐỔI**

Bối cảnh kinh doanh nhiều thay đổi	46
Sức mạnh cạnh tranh của CNG Việt Nam	48
5 mục tiêu chiến lược giai đoạn đến 2025	49
Gắn kết các bên liên quan trong Chiến lược hoạt động	52
Quản trị rủi ro	56

## BỐI CẢNH KINH DOANH NHIỀU THAY ĐỔI



### THẾ GIỚI TRẢI QUA KHỦNG HOẢNG MỌI MẶT VÌ COVID-19. KỲ VỌNG PHỤC HỒI TRONG NĂM 2021

Năm 2020, đại dịch Covid-19 bùng phát và lan rộng trên toàn thế giới đã gây ra khủng hoảng mọi mặt về kinh tế xã hội. Tâm lý bi quan của người dân, các biện pháp phòng chống dịch bệnh nghiêm ngặt như phong tỏa, hạn chế đi lại... đã đẩy nhiều nền kinh tế rơi vào khủng hoảng, gây gián đoạn các chuỗi cung ứng, hàng loạt doanh nghiệp bị phá sản, các ngành hàng không và du lịch, vận tải... bị tê liệt.

Theo Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF), tăng trưởng toàn cầu trong năm 2020 đã giảm 4,4%, trong đó kinh tế Hoa Kỳ tăng trưởng âm 3,5%, Nhật Bản tăng trưởng

âm 5,4%; khu vực đồng Euro âm đến 7,4%. Duy chỉ có Trung Quốc tăng trưởng năm 2020 đạt 2,1% nhờ sớm khống chế được dịch bệnh Covid-19 và mở cửa nền kinh tế trở lại.

Từ nửa cuối năm 2020 và đầu năm 2021, nhờ tiến độ phát triển vaccine tích cực, tâm lý người tiêu dùng dần cải thiện, trong khi các ngân hàng trung ương, chính phủ thực hiện hàng loạt biện pháp kích thích mạnh mẽ, nhiều nước đã có dấu hiệu hồi phục trở lại, mở ra trạng thái "bình thường mới" trong các hoạt động kinh tế-xã hội.

### VIỆT NAM: MẪU HÌNH THÀNH CÔNG TRONG KHỔNG CHẾ DỊCH BỆNH VÀ TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ

Năm 2020 ghi nhận những dấu ấn thành công vượt bậc của Việt Nam. Truyền thông quốc tế ca ngợi Việt Nam như là một mẫu hình trong khống chế dịch bệnh Covid-19, nhờ những biện pháp phòng chống hợp lý; đồng thời vẫn giữ được đà tăng trưởng dương với mức tăng GDP đạt 2,91%.

Cụ thể, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 2,68%, đóng góp 13,5% vào tốc độ tăng tổng giá trị tăng thêm của toàn nền kinh tế; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 3,98%, đóng góp 53%; khu vực dịch vụ tăng 2,34%, đóng góp 33,5%. Công nghiệp chế biến, chế tạo đóng vai trò chủ chốt dẫn dắt tăng trưởng của nền kinh tế với mức tăng 5,82%, khai khoáng giảm 5,62% (do sản lượng khai thác dầu thô giảm 12,6% và khí đốt tự nhiên giảm 11,5%). CPI bình quân năm 2020 tăng 3,23% so với năm 2019, trong khi mục tiêu Quốc hội đề ra là dưới 4%. Lạm phát cơ bản bình quân năm 2020 tăng 2,31% so với bình quân năm 2019.

Tổng vốn FDI vào Việt Nam tính đến ngày 20/12/2020 bao gồm vốn đăng ký cấp mới, vốn đăng ký điều chỉnh và giá trị góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước



ngoài đạt 28,5 tỷ USD, giảm 25% so với năm trước. Đáng chú ý là FDI thực hiện năm 2020 đạt gần 20 tỷ USD, tức là chỉ giảm 2% so với năm 2019. Như vậy, Việt Nam vẫn đang thành công trong thu hút dòng vốn FDI nhờ khống chế dịch bệnh thành công và kinh tế duy trì đà tăng trưởng tích cực.

Năm 2021, Chính phủ đặt mục tiêu tiếp tục thực hiện linh hoạt, hiệu quả "mục tiêu kép" vừa phòng chống Covid-19, vừa phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội trong trạng thái bình thường mới. Chính phủ đề ra mục tiêu GDP tăng trưởng khoảng 6,5% (Quốc hội giao là khoảng 6%), CPI bình quân tiếp tục duy trì mức tăng khoảng 4%.

### THỊ TRƯỜNG DẦU KHÍ: DỰ BÁO CẢI THIỆN TÍCH CỰC

Sau khi dịch bệnh Covid-19 bùng phát và lan rộng, nhiều nước đã đồng loạt áp dụng biện pháp phong tỏa và giãn cách xã hội, khiến hoạt động du lịch, vận tải, hàng không và sản xuất kinh doanh bị ngưng trệ. Nguồn cung dầu khí ứ đọng đẩy giá dầu WTI lần đầu tiên trong lịch sử xuống mức âm trong tháng 4/2020, trong khi giá dầu Brent cũng giảm xuống mức thấp nhất quanh 17 USD/thùng. Trước tình trạng đó, nhóm các nước xuất khẩu dầu và đồng minh (OPEC+) đã cắt giảm sản lượng liên tục. Cùng với đà hồi phục của nhiều nền kinh tế khi Covid-19 dần được khống chế, giá dầu sau đó đã tăng trở lại và giá dầu Brent tính trung bình cả năm đạt khoảng 43 USD/thùng. Dự kiến thị trường dầu khí thế giới sẽ cải thiện tích cực trở lại trong năm 2021.

Trong nước, PetroVietnam công bố mở Kèn Bầu 2X với trữ lượng kỷ lục 230 bcm được phát hiện cách bờ biển tỉnh Quảng Trị chỉ khoảng 65 km. Đây là một

phát hiện quan trọng bổ sung cho nguồn trữ lượng của ngành dầu khí Việt Nam. Dự án Nam Côn Sơn giai đoạn 2 về cơ bản đã hoàn thành và đón dòng khí đầu tiên được khai thác vào tháng 11/2020. Đối với dự án LNG Thị Vải, Tổng Công ty Khí Việt Nam đã hoàn thành hơn 30% tiến độ xây dựng của giai đoạn 1, và dự kiến nhập dòng LNG đầu tiên ngay trong năm 2022.

Trong năm 2020, CNG Việt Nam đã đầu tư Dự án mua hệ thống CNG tại miền Bắc theo chủ trương Mô hình tổ chức kinh doanh các sản phẩm khí trong Tổng Công ty Khí Việt Nam. Đây là cơ hội lớn đối với CNG Việt Nam để giành thế chủ động trong toàn bộ quá trình sản xuất, vận chuyển và phân phối CNG, chiếm lĩnh thị trường miền Bắc, tiết giảm chi phí, tạo tiền đề cho kinh doanh LNG trong tương lai gần.



# SỨC MẠNH CẠNH TRANH CỦA CNG VIỆT NAM

1

**LỢI THẾ CẠNH TRANH TỪ SẢN PHẨM CNG:** Là nhiên liệu cho hiệu suất cao, giúp tăng tuổi thọ máy móc, thiết bị; thân thiện môi trường; hiệu quả kinh tế, tiết kiệm chi phí hơn hẳn nhiên liệu truyền thống; và an toàn hơn trong vận hành sản xuất.

2

**CÓ UY TÍN VÀ THƯƠNG HIỆU TRÊN THỊ TRƯỜNG** và luôn nhận được sự ủng hộ của khách hàng. Hệ thống khách hàng ổn định đa dạng, tập trung lại các khu vực kinh doanh trọng điểm của Công ty như: Bình Dương, Đồng Nai, TP. Hồ Chí Minh, Bà Rịa-Vũng Tàu, Long An, Hà Nội, Hưng Yên, Hải Phòng, Bắc Ninh, Thái Nguyên, Thái Bình...

3

**CƠ SỞ HẠ TẦNG VÀ CÔNG NGHỆ:** Công suất nhà máy nén khí đạt hơn 220 triệu Sm<sup>3</sup>/năm ở miền Nam và 110 triệu Sm<sup>3</sup> ở miền Bắc, đảm bảo cấp khí cho khách ổn định, hệ thống PRU trải rộng khắp các KCN. Công ty cũng đã làm chủ công nghệ CNG và đang đẩy mạnh nghiên cứu, hướng tới tiên phong trong công nghệ LNG. Từ năm 2020, CNG Việt Nam đã tiếp nhận mảng kinh doanh CNG ở miền Bắc theo mô hình tập trung kinh doanh sản phẩm khí, là cơ hội để mở rộng thị trường và gia tăng sản lượng tiêu thụ khí CNG trên cả nước.

4

**NHÂN SỰ VÀ VĂN HÓA DOANH NGHIỆP:** Nhân sự lãnh đạo quản lý cấp cao có trình độ và tầm nhìn quản lý doanh nghiệp, CBCNV năng động, sáng tạo và chủ động công việc; Tạo lập được văn hóa doanh nghiệp, tập hợp được sức mạnh tập thể đoàn kết hướng tới mục tiêu chung của toàn Công ty.

5

**MỐI QUAN HỆ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN:** Luôn nhận được sự chia sẻ, hỗ trợ của Tổng Công ty Khí Việt Nam (PV Gas) và các đơn vị thành viên, các đơn vị trong và ngoài ngành.

## 5 MỤC TIÊU CHIẾN LƯỢC GIAI ĐOẠN ĐẾN 2025

### TẦM NHÌN

Xây dựng và phát triển Công ty Cổ phần CNG Việt Nam bền vững, trở thành nhà cung cấp nhiên liệu sạch CNG, LNG,... hàng đầu tại Việt Nam.

### ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC

- Xây dựng CNG Việt Nam trở thành một doanh nghiệp có thương hiệu mạnh, phạm vi hoạt động khắp cả nước.
- Phát triển CNG Việt Nam theo hướng đa dạng hóa ngành nghề kinh doanh, lấy trọng tâm là sản xuất kinh doanh khí CNG, LNG.
- Đào tạo đội ngũ CBCNV có trình độ chuyên môn vững, kỹ thuật cao, đáp ứng các yêu cầu về kỹ thuật, công nghệ cao của CNG, LNG.

### MỤC TIÊU CHIẾN LƯỢC ƯU TIÊN

- Bao phủ thị trường CNG/LNG toàn quốc; và nhanh chóng chiếm lĩnh thị phần LNG.
- Nâng cao năng lực sản xuất, tồn chứa CNG, LNG.
- Hoàn thiện chuỗi vận chuyển, phân phối, vận hành.
- Tiên phong công nghệ tồn chứa, vận chuyển, phân phối LNG.
- Xây dựng thương hiệu CNG Việt Nam và văn hóa doanh nghiệp.
- Bảo vệ môi trường, chung tay xây dựng xã hội và cộng đồng.



# SỨC MẠNH CẠNH TRANH CỦA CNG VIỆT NAM (tiếp theo)

## 5 MỤC TIÊU CHIẾN LƯỢC GIAI ĐOẠN ĐẾN 2025 (tiếp theo)

### 1

#### BAO PHỦ THỊ TRƯỜNG CNG/LNG TOÀN QUỐC; VÀ NHANH CHÓNG CHIẾM LĨNH THỊ PHẦN LNG

Chiến lược chung là tiếp tục phát triển thị trường tiêu thụ CNG, LPG trên phạm vi cả nước.

Từ năm 2020, CNG Việt Nam đã tiếp nhận mảng kinh doanh CNG ở miền Bắc theo mô hình tập trung kinh doanh sản phẩm khí, là cơ hội để mở rộng thị trường và gia tăng sản lượng tiêu thụ khí CNG trên cả nước.

#### Mục tiêu sản lượng của CNG Việt Nam giai đoạn 2021-2025

Địa điểm	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025
Miền Nam	183	195	205	215	220
Miền Bắc	70	70	70	70	70
Miền Trung	0	0	10	30	39
<b>Tổng cộng</b>	<b>253</b>	<b>265</b>	<b>285</b>	<b>315</b>	<b>339</b>

#### Để thực mục tiêu đó, Công ty chủ trương:

- Tiếp tục mở rộng, phát triển thị trường tiêu thụ CNG, LNG trên phạm vi cả nước.
- Đa dạng hóa phương thức bán hàng như bán qua các Nhà phân phối/Đại lý và các hình thức hợp tác kinh doanh khác.
- Đa dạng hóa phương thức đầu tư: khách hàng tự đầu tư hệ thống thiết bị, phương tiện vận chuyển hoặc hợp tác đầu tư với CNG Việt Nam.
- Đa dạng hóa đối tác: hợp tác các đối tác có tiềm lực sản xuất, vận hành hệ thống thiết bị chuyên dụng CNG/LNG...

### 2

#### NÂNG CAO NĂNG LỰC SẢN XUẤT, TỒN CHỨA CNG, LNG

Để phục vụ các mục tiêu chiến lược, Công ty tiếp tục thực hiện đầu tư hoặc thuê dịch vụ nhằm nâng cao năng lực cung ứng, nâng công suất nén, vận chuyển phân phối đến khách hàng. Cụ thể:

- Giai đoạn 2020 đến 2021 nâng công suất nén CNG tại miền Nam lên 220 triệu Sm<sup>3</sup>/năm, và đầu tư hệ thống thiết bị, xe bồn chuyên dụng vận chuyển LNG.
- Giai đoạn 2023 trở đi phát triển thị trường LNG miền Bắc và miền Trung, xây dựng các bồn chứa tại khách hàng đồng thời đầu tư xe bồn chuyên dụng vận chuyển LNG.

### 3 & 4

#### HOÀN THIỆN CHUỖI VẬN CHUYỂN, PHÂN PHỐI, VẬN HÀNH/TIÊN PHONG CÔNG NGHỆ TỒN CHỨA, VẬN CHUYỂN, PHÂN PHỐI LNG

Công ty tiếp tục tinh gọn bộ máy nhân sự, xây dựng hoàn chỉnh cơ cấu các phòng, Chi nhánh, đào tạo nguồn nhân lực để đáp ứng yêu cầu ngày càng lớn mạnh của Công ty. Nghiên cứu hệ thống thiết bị cung cấp LNG để đón đầu phát triển thị trường. Nghiên cứu sâu công tác nén, bảo dưỡng, điều độ vận chuyển nhằm rút ngắn thời gian vận chuyển đến khách hàng an toàn, ổn định. Xây dựng cơ sở hạ tầng nhà máy LNG/CNG hiện đại, đồng bộ đáp ứng nhu cầu thị trường.

### 5

#### XÂY DỰNG THƯƠNG HIỆU CNG VIỆT NAM VÀ VĂN HÓA DOANH NGHIỆP

Xây dựng và phát triển thương hiệu CNG Việt Nam trở thành thương hiệu uy tín, chất lượng và phổ biến. Đưa thương hiệu CNG Việt Nam ăn sâu vào tiềm thức các khách hàng tiêu thụ nhiên liệu và các nhà đầu tư. Đưa văn hóa doanh nghiệp, văn hóa an toàn thấm nhuần tới từng CBCNV.

### 6

#### BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG, CHUNG TAY XÂY DỰNG XÃ HỘI VÀ CỘNG ĐỒNG

Công ty đảm bảo mục tiêu luôn tuân thủ các quy định của Pháp luật và Nhà nước về bảo vệ môi trường. Sử dụng công nghệ tiên tiến, xanh, sạch, thân thiện với môi trường, với mục tiêu hiệu quả, tiết kiệm và giảm thiểu tác động đến môi trường. Xử lý, vận chuyển và thu xếp việc xả thải an toàn các nguyên liệu, sản phẩm và chất thải một cách có trách nhiệm với môi trường.

## GẮN KẾT CÁC BÊN LIÊN QUAN TRONG CHIẾN LƯỢC HOẠT ĐỘNG

**LÀ CÔNG TY HÀNG ĐẦU TRONG LĨNH VỰC SẢN XUẤT VÀ PHÂN PHỐI KHÍ THIÊN NHIÊN, CỤ THỂ LÀ CNG, CÔNG TY CÓ MỐI QUAN HỆ MẬT THIẾT VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN TỪ ĐẦU VÀO ĐẾN ĐẦU RA VÀ VỚI CỘNG ĐỒNG – XÃ HỘI. ĐẶT TRONG BỐI CẢNH KINH DOANH VÀ CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN DÀI HẠN, CNG VIỆT NAM LUÔN XEM CÁC BÊN LIÊN QUAN LÀ NHỮNG ĐỐI TÁC QUAN TRỌNG BẬC NHẤT VÀ ẢNH HƯỞNG MẠNH MẼ ĐẾN HOẠT ĐỘNG SXKD CỦA CÔNG TY TRÊN CÁC MẶT KINH TẾ, XÃ HỘI VÀ MÔI TRƯỜNG.**

Xác định được điều đó, CNG Việt Nam đã xây dựng mối quan hệ bền vững với các bên liên quan, thường xuyên tham vấn để thu thập thông tin nhằm đáp ứng kỳ vọng của họ, phục vụ cho mục tiêu phát triển bền vững của Công ty. CNG Việt Nam xác định các bên liên quan dựa vào vai trò và mức độ ảnh hưởng của các bên liên quan đối với Công ty bao gồm: **Khách hàng, Cổ đông/Nhà đầu tư, Nhà cung cấp, Người lao động, Cơ quan quản lý Nhà nước, và Cộng đồng địa phương**, dựa trên “Mô hình đánh giá mức độ ảnh hưởng của các bên liên quan” bên dưới.

**MÔ HÌNH ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ ẢNH HƯỞNG CỦA CÁC BÊN LIÊN QUAN ĐỐI VỚI CNG VIỆT NAM**



## KỶ VỌNG CỦA CÁC BÊN LIÊN QUAN VÀ VẤN ĐỀ TRỌNG YẾU TRONG HĐSXKD

Căn cứ vào việc tương tác và tham vấn với các bên liên quan, CNG Việt Nam có thể xác định được các vấn đề mà họ quan tâm và kỳ vọng. Việc tham vấn cũng giúp Công ty xác định được lĩnh vực cần phải tập trung để đáp ứng sự quan tâm, kỳ vọng đó đồng thời phục vụ cho các định hướng mục tiêu chiến lược.

Bên liên quan	Kênh tham vấn	Mối quan tâm và kỳ vọng	Gắn kết với Mục tiêu chiến lược	Nội dung trong BCTN
<b>KHÁCH HÀNG</b>	Thiết lập cơ chế duy trì mối liên hệ, đối thoại thường xuyên và định kỳ thông qua quy trình “Bán khí và chăm sóc khách hàng”.	Giá khí, chất lượng dịch vụ khách hàng, cơ chế giải quyết khiếu nại.	(1) Bao phủ thị trường CNG/LNG toàn quốc; và nhanh chóng chiếm lĩnh thị phần LNG.	<ul style="list-style-type: none"> <li>Báo cáo của Ban Giám đốc</li> <li>Cộng đồng</li> <li>Trách nhiệm với môi trường</li> <li>Quản trị rủi ro</li> </ul>
	Hàng năm, Công ty khảo sát ý kiến, sự hài lòng của khách hàng thông qua “Phiếu thăm dò ý kiến”.  Hàng quý, Công ty cũng tập hợp ý kiến phản hồi của khách hàng để trình Ban Lãnh đạo có phương án xử lý, chỉ đạo tích cực, kịp thời.  Hàng tháng, nếu thị trường nhiên liệu (giá FO, LPG) có biến động, Công ty sẽ gặp gỡ trực tiếp với khách hàng để đối thoại, đàm phán giá bán.  Phản hồi và trao đổi qua đường dây nóng hoặc email.  Giao lưu văn hóa – thể thao với khách hàng.	An toàn trong vận hành và vận chuyển CNG, môi trường.  Tài chính vững mạnh, hoạt động ổn định liên tục.		
<b>CỔ ĐÔNG/ NHÀ ĐẦU TƯ</b>	Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường.  Viếng thăm Công ty, nhà máy.  Tiếp nhà đầu tư thông qua điện thoại, đàm thoại.  Giải đáp thắc mắc của nhà đầu tư qua hình thức email.  Tiếp nhận phản hồi qua website.  Tham gia hội thảo đầu tư do các công ty chứng khoán, quỹ đầu tư tổ chức.  Báo cáo thường niên, Báo cáo phân tích của công ty chứng khoán, quỹ đầu tư.  Công bố thông tin theo quy định.	Thành tích của Công ty trên nhiều lĩnh vực: kinh tế, xã hội và môi trường.  Hoạt động quan hệ nhà đầu tư, công bố thông tin.	(1) Bao phủ thị trường CNG/LNG toàn quốc; và nhanh chóng chiếm lĩnh thị phần LNG.  (5) Xây dựng thương hiệu CNG Việt Nam và văn hóa doanh nghiệp.	<ul style="list-style-type: none"> <li>Báo cáo của Hội đồng Quản trị</li> <li>Báo cáo của Ban Giám đốc</li> <li>Phân tích tài chính</li> </ul>

# GẮN KẾT CÁC BÊN LIÊN QUAN TRONG CHIẾN LƯỢC HOẠT ĐỘNG (tiếp theo)

## KỶ VỌNG CỦA CÁC BÊN LIÊN QUAN VÀ VẤN ĐỀ TRỌNG YẾU TRONG HỆSXKD

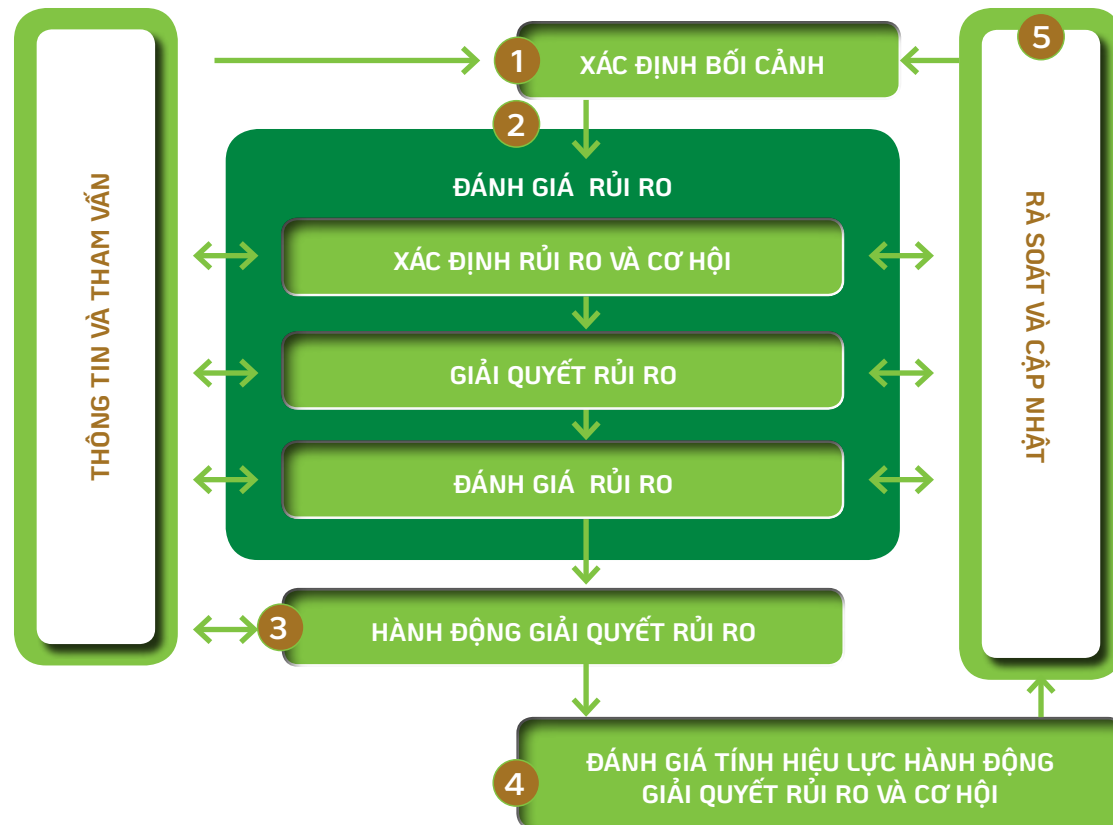
Bên liên quan	Kênh tham vấn	Mối quan tâm và kỳ vọng	Gắn kết với Mục tiêu chiến lược	Nội dung trong BCTN
<b>NHÀ CUNG CẤP</b>	PVGas là công ty mẹ và cũng là nhà cung cấp khí CNG duy nhất. Ngoài ra, CNG Việt Nam còn có các nhà cung cấp khác như: cung cấp thiết bị, dịch vụ vận chuyển, dịch vụ bảo trì-bảo dưỡng...	Giá bán khí đầu vào và các sản phẩm, dịch vụ khác.  Khả năng thanh toán hợp đồng cung cấp.  Hoạt động sản xuất kinh doanh an toàn, hiệu quả bền vững.	(1) Bao phủ thị trường CNG/LNG toàn quốc; và nhanh chóng chiếm lĩnh thị phần LNG.  (2) Nâng cao năng lực sản xuất, tồn chứa CNG, LNG.  (3) Hoàn thiện chuỗi vận chuyển, phân phối, vận hành.  (4) Tiên phong công nghệ tồn chứa, vận chuyển, phân phối LNG.	<ul style="list-style-type: none"> <li>Báo cáo của Ban Giám đốc</li> <li>Phân tích tài chính</li> <li>Quản trị rủi ro</li> </ul>
	Công ty duy trì cơ chế tiếp xúc, đàm phán về nguồn cung khí CNG cũng như giá đầu vào để đảm bảo sự ổn định liên tục của nguồn cung và hạn chế rủi ro giá khí đầu vào.  Tìm kiếm và đánh giá chi tiết chất lượng của các nhà cung cấp trang thiết bị, dịch vụ... trong và ngoài nước để đảm bảo an toàn, hiệu quả, bền vững, dựa trên các hoạt động đấu thầu và quy chế mua sắm trang thiết bị của Công ty.  Giao lưu văn hóa – thể thao với nhà cung cấp.	Chế độ đãi ngộ như quyền lợi lương thưởng, bảo hiểm, an toàn nghề nghiệp, đào tạo...  Môi trường làm việc và cơ hội thăng tiến.  Thành tích và uy tín của Công ty về kinh tế, môi trường, xã hội.	(5) Xây dựng thương hiệu CNG Việt Nam và văn hóa doanh nghiệp.	<ul style="list-style-type: none"> <li>Nguồn nhân lực</li> <li>Cộng đồng</li> <li>Báo cáo của Ban Giám đốc</li> <li>Phân tích tài chính</li> </ul>

Bên liên quan	Kênh tham vấn	Mối quan tâm và kỳ vọng	Gắn kết với Mục tiêu chiến lược	Nội dung trong BCTN
<b>CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC</b>	Tham gia các Hội nghị, Hội thảo do các cơ quan trung ương, sở ban ngành tổ chức.  Thường xuyên cập nhật các văn bản pháp luật để thay đổi cho phù hợp với những quy định mới, đảm bảo sự tuân thủ, đặc biệt trong lĩnh vực an toàn.  Tham gia đóng góp vào quy hoạch phát triển chung của ngành Dầu khí.	Tuân thủ các quy định pháp luật trong các lĩnh vực an toàn, bảo vệ môi trường và các quy định đặc thù của ngành Dầu khí.  Đảm bảo môi trường làm việc, an toàn lao động cho CBCNV và cộng đồng địa phương.  Tuân thủ các nghĩa vụ tài chính, nghĩa vụ thuế.	(6) Bảo vệ môi trường, chung tay xây dựng xã hội và cộng đồng.  (5) Xây dựng thương hiệu CNG Việt Nam và văn hóa doanh nghiệp.	<ul style="list-style-type: none"> <li>Trách nhiệm với môi trường</li> <li>Cộng đồng</li> <li>Đóng góp kinh tế bền vững</li> </ul>
	Phối hợp với chính quyền địa phương nơi đặt trụ sở văn phòng, nhà máy, chi nhánh để tìm hiểu tâm tư, nguyện vọng của người dân địa phương.  Gặp mặt trực tiếp để trao đổi các vấn đề phát sinh.	Đảm bảo tuân thủ pháp luật về môi trường, an toàn trong sản xuất kinh doanh.  Đóng góp vào sự phát triển của cộng đồng địa phương.	(6) Bảo vệ môi trường, chung tay xây dựng xã hội và cộng đồng.	<ul style="list-style-type: none"> <li>Trách nhiệm với môi trường</li> <li>Cộng đồng</li> <li>Đóng góp kinh tế bền vững</li> </ul>



# QUẢN TRỊ RỦI RO

## QUY TRÌNH QUẢN TRỊ RỦI RO



1

### XÁC ĐỊNH BỐI CẢNH CỦA TỔ CHỨC/ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

- Xác định mục đích, định hướng chiến lược và kết quả đầu ra mong muốn của hệ thống quản lý chất lượng, môi trường và an toàn sức khỏe nghề nghiệp.
- Xác định các vấn đề bên ngoài có thể ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh: chính trị, pháp luật, môi trường kinh tế vĩ mô, tài chính, công nghệ, cạnh tranh, điều kiện môi trường như khí hậu, chất lượng không khí, chất lượng nước, ô nhiễm...
- Các vấn đề bên trong gồm: giá trị, kiến thức văn hóa, nguồn lực, quá trình hoạt động của tổ chức
- Nhu cầu và mong đợi của các bên liên quan về hệ thống quản lý chất lượng, môi trường và an toàn sức khỏe nghề nghiệp

2

### ĐÁNH GIÁ RỦI RO

- Phân loại rủi ro dựa trên bản chất rủi ro và phạm vi tác động tiềm năng
- Phân tích, đánh giá rủi ro và cơ hội nhằm xác định kết quả mong đợi, sự không chắc chắn ảnh hưởng đến kết quả mong đợi từ các vấn đề bên trong, bên ngoài đã được xác định. Từ đó xác định cơ hội đạt được sau khi kiểm soát rủi ro.
- Phân tích các rủi ro dựa trên 2 tiêu chí là khả năng xảy ra và hậu quả xảy ra, cũng như xem xét hiệu lực của biện pháp kiểm soát hiện hành thông qua các dữ liệu thống kê trong quá khứ. Từ đó, đưa ra đánh giá mức độ rủi ro cao, thấp, trung bình.

3

### HÀNH ĐỘNG GIẢI QUYẾT RỦI RO

- Đối với các rủi ro được đánh giá là thấp và trung bình: duy trì các biện pháp kiểm soát rủi ro hiện hành.
- Đối với các rủi ro được đánh giá cao: cần hành động giải quyết rủi ro và cơ hội, thực hiện các biện pháp kiểm soát bổ sung.
- Phân công người chịu trách nhiệm thực hiện các hành động giải quyết rủi ro và cơ hội.
- Phổ biến và tổ chức thực hiện hành động giải quyết rủi ro và cơ hội.
- Hành động giải quyết rủi ro và cơ hội:
  - » Tránh rủi ro
  - » Chấp nhận rủi ro để theo đuổi cơ hội
  - » Loại bỏ nguồn rủi ro
  - » Thay đổi khả năng xảy ra hoặc hậu quả xảy ra để giảm thiểu rủi ro
  - » Chia sẻ rủi ro, hoặc lưu giữ lại rủi ro bằng một quyết định công khai.

4

### ĐÁNH GIÁ TÍNH HIỆU LỰC HÀNH ĐỘNG GIẢI QUYẾT RỦI RO VÀ CƠ HỘI

- Đánh giá mức độ tuân thủ các biện pháp đã hoạch định
- Đánh giá mức độ đạt được kết quả dự kiến
- Các đơn vị đánh giá tính hiệu lực của các hành động giải quyết rủi ro và cơ hội định kỳ 6 tháng/ lần đối với các rủi ro cao, và báo cáo kết quả về BGD Công ty.

5

### RÀ SOÁT VÀ CẬP NHẬT

- Theo dõi, rà soát, và cập nhật bảng xác định rủi ro và cơ hội từ bối cảnh của công ty định kỳ hàng năm.
- Nếu có bất kỳ sự thay đổi nào trong bối cảnh của tổ chức (vấn đề bên trong, bên ngoài, nhu cầu mong đợi các bên liên quan) cần phải rà soát và cập nhật bảng xác định rủi ro và cơ hội nhằm đảm bảo hiệu quả hoạt động của hệ thống quản lý chất lượng, môi trường, và an toàn sức khỏe nghề nghiệp.
- Ngoài ra, khi có sự thay đổi, hoặc phát sinh các khía cạnh môi trường có ý nghĩa, cũng cần rà soát và cập nhật các rủi ro liên quan an toàn sức khỏe nghề nghiệp.



# QUẢN TRỊ RỦI RO (tiếp theo)

## PHÂN LOẠI RỦI RO







RỦI RO	PHẠM VI TÁC ĐỘNG TIỀM NĂNG	BẢN CHẤT RỦI RO
 GIÁ KHÍ ĐẦU VÀO - ĐẦU RA	Hiệu quả kinh doanh Kế hoạch kinh doanh trung hạn	CNG Việt Nam hoạt động trong lĩnh vực phân phối CNG. Lợi nhuận thu được phụ thuộc rất lớn vào chênh lệch giá đầu ra và đầu vào của sản phẩm.  Cơ chế giá khí của Công ty được áp dụng dẫn theo cơ chế thả nổi của giá dầu thế giới. Do vậy, sự biến động mạnh của giá dầu thế giới sẽ gây ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty.
 RỦI RO VỀ LÃI SUẤT	Khẩu vị rủi ro và khả năng chịu đựng rủi ro Kế hoạch kinh doanh trung hạn Mục tiêu chiến lược dài hạn	Rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay của Công ty. Khi mặt bằng lãi vay tăng cao, chi phí tài chính sẽ tạo áp lực lớn đối với lợi nhuận của Công ty. Thêm vào đó, lãi suất tăng cao sẽ thu hẹp các lựa chọn huy động vốn cho các dự án đầu tư của Công ty trong tương lai.
 RỦI RO VỀ NHU CẦU TIÊU THỤ NHIÊN LIỆU	Kế hoạch kinh doanh trung hạn Mục tiêu chiến lược dài hạn Hiệu quả kinh doanh	Thị trường tiêu thụ khí của Công ty chủ yếu là các doanh nghiệp sản xuất công nghiệp và các doanh nghiệp hoạt động trong ngành thực phẩm. Đây đều là các ngành chịu ảnh hưởng mạnh từ xu hướng chung của nền kinh tế. Do đó khi nền kinh tế tăng trưởng chậm lại, ngành công nghiệp thu hẹp sản xuất, thị trường bất động sản trầm lắng, người dân hạn chế chi tiêu, nhu cầu đối với sản phẩm CNG sẽ bị suy giảm và ảnh hưởng đến tốc độ tăng trưởng của Công ty.  Thêm vào đó, khí thiên nhiên là sản phẩm năng lượng có sự đa dạng trong sản phẩm thay thế. Khi giá khí biến động mạnh, giá các loại nhiên liệu thay thế thấp hơn giá CNG sẽ khiến nhiều khách hàng của Công ty có xu hướng chuyển sang sử dụng các nhiên liệu thay thế khác. Vì vậy, rủi ro về nhu cầu tiêu thụ nhiên liệu là một yếu tố trọng yếu mà Công ty luôn cần chú trọng.

RỦI RO	PHẠM VI TÁC ĐỘNG TIỀM NĂNG	BẢN CHẤT RỦI RO
 RỦI RO TÍN DỤNG VÀ RỦI RO DÒNG TIỀN	Hiệu quả kinh doanh	Rủi ro tín dụng xuất phát từ nghĩa vụ thanh toán của đối tác. Nếu đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ nợ trong hợp đồng sẽ gây nên tổn thất tài chính cho Công ty. Do đó, khoản phải thu là một trong những rủi ro lớn mà Công ty phải thường xuyên đối diện. Khoản phải thu khó thu hồi sẽ đặt Công ty vào khả năng bị chiếm dụng vốn, gây thất thoát nguồn vốn của Công ty.  Rủi ro về dòng tiền diễn ra khi Công ty gặp khó khăn trong việc thực hiện các nghĩa vụ tài chính, không nắm bắt các cơ hội đầu tư quan trọng khi không có đủ nguồn vốn cần thiết. Đây là vấn đề liên quan đến việc quản trị tài sản và nguồn vốn lưu động. Các khoản nợ xấu phát sinh từ công nợ khách hàng kéo dài, không có khả năng thanh toán bắt buộc Công ty phải trích lập dự phòng, làm giảm lợi nhuận và hao hụt dòng tiền.
 RỦI RO VỀ AN TOÀN LAO ĐỘNG	Kế hoạch kinh doanh trung hạn Danh tiếng của Công ty	Với đặc thù sản xuất cung cấp các sản phẩm năng lượng Dầu khí, sử dụng nhiều nhân lực và phương tiện hoạt động, môi trường kinh doanh của CNG Việt Nam luôn tiềm ẩn nguy cơ cháy nổ cao, nguy cơ xảy ra thiệt hại lao động cho con người, sự cố hư hỏng thiệt hại tài sản có giá trị lớn, sự cố rò rỉ khí và thậm chí là các sự cố ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường thiên nhiên.  Một khi sự cố xảy ra, hậu quả sẽ đặc biệt nghiêm trọng. Đối với Công ty, những rủi ro này sẽ gây tổn thất lớn về tài sản, con người, tiến độ các dự án, uy tín của Công ty đối với người lao động và khách hàng. Đối với người lao động, thiệt hại về tính mạng, tâm lý bị ảnh hưởng tiêu cực, suy giảm hiệu suất lao động là điều không thể tránh khỏi. Những rủi ro này khi xảy ra sẽ khiến Công ty mất nhiều thời gian để khắc phục và phục hồi nguồn lực trở lại nguyên trạng ban đầu.
 RỦI RO VỀ QUẢN LÝ NHÂN SỰ	Kế hoạch kinh doanh trung hạn Mục tiêu chiến lược dài hạn	Với quan điểm con người là hạt nhân của sự thành công của doanh nghiệp, rủi ro trong quá trình quản trị nguồn nhân lực luôn là vấn đề được Công ty quan tâm.  Với hoạt động chính là sản xuất và chiết nạp khí thiên nhiên, nguồn nhân lực Công ty luôn đòi hỏi sự đào tạo bài bản. Nhân viên luôn được đòi hỏi cao về kỹ thuật và trình độ chuyên môn trong việc vận hành các hệ thống máy nén khí, trạm giảm áp, các trang thiết bị máy móc kỹ thuật chuyên dụng. Việc quản trị kém hiệu quả sẽ dẫn đến thiếu hụt nhân lực có trình độ cao, mất đoàn kết nội bộ, vận hành không hiệu quả. Trong môi trường kinh doanh nhiều biến động, sự ổn định của nguồn nhân lực chất lượng càng trở thành vấn đề thách thức đối với Công ty.

# QUẢN TRỊ RỦI RO (tiếp theo)

## BIỆN PHÁP QUẢN TRỊ ĐỐI VỚI TỪNG LOẠI RỦI RO



RỦI RO	BIỆN PHÁP QUẢN TRỊ RỦI RO
 <p><b>GIÁ KHÍ ĐẦU VÀO - ĐẦU RA</b></p>	<p>Mục tiêu quản trị rủi ro chi phí đầu vào nhận được sự chú trọng thông qua hoạt động thu mua dựa theo dự báo về tình hình giá dầu thế giới. Công ty liên tục theo sát diễn biến và tiến hành dự báo giá dầu thế giới để có những điều chỉnh phù hợp trong giá bán. Đối với giá khí đầu ra, Công ty ưu tiên đàm phán với khách hàng theo các hợp đồng với thời hạn ngắn nhằm giảm thiểu tác động từ sự biến động của giá dầu lên biên lợi nhuận, qua đó gia tăng hiệu quả kinh doanh cho cả khách hàng và Công ty.</p> <p>Công ty đẩy mạnh phát triển thị trường để tăng sản lượng, thực hiện các hợp đồng có điều khoản điều chỉnh linh hoạt giá bán khi có sự biến động lớn của giá nguyên liệu. Thực hiện các chiến lược kinh doanh phù hợp với thị trường tại từng thời điểm, từng đối tượng khách hàng và từng khu vực.</p> <p>Thắt chặt mối quan hệ với nhà cung cấp thông qua việc xây dựng uy tín bằng thực hiện tốt các nghĩa vụ thanh toán và các yêu cầu liên quan.</p> <p>Xây dựng kế hoạch ngân sách, giám sát chặt chẽ chi phí hoạt động, chi phí bảo trì mua sắm... đảm bảo các chi phí tuân theo tiến trình ngân sách được hoạch định. Ngoài những chi tiêu cần thiết nhằm phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh thì Công ty luôn hạn chế ở mức tối thiểu các chi phí khác nhằm đạt lợi nhuận cao nhất.</p>
 <p><b>RỦI RO VỀ LÃI SUẤT</b></p>	<p>Công ty tiến hành phân tích và xây dựng cơ cấu nguồn vốn hợp lý phù hợp với hoạt động sản xuất công ty. Công ty xây dựng nguồn vốn tự có thông qua hoạt động kinh doanh hiệu quả để tài trợ hoạt động.</p> <p>Thực hiện khảo sát, tiếp cận với các phương án vốn khác nhau nhằm lựa chọn nguồn vốn với chi phí rẻ nhất. Thực hiện các biện pháp cần thiết nhằm phòng hộ rủi ro biến động lãi suất và duy trì hợp lý mức rủi ro trong biên độ cho phép.</p> <p>Công ty phân tích các nguồn vốn cho hoạt động đầu tư để chi phí sử dụng vốn ở mức thấp nhất nhưng vẫn đảm bảo cấu trúc tài chính an toàn.</p>

RỦI RO	BIỆN PHÁP QUẢN TRỊ RỦI RO
 <p><b>RỦI RO VỀ NHU CẦU TIÊU THỤ NHIÊN LIỆU</b></p>	<p>Công ty luôn quan tâm đến việc thắt chặt mối quan hệ với khách hàng hiện có. Nỗ lực đa dạng hóa mạng lưới cung cấp sản phẩm bằng cách tăng cường tìm kiếm các khách hàng mới thông qua các hợp đồng và thỏa thuận bán khí đảm bảo lợi ích cho cả hai bên.</p> <p>Công ty luôn chủ động quảng bá hình ảnh, tăng cường tiếp thị quảng cáo lợi ích khi sử dụng các sản phẩm khí thiên nhiên nhằm mở rộng thị trường tiêu thụ. Bên cạnh đó là duy trì khả năng cạnh tranh trong môi trường kinh doanh hiện tại.</p> <p>Đa dạng hóa lĩnh vực tiêu thụ trong mạng lưới khách hàng. Cụ thể, CNG Việt Nam luôn tìm kiếm các khách hàng mới trên mọi lĩnh vực, ngành nghề kinh doanh cũng như khu vực kinh doanh để giảm bớt những rủi ro đến từ sự tập trung với mật độ cao ở một số ngành nghề nhất định như hiện tại.</p> <p>Công ty luôn thực hiện công tác cập nhật thông tin, dự báo nhu cầu tiêu thụ của thị trường để có bức tranh tổng quan và chính xác nhất về doanh thu, lợi nhuận.</p> <p>Việc lập ngân sách, các kế hoạch đầu tư, sử dụng nguồn vốn, thời điểm đầu tư cũng được xây dựng linh hoạt dựa trên những dự báo để tránh những hoạt động đầu tư không hiệu quả hoặc bỏ qua các cơ hội đầu tư tiềm năng.</p> <p>Công ty phân loại khách hàng để có kế hoạch cung ứng phù hợp, hiệu quả.</p>
 <p><b>RỦI RO TÍN DỤNG VÀ RỦI RO DÒNG TIỀN</b></p>	<p>Công ty thường xuyên tiến hành các hoạt động kiểm soát công nợ như phân tích về tuổi nợ, ngày thu nợ. Thẩm định sức khỏe tài chính của khách hàng trước khi ký kết hợp đồng. Thực hiện chính sách tín dụng đối với từng nhóm khách hàng cụ thể, theo sức khỏe tài chính, khu vực và loại hình kinh doanh. Thường xuyên theo dõi để đánh giá chính xác những rủi ro tín dụng tiềm ẩn có thể phát sinh.</p> <p>Bên cạnh đó, Công ty luôn tạo chiều sâu trong mối liên hệ hợp tác với khách hàng nhằm hiểu rõ về tình trạng tài chính, uy tín giao dịch của từng khách hàng định kỳ. Bên cạnh đó, Công ty cũng chia sẻ khó khăn với khách hàng thông qua việc nới lỏng về thời gian trả chậm nhưng vẫn kiểm soát chặt chẽ khoản phải thu.</p> <p>Với công tác quản trị rủi ro tín dụng hiệu quả, Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng và các đối tác. Các khoản phải thu đến từ các khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.</p> <p>Đối với các khoản phải thu có nhiều rủi ro, Công ty trích lập dự phòng hợp lý. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ 6 tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.</p> <p>Dù kiểm soát chặt chẽ rủi ro tín dụng nhưng Công ty vẫn duy trì sự linh hoạt tối thiểu nhằm đạt sự hài hòa với khả năng đạt được các mục tiêu tăng trưởng đề ra của Công ty.</p> <p>Song hành cùng những nỗ lực quản trị rủi ro dòng tiền từ vốn luân chuyển, sự cân đối dòng tiền thuận cũng là một nhân tố quan trọng nhằm đạt sự cân bằng giữa hoạt động đầu tư xây dựng mà không ảnh hưởng đến cấu trúc nguồn vốn của Công ty.</p>



# QUẢN TRỊ RỦI RO (tiếp theo)

## BIỆN PHÁP QUẢN TRỊ ĐỐI VỚI TỪNG LOẠI RỦI RO

RỦI RO	BIỆN PHÁP QUẢN TRỊ RỦI RO
 RỦI RO VỀ AN TOÀN LAO ĐỘNG	<p>Với đặc thù phân phối năng lượng, công tác đảm bảo an toàn lao động trong quá trình hoạt động luôn được đặt lên hàng đầu. Các hoạt động vận hành luôn được giám sát chặt chẽ và tuân theo quy trình nhất định.</p> <p>CNG hoàn thành việc nâng cấp hệ thống quản lý An toàn – Chất lượng – Môi trường (ATCLMT) theo các tiêu chuẩn ISO 9001:2015, ISO 14001:2015 &amp; ISO 45001: 2018, được Viện Tiêu chuẩn Anh (BSI) Việt Nam đánh giá công nhận. Bên cạnh đó, quy trình quản trị rủi ro được liên tục cải tiến phù hợp với những thay đổi trong điều kiện sản xuất. Từ lúc vận hành đến nay, Công ty chưa để xảy ra bất kỳ một sự cố nghiêm trọng nào, đây là điều đáng tự hào của một doanh nghiệp kinh doanh trong ngành khí.</p> <p>Người lao động được đào tạo bài bản trước khi vận hành, công tác bảo hộ lao động đặc biệt được chú trọng. Công ty thường xuyên tổ chức các lớp đào tạo, huấn luyện về phòng cháy chữa cháy nhằm xây dựng văn hóa lao động an toàn, nâng cao ý thức và đào tạo những kỹ năng cần thiết đối với các trường hợp bất ngờ xảy ra.</p> <p>Nhà máy và các máy móc thiết bị luôn có kế hoạch bảo trì, sửa chữa định kỳ và luôn được duy trì trong trạng thái vận hành tốt nhất và an toàn nhất. Công ty sử dụng công cụ, phần mềm quản lý công tác kiểm tra bảo dưỡng trang thiết bị, máy móc, phương tiện nhằm đảm bảo tình trạng an toàn kỹ thuật và tối ưu hóa chất lượng cho sản phẩm.</p> <p>Công ty tiến hành mua bảo hiểm con người (bảo hiểm tai nạn, bảo hiểm sinh mạng cá nhân, bảo hiểm trợ cấp nằm viện, phẫu thuật) cho người lao động. Cùng với đó là các chính sách mua bảo hiểm cho tài sản hoạt động nhằm giúp giảm bớt thiệt hại cho Công ty nếu có rủi ro tai nạn xảy ra.</p>
 RỦI RO VỀ QUẢN LÝ NHÂN SỰ	<p>Công ty luôn cân bằng giữa lợi ích của người lao động và lợi ích chung của Công ty trong việc quản trị nguồn nhân lực.</p> <p>Lao động được tuyển dụng, điều chuyển hợp lý, đảm bảo đầy đủ nguồn nhân lực trong quá trình vận hành. Công ty đảm bảo lương, thưởng và quy trình đánh giá năng lực diễn ra công bằng, minh bạch theo quy chế Công ty và quy định của pháp luật. Công ty luôn chăm lo đời sống vật chất và tinh thần, tạo điều kiện phát triển tốt nhất cho đội ngũ CBCNV của Công ty. Bên cạnh đó, với sự hồi phục của thị trường dầu khí và triển vọng khả quan của nền kinh tế, đây cũng là cơ hội để Công ty có thể tìm kiếm và bổ sung nguồn nhân lực chất lượng cho các dự án đầu tư mở rộng trong tương lai.</p> <p>CBCNV thường xuyên được đào tạo bồi dưỡng, trau dồi, nâng cao chuyên môn, nghiệp vụ và tay nghề nhằm nâng cao năng lực.</p>







*Đồng lòng, vững bước...*  
**VƯƠN LÊN**

# 3

## **BÁO CÁO CỦA HĐQT, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Báo cáo của Hội đồng Quản trị	66
Báo cáo của Ban Kiểm soát	80
Báo cáo của Ban Giám đốc	83
Cơ cấu cổ đông và Hoạt động Quan hệ nhà đầu tư	101
Lương, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, BKS, BGD	104

# BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

## CƠ CẤU VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2020



Bên cạnh các quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ hoạt động của Công ty, CNG Việt Nam luôn mong muốn vươn tới các thông lệ quản trị tốt nhất và chuẩn mực quản trị tiên tiến trên thế giới. Với việc bổ sung thêm 01 thành viên chuyên trách trong năm 2019 để thay thế cho thành viên kiêm nhiệm, HĐQT CNG Việt Nam hiện nay chỉ còn một thành viên là Ông Vũ Văn Thực kiêm nhiệm chức danh Giám đốc, còn lại 4/5 thành viên đều là các thành viên không điều hành, trong đó có hai thành viên chuyên trách là Ông Phạm Đình Đạt và Ông Bùi Tường

Định, và một thành viên độc lập là Bà Lê Thị Thu Giang. Cơ cấu HĐQT cũng cho thấy tính bình đẳng giới rất cao khi có tới 2/5 là thành viên nữ.

Với các kinh nghiệm đa dạng và chuyên sâu trong lĩnh vực dầu khí, tài chính-kinh doanh, các thành viên HĐQT đã thảo luận và tư vấn nhiều vấn đề của Công ty một cách dân chủ, minh bạch, khoa học, kịp thời đưa ra các giải pháp để đảm bảo lợi ích cao nhất cho cổ đông và các bên liên quan.

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là TV.HĐQT	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự buổi họp (%)	Lý do
1	Bà Nguyễn Thị Hồng Hải	Chủ tịch HĐQT	10/4/2015	4/4	100%	
2	Ông Vũ Văn Thực	TV HĐQT kiêm Giám đốc	26/4/2016	4/4	100%	
3	Ông Phạm Đình Đạt	TV HĐQT chuyên trách	26/4/2016	3/4	75%	Nghỉ phép
4	Bà Lê Thị Thu Giang	TV HĐQT độc lập	18/4/2018	4/4	100%	
5	Ông Bùi Tường Định	TV HĐQT chuyên trách	18/4/2019	4/4	100%	

Năm 2020 là một năm mà ngành dầu khí cũng như toàn nền kinh tế trải qua những khó khăn chưa có tiền lệ do khủng hoảng dịch bệnh Covid-19, đẩy nhiều hoạt động sản xuất kinh doanh, vận tải, du lịch, hàng không... rơi vào tê liệt; thị trường dầu khí thế giới giảm sâu do nguồn

cung ứ đọng. Trong bối cảnh đầy thách thức này, HĐQT đã thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ theo quy định, tập trung vào các mảng hoạt động: Xây dựng chiến lược, Giám sát và quản lý hiệu quả hoạt động, Giám sát hiệu quả quản trị của bộ máy lãnh đạo và Quản trị rủi ro.

VAI TRÒ	NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM	CÁCH THỨC THỰC HIỆN
XÂY DỰNG CHIẾN LƯỢC	Xây dựng chiến lược kinh doanh, phương hướng hoạt động và định hình giá trị dài hạn của Công ty. Chịu trách nhiệm xét duyệt và chấp thuận các kế hoạch hoạt động thường niên.	Thông qua làm việc, trao đổi cùng đội ngũ điều hành, HĐQT xác định sự thay đổi, phát triển của nhu cầu thị trường trong ngắn hạn, trung hạn và dài hạn. Từ đó đưa ra các cơ hội mới và rủi ro tiềm ẩn nhằm thiết lập các chiến lược, giải pháp kinh doanh phù hợp. Đảm bảo công tác truyền thông chiến lược phát triển, mục tiêu hoạt động cốt lõi đến các bộ phận chủ chốt được liên tục, góp phần duy trì hoạt động kinh doanh theo đúng mục tiêu đề ra. Các chính sách liên quan đến thù lao, lương, thưởng luôn được HĐQT xem xét thường xuyên để kịp thời điều chỉnh nhằm đảm bảo sự ghi nhận những nỗ lực của CBNV.
GIÁM SÁT VÀ QUẢN LÝ HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG	Giám sát hiệu quả hoạt động của CNG Việt Nam. Đảm bảo kết quả hoạt động tuân thủ nghiêm ngặt kế hoạch và chiến lược đề ra. Các báo cáo được thực hiện bao gồm: • Báo cáo của Ban điều hành • Báo cáo hiệu quả hoạt động • Báo cáo tình hình tài chính • Báo cáo hoạt động đầu tư • Vấn đề cổ tức cho cổ đông	Đánh giá hiệu quả hoạt động và hiệu quả tài chính của Công ty định kỳ. Tiếp nhận các đánh giá về hiệu quả hoạt động dựa trên các nhóm chỉ tiêu đánh giá riêng biệt. Dựa trên kết quả hoạt động thực tế, đưa ra yêu cầu cần thiết về sự cải thiện hiệu quả hoạt động trong việc thực hiện các giám sát hoạt động thường xuyên trong năm tài chính. Dựa trên kết quả hoạt động và định hướng phát triển ngắn hạn của Công ty để xây dựng và đánh giá chính sách phân phối thu nhập cho cổ đông định kỳ hàng quý, hàng năm. Lắng nghe và tiếp nhận các ý kiến đóng góp của người lao động thông qua các khảo sát ý kiến định kỳ. Các khảo sát ý kiến nhân viên được dựa trên sự đo lường mức độ tích hợp giá trị Công ty vào văn hóa của doanh nghiệp trên nền tảng hoạt động kinh doanh cốt lõi.
GIÁM SÁT HIỆU QUẢ QUẢN TRỊ CỦA BỘ MÁY LÃNH ĐẠO	Sự thành công của công tác quản trị HĐQT và Ban điều hành	Duy trì tính liên tục và sự phù hợp của bộ máy lãnh đạo đóng vai trò chủ chốt đối với sự vận hành của CNG Việt Nam trong nhiều năm qua. Do đó, HĐQT có trách nhiệm đảm bảo việc lựa chọn nhân sự phù hợp nhất về chuyên môn và văn hóa hoạt động của Công ty.
QUẢN TRỊ RỦI RO	Đảm bảo sự nhận dạng chính xác các rủi ro trọng yếu ảnh hưởng lên hoạt động kinh doanh của Công ty. Đảm bảo quy trình kiểm soát và quản trị rủi ro diễn ra chính xác và kịp thời.	HĐQT, trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua các bộ phận chức năng, thường xuyên đánh giá quy trình quản trị rủi ro. Thường xuyên đánh giá tính hiệu quả của quy trình quản trị rủi ro và quy trình kiểm soát nội bộ của Công ty nhằm đưa ra những sự điều chỉnh cần thiết kịp thời. Thiết lập quy trình đánh giá tác động lên lợi nhuận hoạt động và lợi nhuận tài chính từ biến động giá nhiên liệu đầu vào. Xây dựng các kịch bản giá nhiên liệu và cách thức Công ty phản ứng với các biến động ngoài dự kiến của thị trường dầu mỏ và thị trường khí thiên nhiên. Vui lòng xem thêm ở phần <b>Quản trị Rủi ro</b> .

# BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

## CƠ CẤU VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2020 (tiếp theo)

HĐQT đã tổ chức 01 phiên họp ĐHĐCĐ thường niên và 01 phiên họp ĐHĐCĐ bất thường, 04 phiên họp HĐQT thường kỳ và nhiều lần lấy ý kiến các thành viên HĐQT bằng văn bản để kịp thời xem xét và giải quyết các công việc thuộc trách nhiệm của HĐQT như các định hướng lớn trong sản xuất kinh doanh, phê duyệt chủ trương nhận chuyển nhượng mảng CNG Miền Bắc, kế hoạch

kinh doanh, hoạt động đầu tư, quy chế lương thưởng... Ngoài ra, các thành viên HĐQT cũng thường xuyên trao đổi công việc qua email, hội nghị thoại, trực tiếp làm việc với các bộ phận chức năng... để thảo luận các vấn đề cấp bách phát sinh, kịp thời đưa ra các ý kiến tư vấn, kết hợp cùng Ban điều hành chỉ đạo hoạt động sản xuất kinh doanh vượt qua giai đoạn khó khăn.



Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Thời gian	Nội dung
1	01/NQ-HĐQT	09/01/2020	Họp HĐQT về kết quả SXKD năm 2019 và phương hướng thực hiện kế hoạch cho năm 2020
2	02/NQ-HĐQT	15/01/2020	Tạm ứng 10% cổ tức năm 2019
3	04/NQ-HĐQT	27/02/2020	Nhượng bán tài sản góp vốn của Công ty tại tòa nhà Gas Tower
4	46/QĐ-CNG	28/02/2020	Bộ định mức kinh tế - kỹ thuật cho vận hành, vận chuyển, bảo dưỡng sửa chữa, an toàn và chênh lệch khí của CNG Việt Nam
5	05/NQ-CNG	12/3/2020	Kế hoạch tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2020
6	06/NQ-CNG	19/3/2020	Kết quả SXKD quý 1/2020, phương hướng triển khai kế hoạch SXKD năm 2020 và chuẩn bị ĐHĐCĐ thường niên 2020
7	112/QĐ-CNG	26/3/2020	Thông qua danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu kỹ thuật gói số 6
8	121/QĐ-CNG	06/4/2020	Phê duyệt cung đường vận chuyển khí CNG của các xe đầu kéo khu vực miền Nam cho 3 khách hàng mới.
9	08/NQ-CNG	14/4/2020	Phê duyệt kế hoạch SXKD năm 2020
10	131/QĐ-CNG	20/4/2020	Phê duyệt quỹ tiền lương, thù lao thực hiện năm 2019.
11	09/NQ-CNG	20/4/2020	Thông qua kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu số 6 "Thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị công trình" dự án "Trụ sở văn phòng CNG Việt Nam"
12	11/NQ-HĐQT	28/4/2020	Bầu chủ tịch HĐQT Công ty
13	154/QĐ-CNG	29/4/2020	Ban hành Quy chế dân chủ ở cơ sở tại nơi làm việc của Công ty
14	12/NQ-CNG	29/4/2020	Thông qua chương trình hành động thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2020
15	13/NQ-CNG	26/5/2020	Phê duyệt lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập năm 2020
16	190/QĐ-CNG	27/5/2020	Ban hành quy chế trả lương, trả thưởng đối với CBCNV
17	271/QĐ-CNG	30/6/2020	Phê duyệt cung đường vận chuyển khí CNG của các xe đầu kéo khu vực miền Nam cho 26 khách hàng.
18	14/NQ-CNG	08/7/2020	Nghị quyết họp HĐQT Quý 2/2020

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Thời gian	Nội dung
19	289/QĐ-CNG	16/7/2020	Phân công nhiệm vụ trong HĐQT
20	14/NQ-CNG	19/8/2020	Bổ sung kế hoạch đầu tư năm 2020
21	337/QĐ - CNG	31/8/2020	Quy chế công bố thông tin trên thị trường chứng khoán
22	15/NQ-CNG	08/9/2020	Thanh toán 15% cổ tức năm 2019
23	361/QĐ-CNG	23/9/2020	Phê duyệt cung đường, định mức nhiên liệu
24	16/NQ-CNG	21/10/2020	Nghị quyết họp HĐQT Quý 3/2020
25	419/QĐ-CNG	25/11/2020	Quyết định sửa đổi một số nội dung tại Quyết định số 117/QĐ-HĐQT ngày 24/4/2019 về quy chế phân cấp đầu tư và quản lý đầu thầu
26	18/QN-CNG	30/11/2020	Triệu tập ĐHĐCĐ bất thường năm 2020
27	431/QĐ-CNG	02/12/2020	Phê duyệt dự án mua hệ thống CNG tại miền Bắc
28	451/QĐ-CNG	09/12/2020	Định mức cung đường vận chuyển khí CNG của các xe đầu kéo khu vực miền Bắc cho 12 khách hàng
29	463/QĐ-CNG	11/12/2020	Phê duyệt mua vật tư dự phòng thuộc "Dự án mua hệ thống CNG tại miền Bắc"
30	465/QĐ-CNG	16/12/2020	Phê duyệt kế hoạch mua tài sản Dự án mua hệ thống CNG tại miền Bắc
31	20/NQ-CNG	18/12/2020	CNG VN ký hợp đồng mua khí với PVGAS và/hoặc PVGAS D
31	487/QĐ-CNG	25/12/2020	Chấp thuận nội dung hợp đồng mua bán đầu giá "Hệ thống tài sản CNG thuộc dự án hệ thống phân phối khí thấp áp cho KCN Tiên Hải, Thái Bình" thuộc "Dự án mua hệ thống CNG tại miền Bắc".
32	491/QĐ-CNG	25/12/2020	Chấp thuận nội dung hợp đồng "Mua hệ thống tài sản cấp khí cho các khách hàng – gắn liền với các khách hàng đã bàn giao"
33	21/NQ-CNG	30/12/2020	Điều chỉnh kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020
34	01/NQ-HĐQT	05/01/2021	Nghị quyết họp HĐQT Quý 4/2020

# BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

## ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA CÔNG TY

Như chúng ta đã biết, thị trường dầu khí thế giới năm qua bị ảnh hưởng nghiêm trọng do Covid-19 khiến nhu cầu sụt giảm mạnh và nguồn cung ứ đọng. Cuối tháng 4/2020, giá dầu WTI giao dịch ở mức âm và giá dầu Brent sụt giảm về quanh mức 17 USD/thùng. Tính bình quân, giá dầu Brent trong năm qua chỉ ở quanh mức 43 USD/thùng.

Các biện pháp phòng chống Covid-19 mạnh mẽ trên toàn thế giới như giãn cách xã hội, phong tỏa địa điểm dịch bệnh... cộng với tâm lý bi quan của người dân khiến nhu cầu kinh tế rơi về vùng đáy, đặc biệt là trong nửa đầu năm 2020. Điều này cộng với giá dầu sụt giảm mạnh đã gây nên tác động kép, vừa giảm giá bán và giảm nhu cầu tiêu thụ khí từ khách hàng của Công ty do sản xuất bị thu hẹp.

Nhờ những biện pháp phòng chống dịch bệnh hiệu quả của Chính phủ, thực hiện mục tiêu kép vừa phòng chống Covid-19 vừa phát triển kinh tế, hoạt động sản xuất kinh doanh và tâm lý của người tiêu dùng đã hồi phục đáng kể về cuối năm 2020.

HĐQT đã luôn theo sát các biến động của thị trường dầu khí thế giới, triển vọng kinh tế vĩ mô trong nước, tình hình dịch bệnh và diễn biến hoạt động kinh doanh của Công ty để đưa ra những định hướng chỉ đạo phù hợp, linh hoạt, đảm bảo an toàn trong sản xuất kinh doanh và tận dụng mọi cơ hội có được. Với sự nỗ lực vượt bậc và đoàn kết một lòng, tập thể CBCNV Công ty đã hoàn thành tốt các nhiệm vụ và chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2020, tạo tiền đề cho những định hướng mới của CNG Việt Nam vào năm 2021.

Trong một năm nhiều khó khăn, Công ty tiếp tục duy trì đà phát triển khi ký thêm 03 hợp đồng mua bán khí với khách hàng, trong đó cấp khí cho 01 khách hàng mới, đồng thời hoàn thành nhận bàn giao toàn bộ khách hàng từ PVGas LPG theo chủ trương của Tổng Công ty Khí Việt Nam về thực hiện mô hình tổ chức kinh doanh các sản phẩm khí và một số khách hàng hiện hữu tăng sản lượng tiêu thụ.

Sản lượng tiêu thụ CNG trong năm 2020 đạt 227,0 triệu Sm<sup>3</sup>, tương đương 104% kế hoạch năm và tăng 118% so với con số 192,2 triệu Sm<sup>3</sup> của năm trước. Tổng doanh thu của Công ty trong năm 2020 đạt 2.351,1 tỷ đồng bằng 105% so với kế hoạch, trong đó doanh thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh chính (CNG) đạt 2.337,9 tỷ đồng tăng 9,7% so với năm 2019. LNTT năm 2020 đạt 65,4 tỷ đồng và LNST đạt 51,0 tỷ đồng, lần lượt tương ứng với 108% và 106% kế hoạch năm.

### SẢN LƯỢNG TIÊU THỤ CNG

**227,0**  
Triệu Sm<sup>3</sup>

TƯƠNG ĐƯƠNG 104% KẾ HOẠCH  
VÀ TĂNG 118% SO VỚI NĂM 2019

### TỔNG DOANH THU NĂM 2020

**2.351,1**  
Tỷ đồng

BẰNG 105% SO VỚI KẾ HOẠCH

**HĐQT ĐÃ LUÔN THEO SÁT CÁC BIẾN ĐỘNG CỦA THỊ TRƯỜNG DẦU KHÍ THẾ GIỚI, TRIỂN VỌNG KINH TẾ VĨ MÔ TRONG NƯỚC, TÌNH HÌNH DỊCH BỆNH VÀ DIỄN BIẾN HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA CÔNG TY ĐỂ ĐƯA RA NHỮNG ĐỊNH HƯỚNG CHỈ ĐẠO PHÙ HỢP, LINH HOẠT, ĐẢM BẢO AN TOÀN TRONG SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ TẬN DỤNG MỌI CƠ HỘI CÓ ĐƯỢC.**

Stt	Các chỉ tiêu chính	Đvt	Năm 2020		Năm 2019		
			Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ TH/KH (%)	Thực hiện	Tỷ lệ 2020/2019 (%)
I	Tổng sản lượng CNG	Triệu Sm <sup>3</sup>	217,5	227,0	104%	192,2	118%
1	Miền Nam	Triệu Sm <sup>3</sup>	171,0	177,2	104%	179,5	99%
2	Miền Bắc	Triệu Sm <sup>3</sup>	46,5	49,8	107%	12,6	394%
II	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	2.237,0	2.351,1	105%	2.146,7	110%
III	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	60,4	65,4	108%	107,6	61%
IV	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	48,3	51,0	106%	84,3	60%

Trong năm qua đã không có bất kỳ sự cố nghiêm trọng nào gây ảnh hưởng đến tính mạng, môi trường cũng như hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Trong bối cảnh Covid-19, Công ty đã duy trì đầy đủ các biện pháp phòng chống theo khuyến cáo của Bộ Y tế, cơ quan phòng chống dịch bệnh địa phương, đảm bảo điều kiện làm việc an toàn tuyệt đối cho người lao động. Công ty đã không ngừng duy trì và cải tiến phương pháp vận hành, thực hiện các biện pháp cắt giảm chi phí hoạt động nhằm tạo ra kết quả sản xuất tối ưu và an toàn nhất.

Các dự án đầu tư thực hiện trong năm đảm bảo về chất lượng công trình, chất lượng thiết bị, an toàn, đáp ứng nhu cầu nhận khí của khách hàng, tuân thủ kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty. Các chủ trương về tiết kiệm, giảm chi phí, duy trì ổn định tốc độ quay vòng vốn, tính toán, cân đối nguồn vốn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh tiếp tục triển khai hiệu quả.

Việc tuyển dụng, sử dụng, điều chuyển lao động hợp lý, đảm bảo hiệu quả trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Công tác đào tạo cũng

được triển khai thường xuyên nhằm nâng cao tay nghề, trình độ của nhân viên, chuẩn bị nguồn nhân lực để đáp ứng nhu cầu phát triển trong tương lai gần. Các chế độ, chính sách cho người lao động theo quy định của pháp luật, quy chế của Công ty luôn được thực hiện nghiêm túc, tạo việc làm và thu nhập ổn định cho CBCNV.

Công ty luôn nỗ lực tham gia các chương trình an sinh xã hội, đặc biệt là các chương trình mang dấu ấn của CNG Việt Nam luôn được duy trì, đóng góp chung vào sự phát triển bền vững của cộng đồng.



# BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

## GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ BAN ĐIỀU HÀNH

- 1 HĐQT CNG Việt Nam thường xuyên theo dõi sát sao, giải quyết kịp thời các vấn đề phát sinh thuộc thẩm quyền, nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động của Ban Giám đốc trên cơ sở tuân thủ quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty cũng như Quy chế hoạt động của HĐQT Công ty.
- 2 Ban Giám đốc đã xây dựng, thực hiện các giải pháp linh hoạt trong điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh trên cơ sở nhận thức đúng đắn khó khăn, thách thức mà Công ty phải đối mặt. Nhờ vậy, kết quả sản xuất kinh doanh đã hoàn thành vượt các chỉ tiêu kế hoạch do ĐHĐCĐ đề ra.
- 3 Ban Giám đốc đã đề xuất và phối hợp với HĐQT một cách tích cực trong việc thực hiện những biện pháp xử lý những vấn đề phát sinh, tạo mọi điều kiện thuận lợi nhất cho hoạt động của Công ty.
- 4 Ban Giám đốc đã tập trung thực hiện đầy đủ các chiến lược đề ra, cụ thể là sự gia tăng quản trị hoạt động, quản trị chi phí trong một năm tiếp tục chịu nhiều ảnh hưởng từ thị trường dầu khí và gián đoạn nguồn cung.
- 5 Ban Giám đốc đã giám sát, phân bổ nguồn vốn đầu tư hiệu quả, đảm bảo tài sản đem lại mức sinh lời cao cho Công ty, đồng thời đề xuất các điều chỉnh về kế hoạch đầu tư trong tương lai.

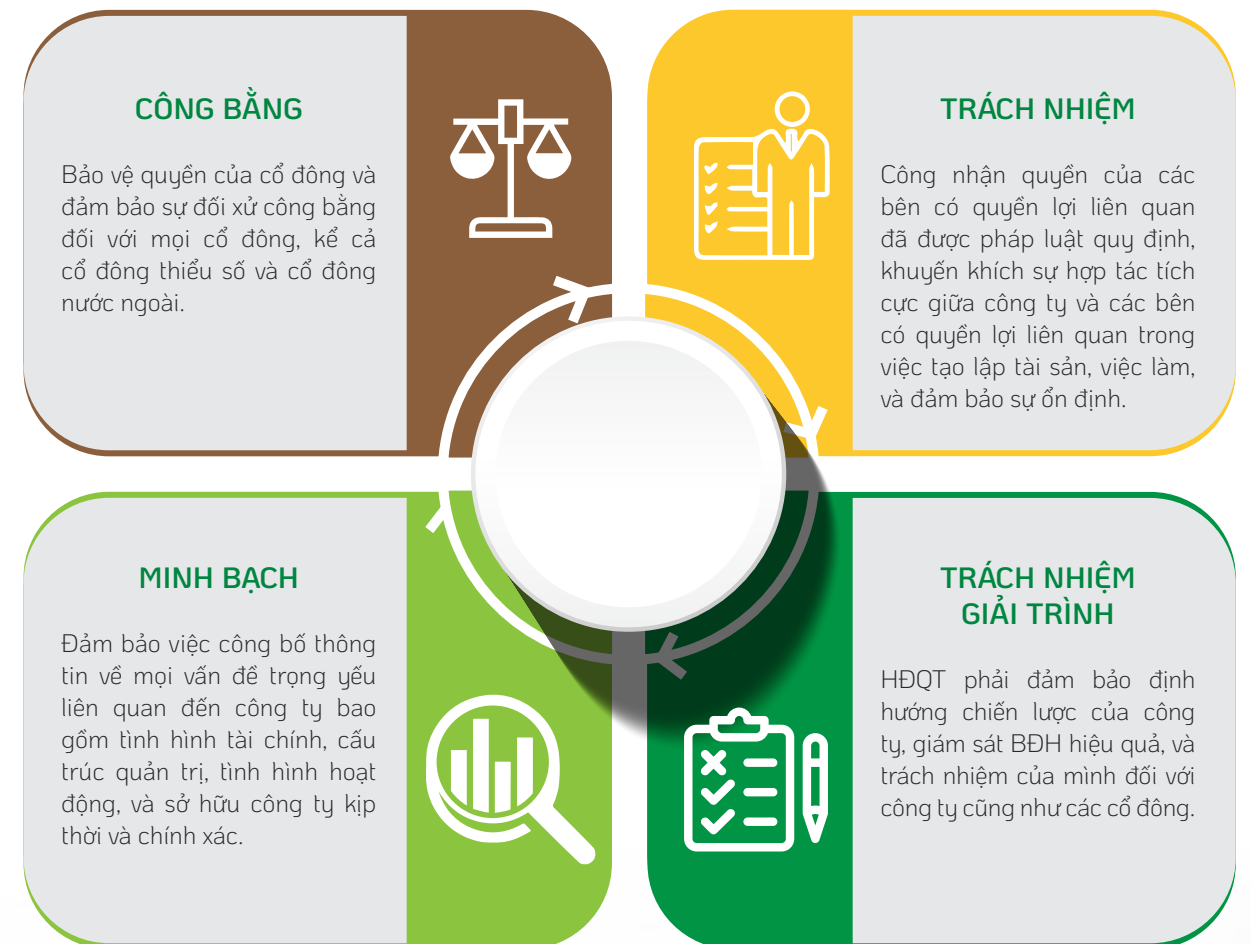
## KẾT LUẬN

Trong một năm hoạt động với nhiều thách thức của môi trường vĩ mô, Ban Điều hành đã đoàn kết, nỗ lực vượt bậc, đưa ra các giải pháp điều hành phù hợp, kịp thời, hoàn thành các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh, thực hiện tốt các Nghị quyết/Quyết định của ĐHĐCĐ và HĐQT.

## ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY

CNG Việt Nam luôn nỗ lực xây dựng hệ thống quản trị theo các thông lệ quản trị tốt nhất và tiếp cận các chuẩn mực quốc tế. Xây dựng hệ thống quản trị công ty hiệu quả sẽ giúp Công ty tăng trưởng bền vững, giảm thiểu các rủi ro, giúp nâng cao năng lực cạnh tranh và danh tiếng, qua đó gia tăng khả năng tiếp cận thị trường vốn, tối đa hóa lợi ích của các bên liên quan.

Công tác quản trị công ty tại CNG Việt Nam được xây dựng trên 4 yếu tố cốt lõi được chấp nhận chung trên toàn cầu là:



# BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

## ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY

Bảy nguyên tắc Quản trị công ty của CNG Việt Nam quy định rõ tại Quy chế quản trị nội bộ của Công ty và được ĐHĐCĐ thông qua, bao gồm: (1) Tuân thủ các quy định hiện hành của pháp luật; (2) Đảm bảo một cơ cấu quản trị hiệu quả; (3) Đảm bảo quyền lợi của cổ đông; (4) Đối xử công bằng với cổ đông; (5) Đảm bảo vai trò của các bên có quyền lợi liên quan đến Công ty; (6) Minh bạch trong hoạt động của Công ty; (7) HĐQT định hướng và giám sát, BKS kiểm soát Công ty hiệu quả.



### 1 TUÂN THỦ CÁC QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CỦA PHÁP LUẬT

- Đối với hoạt động đầu tư và SXKD: công tác đầu tư xây dựng và sản xuất kinh doanh của Công ty được thực hiện dựa trên nguyên tắc đảm bảo tuân thủ các quy định liên quan, Luật đấu thầu và quy định về quản lý chất lượng, quản lý chi phí xây dựng công trình, Luật Doanh nghiệp, cũng như Điều lệ Công ty.
- Đối với hoạt động báo cáo, công bố thông tin: CNG Việt Nam tuân thủ các quy định liên quan đối với các công ty niêm yết. Các thông tin được công bố kịp thời và đầy đủ trên website Công ty.
- Việc ban hành các quy chế, quy định nội bộ đều được thực hiện chặt chẽ, cẩn trọng dựa trên cơ sở thực tiễn doanh nghiệp và phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành.

### 2 ĐẢM BẢO CƠ CẤU QUẢN TRỊ HIỆU QUẢ

- Tính hiệu quả của bộ máy quản trị tại CNG Việt Nam được bảo đảm bởi những TV HĐQT dày dặn kinh nghiệm nghề nghiệp, và kiến thức chuyên môn vững chắc.
- Dựa trên quy định tại Thông tư 155/2015/TT-BTC, HĐQT của CNG Việt Nam hoạt động với 01 TV HĐQT độc lập và 02 TV HĐQT chuyên trách, tương đương 3/5 thành viên là thành viên không điều hành.

### 3 ĐẢM BẢO QUYỀN LỢI CỦA CỔ ĐÔNG

- Điều lệ Công ty của CNG Việt Nam đã đưa ra những quy định chi tiết về quyền và nghĩa vụ liên quan của cổ đông nhằm đảm bảo tính công bằng và quyền lợi cho tất cả các cổ đông:
  - » Điều 13 và 14 quy định rõ quyền và nghĩa vụ của cổ đông
  - » Điều 22 quy định các nghị quyết và quyết định được thông qua với ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông. Và các nghị quyết, quyết định có nội dung quan trọng thì cần ít nhất 65% tổng số phiếu có quyền biểu quyết của tất cả cổ đông (hoặc các đại diện được ủy quyền, phiếu biểu quyết thông qua hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản).

### 4 ĐỐI XỬ CÔNG BẰNG GIỮA CÁC CỔ ĐÔNG

- Quy chế quản trị nội bộ của CNG Việt Nam đã đưa ra những quy định liên quan nhằm đảm bảo lợi ích và công bằng cho các cổ đông:
  - » Điều 50 quy định những người được tiếp cận các thông tin nội bộ không được phép mua bán cũng như không được dùng thông tin đó tư vấn hoặc xúi khiến người khác mua chứng khoán liên quan tới thông tin nội bộ mà mình tiếp cận.
  - » Điều 48 quy định việc công bố thông tin phải được thực hiện theo những phương thức mà cổ đông và công chúng đầu tư có thể tiếp cận một cách công bằng và đồng thời.
- Hoạt động giám sát, kiểm tra việc quyết toán vốn đầu tư và hiệu quả đầu tư của các công trình được BKS liên tục thực hiện dựa trên Quy chế phân cấp đầu tư và quản lý đấu thầu nhằm đảm bảo lợi ích cho cổ đông.

# BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

## ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY

5

**ĐẢM BẢO VAI TRÒ CỦA CÁC BÊN CÓ QUYỀN LỢI LIÊN QUAN ĐẾN CÔNG TY**

- Quy chế trả lương, trả thưởng đối với CBCNV đảm bảo quyền lợi cho CBCNV và đáp ứng đúng các quy định pháp luật hiện hành.
- Trách nhiệm với các bên có quyền lợi liên quan đến Công ty như cổ đông, người lao động, cộng đồng-xã hội luôn được CNG Việt Nam coi trọng. Vui lòng xem thêm thông tin chi tiết về các chính sách và hoạt động có liên quan tại phần Báo cáo Phát triển Bền vững tích hợp cùng BCTN của Công ty.

6

**MINH BẠCH TRONG HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

- Hiện tại, HĐQT của CNG Việt Nam hoạt động với 02 thành viên HĐQT chuyên trách và 01 thành viên HĐQT độc lập trên tổng số 05 thành viên HĐQT nhằm nâng cao tính minh bạch trong hoạt động của Công ty.
- Các giao dịch, thù lao và khoản lợi ích của HĐQT, BGD, BKS, và Kế toán trưởng được công khai chi tiết tại BCTN của Công ty nhằm thể hiện tính minh bạch trong hoạt động.
- Các biên bản họp ĐHĐCĐ, nghị quyết, quyết định đều được công bố tại website Công ty. Ngoài ra, BCTN và BCTC cũng được đăng tải trên website Công ty bằng tiếng Anh và tiếng Việt giúp cổ đông trong và ngoài nước có thể theo dõi, góp phần đảm bảo công bằng cho cổ đông.
- Hoạt động phát ngôn và cung cấp thông tin tại CNG Việt Nam đang được thực hiện theo các quy định pháp luật hiện hành và Quy chế phát ngôn và cung cấp thông tin cho Báo chí, Cơ quan quản lý nhà nước được ban hành vào ngày 21/3/2018.
- Quy chế tài chính Công ty được rà soát thường xuyên nhằm cập nhật kịp thời các quy định, chuẩn mực mới nhằm nâng cao tính minh bạch cho hoạt động tài chính và giảm thiểu rủi ro pháp lý của Công ty.
- CNG Việt Nam ban hành Quy chế phân cấp đầu tư và quản lý đầu thầu để phân định trách nhiệm giữa HĐQT và Ban giám đốc trong công tác đầu tư và đầu thầu của Công ty.

7

**HĐQT ĐỊNH HƯỚNG VÀ GIÁM SÁT, BKS KIỂM SOÁT CÔNG TY HIỆU QUẢ**

- Các thành viên Ban lãnh đạo thường xuyên tham gia các chương trình về quản trị công ty nhằm nâng cao năng lực hoạt động và đóng góp hiệu quả hơn cho quá trình hoạt động của Công ty.
- BKS đã nỗ lực việc thực hiện nhiệm vụ giám sát nhằm phát hiện và ngăn chặn kịp thời những sai phạm, sai sót để đảm bảo hoạt động Công ty tuân theo quy định pháp luật, Điều lệ, Quy chế Quản trị nội bộ và các nghị quyết ĐHĐCĐ đề ra.
- HĐQT đã triển khai các nhiệm vụ cụ thể dựa trên các mục tiêu và định hướng ĐHĐCĐ đề ra.
- HĐQT cũng thường xuyên trao đổi với BKS, BGD thông qua các cuộc họp định kỳ và kênh thông tin nội bộ nhằm đưa ra các định hướng và quyết định kịp thời.

## ĐÁNH GIÁ THEO TIÊU CHÍ CỦA BỘ NGUYÊN TẮC QTCT TỐT NHẤT ÁP DỤNG CHO CÔNG TY ĐẠI CHÚNG

Năm 2019, UBCKNN phối hợp cùng IFC – Ngân hàng Thế giới (WB) đã ban hành Bộ Nguyên tắc QTCT tốt nhất dành cho các doanh nghiệp đại chúng ở Việt Nam. CNG Việt Nam đã sử dụng Bộ Nguyên tắc này để đánh giá tình hình QTCT trong năm qua. Đây là những nỗ lực từ phía Ban lãnh đạo và tập thể CNG Việt Nam nhằm cập nhật những quan điểm mới nhất về QTCT đến các cổ đông và nhà đầu tư, thể hiện cố gắng và tinh thần cầu thị, không ngừng cải tiến thực hiện QTCT theo các thông lệ tốt nhất cũng như các chuẩn mực quốc tế.

Tiêu chí	Thực hiện tại CNG Việt Nam	Đánh giá kết quả thực hiện
<b>1</b>   Thiết lập rõ vai trò, trách nhiệm và cam kết của HĐQT	<p>Hoạt động của HĐQT CNG Việt Nam luôn đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật, đồng thời các quyền hạn và trách nhiệm được quy định rõ ràng và nhất quán trong các văn bản của Công ty như Điều lệ, Quy chế nội bộ về QTCT, Quy chế tổ chức, hoạt động của HĐQT.</p> <p>Mọi hoạt động của HĐQT đều được thực hiện một cách minh bạch, vì lợi ích cao nhất của Công ty và cổ đông, quan tâm đến các bên liên quan.</p> <p>Hoạt động đào tạo luôn được HĐQT chú trọng để vừa tạo ra một đội ngũ có đủ phẩm chất, năng lực vừa đảm bảo lực lượng kế thừa, giúp Công ty phát triển bền vững.</p>	Tốt
<b>2</b>   Thiết lập HĐQT có năng lực và chuyên nghiệp	<p>HĐQT của CNG Việt Nam hiện có 01 thành viên độc lập và 02 thành viên chuyên trách trong tổng số 05 thành viên, bao gồm 02 thành viên là Nữ.</p> <p>Các thành viên HĐQT đều có kinh nghiệm sâu rộng trong lĩnh vực dầu khí, tài chính kinh doanh. Sự đa dạng của thành phần, kiến thức và kinh nghiệm giúp HĐQT có quan điểm đa dạng, giúp có thể thảo luận và đưa ra các quyết định hiệu quả.</p> <p>Công ty cũng đã bổ nhiệm Người phụ trách QTCT nhằm theo dõi, cập nhật và đánh giá hiệu quả công tác QTCT cũng như đảm bảo việc tuân thủ đầy đủ các quy định pháp luật trong lĩnh vực này.</p>	Tốt
<b>3</b>   Bảo đảm vai trò lãnh đạo hiệu quả và tính độc lập của HĐQT	<p>HĐQT hiện có 01 thành viên độc lập, 02 thành viên chuyên trách có nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính-đầu tư, là tiếng nói tham mưu quan trọng trong các quyết định; trong khi chỉ có 01 thành viên kiêm Giám đốc Công ty.</p> <p>Quy chế nội bộ QTCT và Điều lệ Công ty đã quy định rõ về quyền hạn và trách nhiệm của HĐQT nhằm đảm bảo vai trò lãnh đạo một cách hiệu quả nhất. Thực tế cho thấy HĐQT đã phối hợp hỗ trợ Ban điều hành trong mọi hoạt động sản xuất kinh doanh, đồng thời đảm bảo lợi ích hợp pháp của cổ đông và các bên liên quan.</p>	Tốt

# BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

## ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY (tiếp theo)

### ĐÁNH GIÁ THEO TIÊU CHÍ CỦA BỘ NGUYÊN TẮC QTCT TỐT NHẤT ÁP DỤNG CHO CÔNG TY ĐẠİ CHÚNG

Tiêu chí	Thực hiện tại CNG Việt Nam	Đánh giá kết quả thực hiện
<b>4</b> Thành lập các Ủy ban thuộc HĐQT	Với hoạt động sản xuất kinh doanh và cơ cấu tổ chức hiện tại, CNG Việt Nam nhận thấy chưa có nhu cầu thành lập các Tiểu ban trực thuộc HĐQT.	Công ty đang lập kế hoạch cho việc thành lập một số Ủy ban thuộc HĐQT trong thời gian sắp tới để nâng cao chất lượng quản trị của công ty.
<b>5</b> Bảo đảm hoạt động hiệu quả của HĐQT	HĐQT đều đánh giá hoạt động hàng năm của mình dựa trên các thông lệ tốt nhất và đặc biệt là mức độ hoàn thành kế hoạch kinh doanh do ĐHCĐ phê duyệt. Mức chi trả thù lao của các thành viên được căn cứ một cách khách quan, khoa học, minh bạch dựa trên năng lực, hiệu quả đóng góp vào công việc chung.	Tốt
<b>6</b> Thiết lập và duy trì văn hoá đạo đức	Công ty đã ban hành các văn bản lập quy nhằm xây dựng một môi trường làm việc trung thực, chuyên nghiệp, đặt mục tiêu chung lên hàng đầu. Có thể kể đến là các văn bản lập quy như: Bộ quy tắc ứng xử, Quy trình bán hàng và chăm sóc khách hàng, Đánh giá thi đua khen thưởng hàng quý, hàng năm... hay Cơ chế phản hồi thông qua Hội nghị người lao động.  HĐQT là đầu mối, chịu trách nhiệm tập thể về quản trị, thành công trong dài hạn của Công ty, việc mang lại giá trị bền vững cho các bên liên quan, HĐQT luôn hoạt động một cách chuyên nghiệp, hiệu quả là tấm gương cho Ban điều hành, nhân viên.	Tốt
<b>7</b> Thiết lập Khung quản lý rủi ro và môi trường kiểm soát vững mạnh	Công ty hiện duy trì cơ chế Ban Kiểm soát và chưa thành lập bộ phận tuân thủ riêng biệt mà thay vào đó kiểm tra chéo giữa các phòng ban theo từng công việc theo chức năng quy định.	CNG Việt Nam sẽ nghiên cứu phương án chuyển đổi cơ chế Ban Kiểm soát sang Kiểm toán nội bộ trong thời gian tới để nâng cao chất lượng QTCT.

Tiêu chí	Thực hiện tại CNG Việt Nam	Đánh giá kết quả thực hiện
<b>8 &amp; 9</b> Tăng cường hoạt động CBTT và Quan hệ Nhà đầu tư/ Thực hiện quyền cổ đông	Hệ thống các văn bản lập quy trong lĩnh vực CBTT luôn được Công ty chú trọng, chẳng hạn như Quy chế nội bộ về QTCT, Điều lệ, Quy chế CBTT của Công ty.  HĐQT thường xuyên chỉ đạo việc thực hiện công bố thông tin cho các cổ đông theo đúng quy định hiện hành của Bộ Tài chính và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Cung cấp Tài liệu hợp ĐHCĐ như tài liệu, nghị quyết, biên bản bằng tiếng Anh, và cung cấp thông dịch viên tại cuộc họp nếu cần thiết cho các cổ đông nước ngoài. Thông tin công bố được đăng tải bằng tiếng Việt và tiếng Anh trên website công ty một cách kịp thời, đầy đủ, chính xác.  CNG Việt Nam đẩy mạnh công bố các thông tin liên quan đến phát triển bền vững để đáp ứng nhu cầu của các bên liên quan. Công ty luôn thực hiện đầy đủ nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật, đảm bảo sự cân bằng và hài hòa lợi ích của các bên với sự đồng thuận cao giữa cổ đông và người lao động.	Tốt
<b>10</b> Tăng cường tham gia hiệu quả của các bên có quyền lợi liên quan	CNG Việt Nam thực hiện gắn kết các bên liên quan thông qua các kênh đối thoại hiệu quả, qua đó có thể thực hiện các hành động để đứng ủng các mối quan tâm và kỳ vọng của họ. Ngoài ra, HĐQT thực hiện giám sát thông qua các cơ chế như: Quy chế đấu thầu, Quy trình bán hàng và chăm sóc khách hàng, Quy chế thi đua khen thưởng, Hội nghị người lao động,...	Tốt

## ĐÁNH GIÁ CỦA THÀNH VIÊN HĐQT ĐỘC LẬP

Trong năm 2020, thành viên HĐQT độc lập tiếp tục duy trì tương tác tích cực với HĐQT và Ban Điều hành, kịp thời thảo luận, tư vấn và đưa ra những giải pháp định hướng kịp thời, góp phần ứng phó với những diễn biến phức tạp của thị trường dầu khí trong bối cảnh khủng hoảng do Covid-19. Thành viên HĐQT độc lập đã tham gia đầy đủ các cuộc họp trong năm của HĐQT, và góp phần hoàn thiện các chính sách, công tác điều hành... bằng các kinh nghiệm và kiến thức chuyên môn của mình thông qua việc đóng góp ý kiến tại các buổi họp.

Đội ngũ lãnh đạo và điều hành đã làm việc tận tụy và chuyên nghiệp, cũng như phối hợp với nhau một cách nhịp nhàng vì lợi ích chung của Công ty và cổ đông để đạt được kết quả kinh doanh cao nhất trong bối cảnh thị trường dầu khí thế giới diễn biến khó lường.

HĐQT đã không ngừng cập nhật, cải thiện hoạt động của mình nhằm hướng đến các chuẩn mực quốc tế về Quản trị công ty. Nhờ vậy, kết quả hoạt động trong năm đã hoàn thành tốt kế hoạch do ĐHCĐ giao phó.

### DANH SÁCH CÁC THÀNH VIÊN HĐQT CÓ CHỨNG CHỈ ĐÀO TẠO VỀ QTCT

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Bà Nguyễn Thị Hồng Hải	Chủ tịch HĐQT
2	Ông Vũ Văn Thực	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc
3	Ông Phạm Đình Đạt	Thành viên HĐQT chuyên trách
4	Ông Bùi Tường Định	Thành viên HĐQT chuyên trách
5	Bà Lê Thị Thu Giang	Thành viên HĐQT độc lập



# BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT

## CƠ CẤU VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự buổi họp (%)
1	Bà Phan Thị Kim Thoa	Trưởng BKS	2/2	100%
2	Bà Nguyễn Thị Kim Yến	Kiểm soát viên	2/2	100%
3	Ông Nguyễn Quang Bá	Kiểm soát viên	2/2	100%

## CÁC NHIỆM VỤ ĐÃ ĐƯỢC BKS TRIỂN KHAI TRONG NĂM

- 1 Tham gia đầy đủ các phiên họp HĐQT, kịp thời nắm bắt tình hình hoạt động của Công ty, tích cực tham gia đóng góp ý kiến, thường xuyên có những kiến nghị kịp thời nhằm hoàn thiện chính sách, quy trình, quy chế nâng cao năng lực quản trị điều hành và ngăn ngừa rủi ro trong hoạt động của Công ty.
- 2 Giám sát, kiểm tra việc quyết toán vốn đầu tư và hiệu quả đầu tư của công trình.
- 2 Xem xét, thẩm định báo cáo tài chính Quý, soát xét 6 tháng và năm của Công ty.



## KẾT QUẢ GIÁM SÁT ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HĐQT VÀ BAN ĐIỀU HÀNH

### 1 Kết quả giám sát đối với thành viên HĐQT và Ban điều hành

HĐQT, Ban Giám đốc đã thực thi đúng quyền hạn và nghĩa vụ với tinh thần trách nhiệm cao, vì lợi ích hợp pháp của Công ty và cổ đông. HĐQT đã bám sát các mục tiêu, định hướng ĐHCĐ quyết nghị để triển khai các nhiệm vụ cụ thể. Ban Giám đốc căn cứ nghị quyết, quyết định của HĐQT triển khai nhiệm vụ một cách kịp thời và có những ứng xử linh hoạt để đạt được kết quả tốt nhất.

Lãnh đạo Công ty đã chú trọng thực hiện các biện pháp bảo toàn vốn, công tác thu hồi công nợ được quan tâm sâu sát, sử dụng nhiều biện pháp để thu hồi, thực hiện trích lập quỹ dự phòng tài chính đầy đủ, đúng quy định.

### 2 Về việc tuân thủ các quy định của pháp luật trong quản lý, điều hành

**Công tác đầu tư:** Đầu tư tài sản cố định của Công ty đã thực hiện đúng Điều lệ. Công tác đầu tư xây dựng được thực hiện tuân thủ đúng các quy định của Luật đầu thầu, các quy định về quản lý chất lượng, quản lý chi phí xây dựng công trình.

**Chế độ báo cáo:** Công ty đã chấp hành tốt quy định về công bố thông tin đối với công ty niêm yết. Báo cáo tài chính, báo cáo quản trị, báo cáo thường niên, báo cáo về giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ, mua bán cổ phiếu quỹ, tạm ứng cổ tức, thay đổi, bổ sung nhân sự cấp cao...được công bố kịp thời, đăng tải đầy đủ trên website Công ty, tạo điều kiện cung cấp thông tin chính thống cho cổ đông, nhà đầu tư.

### 3 Về công tác kiểm toán và thẩm định BCTC

Báo cáo tài chính quý, báo cáo 6 tháng, báo cáo năm được chuẩn bị một cách khoa học, chính xác và phù hợp với quy định của pháp luật.

BKS đã triển khai thẩm định và thống nhất với báo cáo của Ban điều hành và ý kiến đánh giá của PwC Việt Nam về kết quả báo cáo tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2020.

BCTC của Công ty được PwC Việt Nam đánh giá là phản ánh trung thực và hợp lý các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh cũng như tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020. Các hoạt động của Công ty rõ ràng, minh bạch theo các chuẩn mực Kế toán và Hệ thống Kế toán Việt Nam.

### 4 Việc ban hành các quy chế, quy định nội bộ

Được thực hiện chặt chẽ, cẩn trọng trên cơ sở thực tiễn doanh nghiệp và phù hợp với quy định của pháp luật. Thông qua các ý kiến đóng góp vào dự thảo đã phát huy được trí tuệ tập thể, do đó các quy định khi ban hành có tính khả thi cao, thực sự là công cụ hữu hiệu phục vụ công tác quản lý, điều hành.

## ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Ban Kiểm soát hiện tại có 03 thành viên. Với kiến thức và kinh nghiệm lâu năm trong lĩnh vực tài chính, các thành viên Ban Kiểm soát luôn xác định được vai trò trách nhiệm thực hiện kiểm soát các hoạt động của Công ty theo qui định nhằm bảo vệ lợi ích cao nhất cho các cổ đông của CNG Việt Nam.

Trong suốt năm vừa qua, Ban Kiểm soát đã nỗ lực giám sát hoạt động kinh doanh, phát hiện và ngăn chặn kịp thời những vấn đề sai phạm, sai sót nhằm

đảm bảo hoạt động Công ty theo đúng qui định của pháp luật và Điều lệ cũng như thực hiện các Nghị quyết ĐHCĐ để ra hàng năm. Đồng thời, Ban Kiểm soát cũng tham gia đầy đủ các phiên họp của HĐQT, kịp thời nắm bắt tình hình hoạt động của Công ty, tích cực tham gia đóng góp ý kiến cũng như thường xuyên có những kiến nghị kịp thời nhằm hoàn thiện chính sách, quy trình, quy chế, nâng cao năng lực quản trị điều hành và ngăn ngừa rủi ro trong hoạt động của Công ty.

## BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT (tiếp theo)

### SỰ PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA BKS ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT, BGD VÀ CÁC BỘ PHẬN QUẢN LÝ KHÁC

BKS luôn phối hợp chặt chẽ và hỗ trợ HĐQT, BGD trong các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

BKS phối hợp với HĐQT trong việc cải thiện quy trình quản trị rủi ro và hệ thống kiểm soát nội bộ.

### KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA BKS NĂM 2021

Để thực hiện tốt công tác soát xét theo Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, Ban Kiểm soát xây dựng kế hoạch làm việc như sau:

- 01 Thực hiện giám sát Hội đồng Quản trị và Ban điều hành trong việc quản lý điều hành Công ty.
- 02 Tiếp tục thực hiện nhiệm vụ kiểm tra giám sát các hoạt động điều hành quản lý kinh doanh theo chức năng, nhiệm vụ quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.
- 03 Giám sát việc chấp hành Điều lệ và các quy chế, quy trình quản lý nội bộ của Công ty.
- 04 Giám sát, kiểm tra việc quyết toán vốn đầu tư và hiệu quả xây lắp tại các công trình.
- 05 Xem xét thẩm định báo cáo tài chính quý, năm của Công ty.
- 06 Tăng cường phối hợp chặt chẽ giữa các thành viên Ban Kiểm soát tại các đơn vị với bộ phận kiểm soát nội bộ để thực hiện công tác kiểm tra, giám sát.
- 07 Cử các thành viên trong Ban Kiểm soát tham gia các lớp đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn, tham gia đầy đủ các hội nghị chuyên ngành liên quan đến công tác kiểm soát.

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

### KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SXKD NĂM 2020 TĂNG SẢN LƯỢNG, TĂNG THỊ PHẦN, HOÀN THÀNH KẾ HOẠCH LỢI NHUẬN TRONG BỐI CẢNH NHIỀU KHÓ KHĂN

Năm 2020, CNG Việt Nam có nhiều thuận lợi do nhận được sự hỗ trợ và chỉ đạo sát sao của HĐQT và lãnh đạo Tổng Công ty Khí Việt Nam, được thừa hưởng uy tín và giá trị thương hiệu trong công tác phát triển thị trường, việc tái cấu trúc của Tổng Công ty Khí Việt Nam đối với công tác kinh doanh CNG tạo điều kiện thuận lợi cho việc mở rộng thị trường của CNG Việt Nam trên phạm vi toàn quốc, đặc biệt là miền Bắc.

Tuy nhiên, đầu năm 2020, dịch bệnh Covid-19 đã tác động đến hoạt động sản xuất của hầu hết các khách hàng nên sản lượng tiêu thụ CNG sụt giảm, các dự án đầu tư mới cũng bị giãn tiến độ so với kế hoạch. Bên cạnh đó, thị trường dầu thế giới sụt giảm sâu khi nguồn cung ứ đọng đã tác động mạnh mẽ đến giá bán khí của Công ty.

Trong bối cảnh nhiều khó khăn đó, Công ty đã tích cực đẩy mạnh công tác bán hàng, phát triển thị trường nên năm 2020 không những giữ nguyên được sản lượng tiêu thụ mà còn tăng được thị phần, sản lượng so với năm 2019. Tính đến cuối năm 2020, tổng thị phần của CNG Việt Nam đã chiếm hơn 70% thị trường cả nước. Cụ thể, Công ty đã ký thêm được 03 hợp đồng mua bán khí với khách hàng, trong đó cấp khí cho 01 khách hàng mới, đồng thời hoàn thành nhận bàn giao toàn bộ khách hàng từ PVGas LPG theo chủ trương của Tổng Công ty Khí Việt Nam về thực hiện mô hình tổ chức kinh doanh các sản phẩm khí.

Sản lượng tiêu thụ CNG trong năm 2020 đạt 227,0 triệu Sm<sup>3</sup> tăng 118% so với năm trước và vượt 104% kế hoạch năm. Tổng doanh thu ghi nhận ở mức 2.351,1 tỷ đồng vượt 105% kế hoạch, trong đó doanh thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh chính (CNG) đạt 2.337,9 tỷ đồng tăng 9,7% so với năm trước. LNTT năm 2020 đạt mức 65,4 tỷ đồng và LNST ghi nhận 51,0 tỷ đồng, tương ứng vượt 108% và 106% so với kế hoạch năm.

LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ  
NĂM 2020

65,4

Tỷ đồng

VƯỢT 108% SO VỚI  
KẾ HOẠCH NĂM

LỢI NHUẬN SAU THUẾ  
NĂM 2020

51,0

Tỷ đồng

VƯỢT 106% SO VỚI  
KẾ HOẠCH NĂM



# BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

## NHÂN SỰ VÀ CƠ CẤU TỔ CHỨC

### KIỆN TOÀN ĐỂ ĐÁP ỨNG NHU CẦU KHI MỞ RỘNG MẢNG CNG MIỀN BẮC, ĐÓN ĐẦU HOẠT ĐỘNG KINH DOANH LNG

**Về cơ cấu tổ chức:** Bổ sung thêm các chức năng nhiệm vụ và thành lập các Tổ/Kíp trong Phòng/Trung tâm trực thuộc Chi nhánh Miền Bắc đảm bảo đáp ứng được yêu cầu của hoạt động sản xuất kinh doanh sau khi tiếp nhận hệ thống CNG tại miền Bắc theo chủ trương tái cấu trúc, chuyên môn hóa kinh doanh các sản phẩm khí của Tập đoàn và Tổng Công ty Khí Việt Nam.

**Về nhân sự:** Thực hiện chính sách điều động, bổ nhiệm nhân sự một cách hợp lý nhằm đáp ứng nhu cầu sản xuất kinh doanh theo từng thời điểm. Tăng cường công tác đào tạo giúp nâng cao năng lực, trình độ, tay nghề của CBCNV đáp ứng nhu cầu công việc, định hướng phát triển mảng kinh doanh LNG sắp tới của Công ty. Thực hiện và cải cách các chính sách đãi ngộ đối với người lao động theo hiệu quả công việc, phù hợp với thị trường lao động nội bộ ngành.

**Về chính sách, quản lý:** Áp dụng thành tựu của khoa học quản lý trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, cụ thể trên cơ sở cơ cấu tổ chức và chức năng nhiệm vụ được rà soát ban hành lại; Công ty tiếp tục xây dựng bộ chỉ tiêu đánh giá hiệu quả công việc (KPIs) làm cơ sở đánh giá hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

Các vấn đề liên quan tới người lao động trong năm 2020 như việc làm, chế độ chính sách, lương thưởng, bảo hiểm, phúc lợi, hợp đồng lao động, công tác đào tạo, thực hiện dân chủ tại nơi làm việc ... được Công ty chú trọng thực hiện tốt, đảm bảo nâng cao đời sống vật chất cũng như tinh thần cho người lao động. Song song, Công ty tập trung xây dựng văn hóa doanh nghiệp tạo dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp, thân thiện giúp người lao động phát huy tối đa khả năng chuyên môn, tính sáng tạo.



## AN TOÀN TRONG SẢN XUẤT KINH DOANH

### ĐẢM BẢO AN TOÀN SỨC KHỎE TRONG ĐẠI DỊCH COVID-19, AN TOÀN LAO ĐỘNG TUYỆT ĐỐI

Ngay khi dịch bệnh Covid-19 bùng phát và lây lan phức tạp vào đầu năm 2020, Công ty đã chủ động, tích cực triển khai các giải pháp để đạt mục tiêu kép là vừa bảo vệ tốt sức khỏe cho người lao động, vừa đảm bảo ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh. Kích hoạt kế hoạch ứng phó với dịch bệnh Covid-19, sẵn sàng triển khai nhân sự làm việc trong Zone 0 (vùng tuyệt đối an toàn) tại các cơ sở sản xuất kinh doanh, đảm bảo nhân sự cho hoạt động cấp khí liên tục, an toàn đến các khách hàng. CBCNV và khách đến văn phòng, nhà máy... đều thực hiện đầy đủ các biện pháp đo thân nhiệt, rửa tay sát khuẩn, đeo khẩu trang, giữ khoảng cách, thực hiện nghiêm túc các hướng dẫn của của Bộ Y tế, các quy định của Công ty để phòng chống dịch bệnh hiệu quả và hoàn thành nhiệm vụ SXKD được phân giao.

Về công tác ATCLMT, Ban Lãnh đạo đã luôn cam kết và đảm bảo cung cấp các nguồn lực cần thiết cho việc thiết lập, thực hiện, duy trì và cải tiến thường xuyên hệ thống

quản lý ATCLMT bao gồm: con người, cơ sở hạ tầng, môi trường vận hành các quá trình, hệ thống quản lý tích hợp.

Năm 2020, CNG Việt Nam đã hoàn thành chương trình đánh giá giám sát định kỳ hệ thống quản lý ATCLMT và nâng cấp hệ thống quản lý ATSKNN từ OHSAS 18001: 2007 lên ISO 45001: 2018 vào tháng 9/2020. Đồng thời, Viện Tiêu chuẩn Anh (BSI) Việt Nam đã cấp chứng nhận hệ thống quản lý ATSKNN theo ISO 45001:2018 vào ngày 13/11/2020. Công tác an ninh an toàn, phòng cháy chữa cháy đã thực hiện tốt, không có tai nạn lao động, không có sự cố gây thiệt hại nghiêm trọng đến tài sản, môi trường, ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Công tác tuyên truyền, huấn luyện về an toàn vệ sinh lao động, phòng cháy chữa cháy được thực hiện thường xuyên và định kỳ, giúp CBCNV nâng cao ý thức trách nhiệm về an toàn nơi làm việc. Thực hiện đầy đủ và chặt chẽ công tác huấn luyện, giám sát an toàn nhà thầu. Thực hiện tốt công tác BDSC đã góp phần ngăn ngừa sự cố thiết bị, ảnh hưởng đến sản xuất.

Stt	Mục tiêu năm 2020	Tổng số chỉ tiêu	Số chỉ tiêu đạt	Số chỉ tiêu không đạt	Nội dung số chỉ tiêu không đạt / Nguyên nhân
1	Đảm bảo sản lượng và chất lượng khí cung cấp cho khách hàng	3	3	0	
2	Ngăn ngừa sự cố trong hoạt động vận hành, BDSC và xây lắp trên công trình khí	4	4	0	
3	Kiểm soát các hoạt động có khả năng gây tác động đến môi trường	3	3	0	
4	Duy trì và cải tiến liên tục Hệ thống quản lý ATCLMT	1	1	0	

# BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

## TUÂN THỦ PHÁP LUẬT

### ƯU TIÊN HÀNG ĐẦU, ĐẶC BIỆT LÀ TRONG LĨNH VỰC AT-CL-MT

CNG Việt Nam luôn đặt yêu cầu tuân thủ pháp luật lên hàng đầu, đặc biệt là trong lĩnh vực AT-CL-MT. Việc cập nhật các văn bản pháp lý được thực hiện theo Quy trình kiểm soát tuân thủ quy định luật pháp của Công ty. Việc cập nhật được thực hiện hàng quý, các đơn vị và bộ phận chuyên môn tự kiểm soát thường xuyên theo chức năng, nhiệm vụ được phân công.

Đối với công tác PCCC, cập nhật các hồ sơ, tài liệu, phương án liên quan đến công tác PCCC theo quy định của pháp luật tại các chi nhánh, các trạm PRU khách hàng; văn bản nghiệm thu PCCC đầy đủ, lập hồ sơ theo dõi quản lý công tác PCCC theo quy định; thực hiện mua bảo hiểm cháy nổ bắt buộc đối với các cơ sở.

Các công trình này từ giai đoạn thiết kế thi công và đi vào hoạt động đều tuân thủ đầy đủ các quy định của Pháp luật về An toàn, PCCC đối với công trình

khí. Sơ đồ bố trí công nghệ, hệ thống kỹ thuật, vật tư có nguy hiểm cháy nổ.

Thực hiện nghiêm túc các quy định về quản lý hóa chất, chất thải, xử lý chất thải nguy hại, thực hiện việc phân loại, lưu trữ và ký hợp đồng với các đơn vị có chức năng vận chuyển xử lý rác thải nguy hại theo đúng quy định. Báo cáo quản lý chất thải nguy hại cho Sở Tài nguyên – Môi trường theo quy định. Công tác quản lý môi trường được tuân thủ: Thực hiện việc khảo sát đánh giá Điều kiện vệ sinh lao động, khảo sát môi trường định kỳ đầy đủ và xử lý kịp thời các yếu tố bất lợi phát sinh; lập báo cáo đánh giá tác động môi trường cho các dự án mới, xây dựng, cải tạo.

Định kỳ cuối năm, Công ty gửi báo cáo ATVSLĐ, báo cáo tình hình thực hiện dự án, báo cáo giám sát môi trường... cho các cơ quan chức năng gồm: Sở Công thương, Sở LĐTBXH, Sở Tài nguyên - Môi trường, Ban Quản lý KCN tỉnh...

Số văn bản mới liên quan đến công tác AN-AT-SK-MT ban hành trong năm						Số VB mới được đáp ứng tuân thủ	Số văn bản chưa tuân thủ	Số văn bản mẫu chuẩn, vướng mắc	Nguyên nhân, kiến nghị
An toàn	PCCC	Bảo vệ môi trường	Thuế	Đầu tư xây dựng	Lao động tiền lương				
5	3	2	1	8	0	19	0	0	

## DỊCH VỤ KHÁCH HÀNG VÀ MARKETING-NHẬN DIỆN THƯƠNG HIỆU

### NÂNG CAO UY TÍN THƯƠNG HIỆU, CẢI THIỆN SỰ THỎA MÃN CỦA KHÁCH HÀNG

Để hỗ trợ công tác bán hàng trong năm 2020 nhiều khó khăn, CNG Việt Nam đã tiếp tục thực hiện nhiều giải pháp để không ngừng quảng bá, nâng cao uy tín thương hiệu. Cụ thể, Công ty đã hoàn tất nâng cấp bộ nhận diện thương hiệu mới, bộ tài liệu bán hàng, thiết kế mới website của Công ty với giao diện thân thiện, nội dung cập nhật chuyên sâu để có thể tiếp cận rộng rãi khách hàng tiềm năng mà không bị giới hạn phạm vi địa lý. Công ty cũng đã tích cực triển khai các hoạt động quảng bá hình ảnh, quảng bá sản phẩm CNG, LNG, LPG bằng Digital Marketing và bảng quảng cáo ngoài trời, quảng cáo trên xe buýt,... để không ngừng phát triển thương hiệu CNG Việt Nam trở thành thương hiệu uy tín, chất lượng và phổ biến khắp cả nước.

### ĐỐI VỚI KHÁCH HÀNG TIỀM NĂNG

CNG Việt Nam tiếp tục đẩy mạnh công tác quan hệ khách hàng và phát triển thị trường thông qua tiếp xúc và các chính sách phát triển thị trường, chính sách bán hàng, chính sách tín dụng và các chương trình hỗ trợ hợp lý.

### ĐỐI VỚI CÁC KHÁCH HÀNG HIỆN HỮU

Công ty thắt chặt mối quan hệ, tìm hiểu tình hình sản xuất kinh doanh để có chính sách hấp dẫn nhằm gia tăng sản lượng tiêu thụ và các chính sách hỗ trợ khác.

Công ty tăng cường công tác kiểm soát chất lượng, khối lượng sản phẩm khí:

- Cập nhật, tính toán, báo cáo số liệu khí chênh lệch hàng tháng giữa Công ty với đơn vị cung cấp khí và với các khách hàng sử dụng khí CNG theo quy trình CNG.QTHĐ.06, cho thấy số liệu chênh lệch khí nằm trong phạm vi cho phép  $\pm 1\%$ . Tính đến thời điểm 31/12/2020, chưa xảy ra trường hợp sai lệch nào cần hợp xem xét tìm hiểu nguyên nhân.
- Thống kê, theo dõi và báo cáo chất lượng khí (thành phần khí) của nhà cung cấp khí đầu vào hàng quý so với thành phần khí được quy định trong hợp đồng mua bán khí, cho kết quả ghi nhận là phù hợp.
- Các thiết bị theo dõi và đo lường lưu lượng khí được kiểm định, hiệu chuẩn theo định kỳ để đảm bảo đo đếm khí chính xác.

### ĐỐI VỚI CÔNG TÁC HẬU MÃI/ CHĂM SÓC KHÁCH HÀNG

Định kỳ mỗi 6 tháng, Công ty thực hiện đánh giá sự thỏa mãn của khách hàng theo Quy trình bán khí CNG và chăm sóc khách hàng, nhằm để không ngừng cải thiện chất lượng sản phẩm, dịch vụ, gia tăng sự gắn bó của khách hàng, gia tăng uy tín thương hiệu. Sự thỏa mãn của khách hàng được đánh giá căn cứ vào 08 yếu tố:

- Chất lượng khí CNG do Công ty cung cấp
- Thời gian giao khí CNG đến kho của khách hàng
- Thái độ, tác phong làm việc và nghiệp vụ của Nhân viên Vận hành
- Thái độ, tác phong làm việc và nghiệp vụ của Nhân viên Kinh doanh
- Thái độ, tác phong làm việc và nghiệp vụ của Nhân viên Kế toán thanh toán
- Thái độ, tác phong làm việc và nghiệp vụ của Nhân viên Kế toán công nợ
- Thái độ, tác phong làm việc và nghiệp vụ của Tài xế
- Cách xử lý các khiếu nại, kiến nghị (giá, sản lượng, thanh toán...)

Tất cả các phản hồi, ý kiến của khách hàng đều được các đơn vị ghi nhận, phản hồi khách hàng trong vòng 03 ngày làm việc. Những tiêu chí khách hàng chưa hoàn toàn thỏa mãn trong năm 2020 đều được các đơn vị, bộ phận chức năng lập kế hoạch thực hiện hành động khắc phục, hướng đến thỏa mãn nhu cầu khách hàng. Tỷ lệ khách hàng thỏa mãn với chất lượng, dịch vụ công ty cung cấp năm 2020 tăng lên so với năm 2019.

### Kết quả đo lường sự thỏa mãn của khách hàng 2018-2020

Mức độ thỏa mãn	Kết quả			So sánh tăng/giảm
	2018	2019	2020	
Mức 5 (rất thỏa mãn)	18%	15%	43,24%	Tăng
Mức 4 (thỏa mãn)	51,5%	72,5%	48,65%	Giảm
Mức 3 (chấp nhận được)	27,2%	12,5 %	8,11 %	Giảm
Mức 2 (không thỏa mãn)	3,3 %	0	0	
Mức 1 (rất kém)		0	0	

# BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

## HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ – XÂY DỰNG TĂNG CƯỜNG ĐỂ MỞ RỘNG CHIẾM LĨNH THỊ TRƯỜNG

Hoạt động đầu tư - xây dựng của CNG Việt Nam nhằm mục đích phát triển năng lực sản xuất, kinh doanh để tạo thế chủ động và chiếm lĩnh thị trường, phát triển cơ sở hạ tầng để phục vụ chiến lược phát triển bền vững của Công ty. Toàn bộ quá trình đầu tư - xây dựng các dự án của CNG Việt Nam đảm bảo tuân thủ theo các quy định hiện hành và chịu sự kiểm tra, giám sát nghiêm ngặt nên luôn đảm bảo chất lượng công trình và đúng mục tiêu và nguồn vốn của dự án.

Năm 2020, CNG Việt Nam đã triển khai chuẩn bị đầu tư, thực hiện đầu tư, thanh quyết toán 02 dự án nhóm B, 01 dự án nhóm C, 01 dự án mua sắm trang thiết bị với tổng giá trị giải ngân 28 tỷ đồng. Công tác đầu tư xây dựng được triển khai tích cực, bám sát kế hoạch, tiến độ đề ra. Công việc thực hiện năm 2020 của một số dự án lớn cụ thể như sau:

1

### DỰ ÁN MUA HỆ THỐNG CNG TẠI MIỀN BẮC

Đầu tư Dự án mua hệ thống CNG tại miền Bắc theo chủ trương Mô hình tổ chức kinh doanh các sản phẩm khí trong Tổng Công ty Khí Việt Nam là cơ hội lớn đối với CNG Việt Nam để giành thế chủ động trong toàn bộ quá trình sản xuất, vận chuyển và phân phối CNG, chiếm lĩnh thị trường miền Bắc, tiết giảm chi phí, tạo tiền đề cho kinh doanh LNG trong tương lai gần.

Giá trị giải ngân năm 2020 đạt 0,54 tỷ đồng, các công việc đang được thực hiện theo đúng tiến độ đề ra.

2

### TRẠM CẤP KHÍ LPG TRUNG NGUYÊN BÌNH THUẬN

Đầu tư “Trạm cấp khí LPG Trung Nguyên Bình Thuận” đáp ứng nhu cầu của khách hàng cũng như linh động trong quá trình sản xuất và hiệu quả kinh doanh của CNG Việt Nam.

Trong năm 2020, Công ty đã hoàn tất thi công xây dựng trạm, nghiệm thu hoàn thành công trình đưa vào sử dụng. Tổng giá trị giải ngân đạt 7,1 tỷ đồng, hoàn thành dự án đúng tiến độ đề ra.

3

### DỰ ÁN TRỤ SỞ VĂN PHÒNG CNG VIỆT NAM

Đầu tư xây dựng “Trụ sở văn phòng CNG Việt Nam” với mô hình văn phòng xanh thoáng mát, thân thiện với môi trường đáp ứng nhu cầu mở rộng, chiến lược phát triển bền vững của Công ty cũng như phát triển CNG Việt Nam trở thành thương hiệu có uy tín trong nước và khu vực.

Công việc thực hiện trong năm 2020: Hoàn thành tầng 1 đến tầng 3, đang thực hiện thi công tầng 5, giá trị giải ngân năm 2020 đạt 20,14 tỷ đồng. Tiến độ thực hiện theo đúng kế hoạch đề ra.

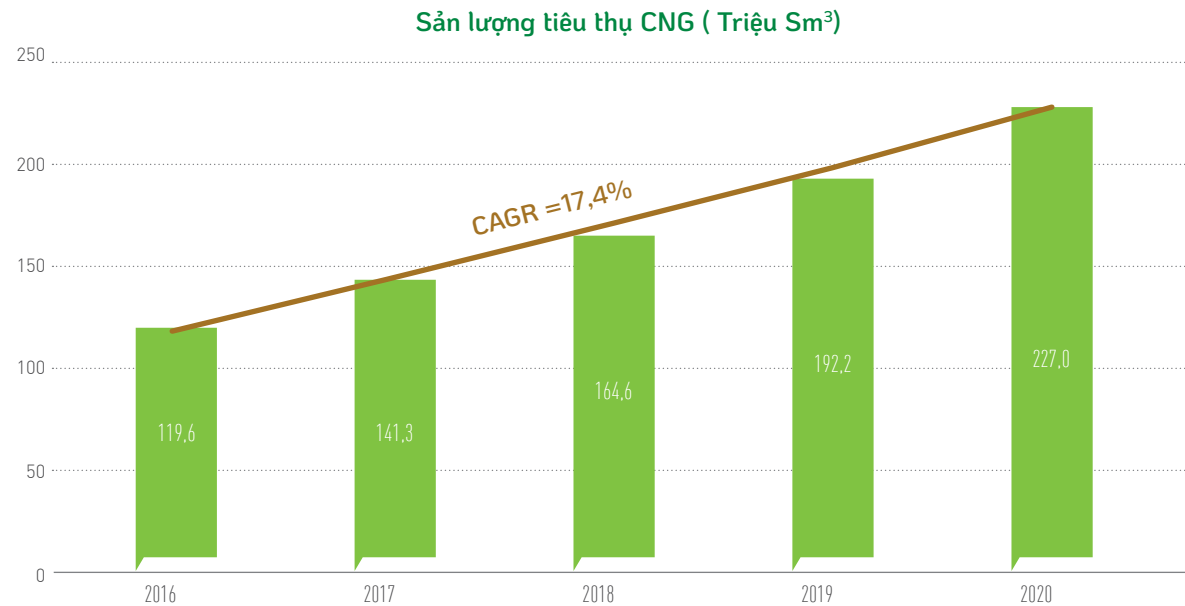
## PHÂN TÍCH TÀI CHÍNH

KẾT QUẢ KINH DOANH (Tỷ đồng)	2018	2019	2020	Tăng/giảm (%)
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>1.819,2</b>	<b>2.130,4</b>	<b>2.337,9</b>	<b>9,7%</b>
Giá vốn hàng bán	1.582,6	1.941,1	2.187,6	12,7%
<b>Lợi nhuận gộp</b>	<b>236,6</b>	<b>189,2</b>	<b>150,3</b>	<b>-20,6%</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	11,6	13,5	10,7	-20,5%
Chi phí tài chính	0,1	0,0	0,0	-
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	0,1	0,0	0,0	-
Chi phí bán hàng	34,4	24,9	25,5	2,4%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	75,1	72,9	72,6	-0,4%
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>138,6</b>	<b>104,9</b>	<b>62,8</b>	<b>-40,1%</b>
Thu nhập khác	7,3	2,9	2,5	-11,7%
Chi phí khác	0,66	0,1	0,0	-
Lợi nhuận khác	6,6	2,7	2,5	-7,5%
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>145,2</b>	<b>107,6</b>	<b>65,4</b>	<b>-39,3%</b>
<b>Lợi nhuận sau thuế</b>	<b>114,3</b>	<b>84,3</b>	<b>51,0</b>	<b>-39,5%</b>



# BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

## SẢN LƯỢNG KHÍ TIÊU THỤ



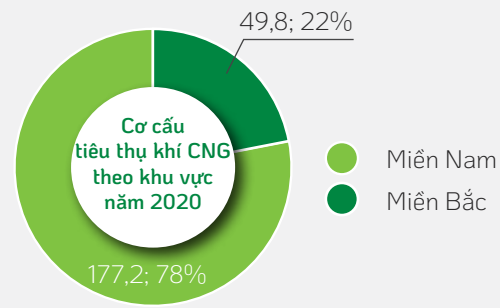
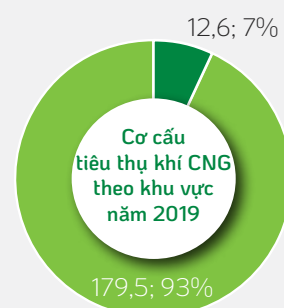
### TỔNG SẢN LƯỢNG KHÍ TIÊU THỤ NĂM 2020

**227**  
Triệu Sm<sup>3</sup>

TĂNG 118% SO VỚI NĂM 2019

Là một năm khó khăn nhưng nhờ các giải pháp tiếp cận khách hàng tích cực, tổng sản lượng CNG tiêu thụ trong năm 2020 của CNG Việt Nam đạt 227 triệu Sm<sup>3</sup>, tăng 18,1% so với năm trước. Sản lượng tiêu thụ khí duy trì mức tăng trưởng kép (CAGR) 17,4% trong giai đoạn 5 năm vừa qua.

Trong đó, sản lượng khí tiêu thụ tại miền Nam đạt 177,2 triệu Sm<sup>3</sup>, giảm nhẹ 1,3% so với năm 2019; trong khi sản lượng tại khu vực miền Bắc tăng gần gấp 4 lần lên 49,8 triệu Sm<sup>3</sup>. Sản lượng tại miền Nam chỉ giảm nhẹ cho thấy nỗ lực vượt bậc của Ban lãnh đạo trong hoạt động bán hàng; trong khi việc đầu tư mua lại hệ thống kinh doanh CNG tại miền Bắc đã giúp sản lượng tại khu vực này tăng mạnh, chiếm tỷ trọng 22% trong tổng lượng khí tiêu thụ so với chỉ 7% trong năm 2019. Đây là tiến đề quan trọng để Công ty mở rộng thị trường tiêu thụ khí thiên nhiên ra miền Bắc và khắp cả nước trong tương lai.



## DOANH THU VÀ LỢI NHUẬN GỘP

Năm 2020, Công ty ghi nhận doanh thu từ hoạt động bán khí đạt 2.337,9 tỷ đồng, tăng 9,7% so với năm 2019. Tỷ lệ tăng trưởng doanh thu thuần trong giai đoạn 5 năm gần đây (CAGR) duy trì ở mức cao 27,3%.

Lợi nhuận gộp cũng như tỷ lệ lợi nhuận gộp giảm tương ứng còn 150,3 tỷ đồng và 6,4% trong năm qua. Năm 2020, kinh tế thế giới đối diện khó khăn do dịch bệnh Covid-19, khiến thị trường đầu khí sụt giảm sâu đã ảnh hưởng mạnh đến giá bán khí của Công ty. Để hỗ trợ khách hàng, Công ty đã cắt giảm giá bán khí trung bình 7,1%, trong khi giá vốn chỉ giảm 4,6%. Đây là lý do khiến lợi nhuận gộp và tỷ suất lợi nhuận gộp của Công ty trong năm 2020 sụt giảm.

DOANH THU TỪ HOẠT ĐỘNG BÁN KHÍ NĂM 2020

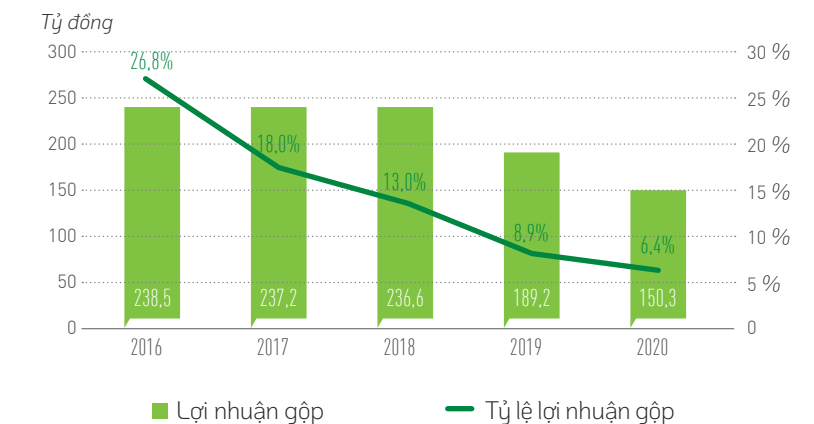
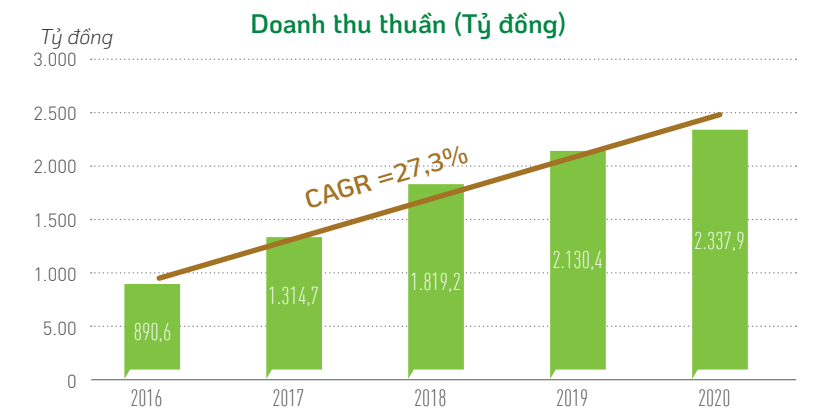
**2.337,9**  
tỷ đồng

TĂNG 9,7% SO VỚI NĂM 2019

TỶ LỆ TĂNG TRƯỞNG 5 NĂM GẦN ĐÂY (CAGR)

**27,3 %**



# BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

## CÔNG TÁC QUẢN TRỊ CHI PHÍ

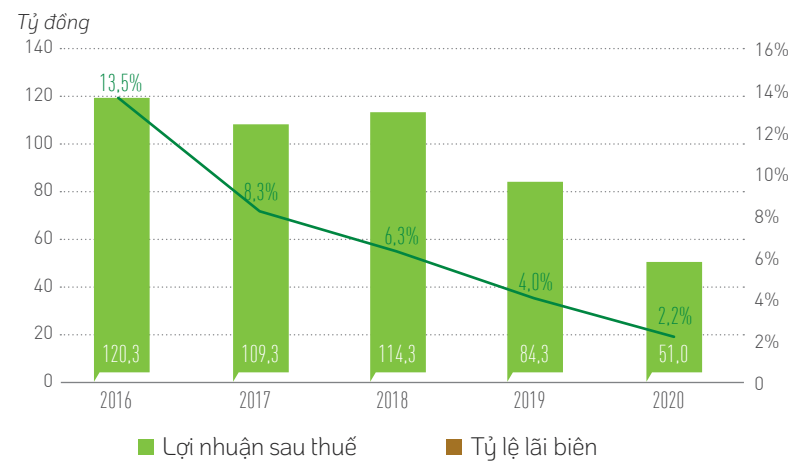
Cơ cấu chi phí (Tỷ đồng)	2017	2018	2019	2020
Chi phí khấu hao	46,7	45,2	54,3	43,3
Chi phí tài chính	2,01	0,07	0,02	0,00
Chi phí lãi vay	2,01	0,07	0,02	0,00
Chi phí bán hàng	27,9	34,4	24,9	25,5
Chi phí QLDN	74,6	75,1	72,9	72,6
Chi phí khác	0,07	0,66	0,1	0,0

Cơ cấu chi phí (% DTT)	2017	2018	2019	2020
Chi phí khấu hao/ Doanh thu thuần	3,5%	2,5%	2,5%	1,9%
Chi phí tài chính/ Doanh thu thuần	0,2%	0,0%	0,0%	0,0%
Chi phí lãi vay/ Doanh thu thuần	0,2%	0,0%	0,0%	0,0%
Chi phí bán hàng/ Doanh thu thuần	2,1%	1,9%	1,2%	1,1%
Chi phí QLDN/ Doanh thu thuần	5,7%	4,1%	3,4%	3,1%
Chi phí khác/ Doanh thu thuần	0,0%	0,0%	0,0%	0,0%

CNG Việt Nam tiếp tục duy trì công tác quản trị chi phí chặt chẽ, triển khai nhiều chương trình tiết kiệm chi phí. Nhờ đó, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp được giữ tương đương năm trước, tương ứng 25,5 và 72,6 tỷ đồng. Nếu tính trên doanh thu thuần thì tỷ lệ Chi phí bán hàng/ Doanh thu thuần và Chi phí QLDN/ Doanh thu thuần giảm mạnh so với năm 2019 xuống còn lần lượt là 1,1% và 3,1%.

Tỷ lệ Chi phí khấu hao/ Doanh thu thuần cũng giảm mạnh từ 2,5% xuống còn 1,9% trong năm 2020. CNG Việt Nam luôn chú trọng đến hiệu quả sử dụng tài sản, máy móc thiết bị trong những năm qua. Do không có khoản vay dài hạn lẫn ngắn hạn trong năm vừa qua nên tỷ lệ chi phí tài chính, chi phí lãi vay so với doanh thu thuần đều ở mức 0%.

## LỢI NHUẬN SAU THUẾ



Với diễn biến thị trường dầu khí không thuận lợi, LNST và tỷ lệ lãi biên của Công ty đều bị suy giảm so với năm trước. Trong đó, LNST giảm từ 84,3 tỷ đồng trong năm 2019 xuống 51 tỷ đồng năm 2020; tỷ lệ lãi biên cũng giảm xuống còn 2,2%.

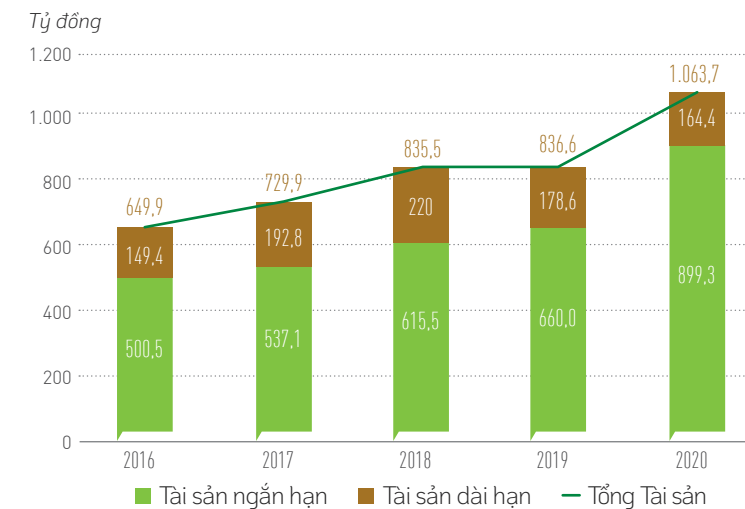


## TÀI SẢN VÀ NGUỒN VỐN

Để duy trì sự an toàn và hiệu quả trong hoạt động kinh doanh, CNG Việt Nam luôn chú trọng duy trì cơ cấu tài sản và nguồn vốn lành mạnh. Ba nguyên tắc luôn được CNG Việt Nam kiên trì tuân thủ để đảm bảo hoạt động quản trị tài chính hiệu quả là:

- 1 Không đầu tư vốn dàn trải, tập trung mọi nguồn lực cho hoạt động kinh doanh.
- 2 Ưu tiên sử dụng nguồn vốn chủ sở hữu và nguồn vốn không sinh lãi nhằm giảm thiểu áp lực tài chính trong việc tài trợ hoạt động kinh doanh.
- 3 Với bản chất hoạt động sản xuất kinh doanh đòi hỏi nhu cầu vốn luân chuyển cao, Công ty luôn chú ý duy trì tỷ trọng tài sản ngắn hạn ở mức tối thiểu 70% tổng tài sản.

Chỉ tiêu (Tỷ đồng)	ĐVT	2016	2017	2018	2019	2020
<b>Tổng tài sản</b>	<b>Tỷ đồng</b>	<b>649,9</b>	<b>730</b>	<b>835,5</b>	<b>838,6</b>	<b>1.063,7</b>
Tài sản ngắn hạn	Tỷ đồng	500,5	537,1	615,5	660,0	899,3
Tài sản dài hạn	Tỷ đồng	149,4	192,8	220,0	178,6	164,4
<b>Nợ phải trả</b>	<b>Tỷ đồng</b>	<b>185,3</b>	<b>249,3</b>	<b>298,2</b>	<b>295,8</b>	<b>554,3</b>
Nợ ngắn hạn	Tỷ đồng	157,3	230,9	280,4	278,0	534,6
Nợ dài hạn	Tỷ đồng	28	18,5	17,8	17,8	19,8
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>Tỷ đồng</b>	<b>464,6</b>	<b>480,6</b>	<b>537,3</b>	<b>542,9</b>	<b>509,4</b>



## TÀI SẢN

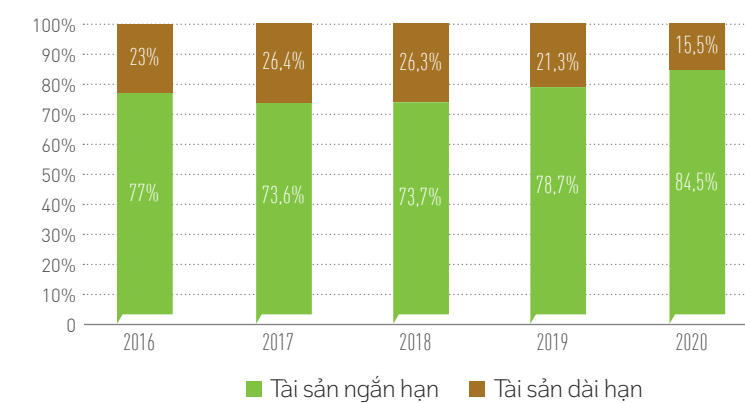
Tổng tài sản của Công ty tăng 26,8% từ 838,6 tỷ đồng lên mức 1.063,7 tỷ đồng tính đến 31/12/2020. Tài sản ngắn hạn vẫn được duy trì tỷ trọng lớn với 84,5% trong cơ cấu tổng tài sản; trong khi tài sản ngắn hạn tăng 36% thì tài sản dài hạn giảm 8% so với năm 2019.

### TỔNG TÀI SẢN NĂM 2020

# 1.063,7

tỷ đồng

TĂNG 26,8% SO VỚI NĂM 2019



### TỶ TRỌNG TÀI SẢN NGẮN HẠN

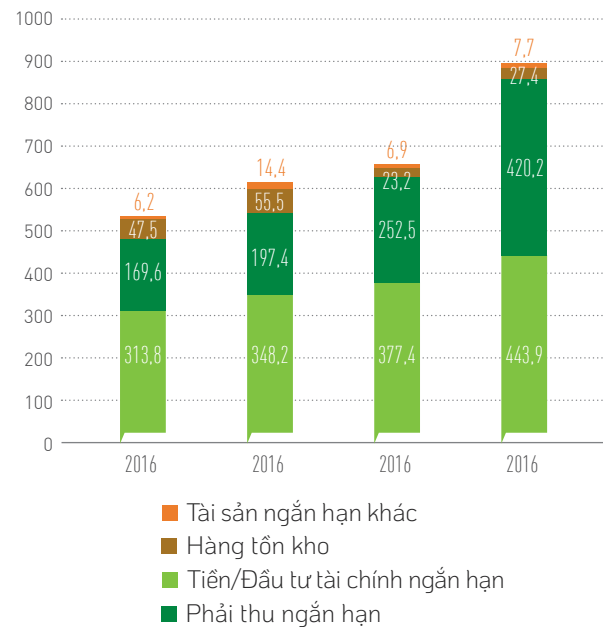
# 84,5%

TRONG CƠ CẤU TỔNG TÀI SẢN

# BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

## TÀI SẢN VÀ NGUỒN VỐN

### TÀI SẢN NGẮN HẠN

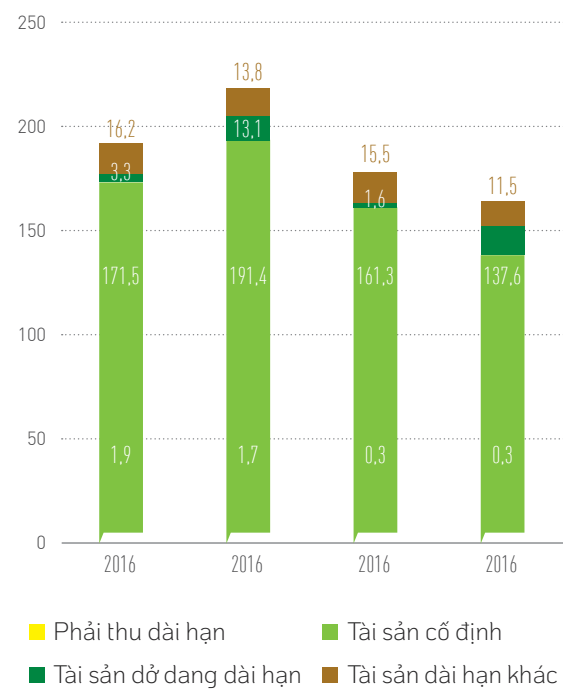


Tiền/Đầu tư tài chính ngắn hạn và Các khoản phải thu ngắn hạn là hai khoản mục chiếm tỷ trọng cao nhất trong cơ cấu tài sản ngắn hạn, và lần lượt đạt 443,9 và 420,2 tỷ đồng. CNG Việt Nam luôn chú ý duy trì tỷ trọng khoản mục tài sản ngắn hạn nhằm đảm bảo khả năng thanh toán các nghĩa vụ nợ ngắn hạn cũng như đáp ứng kịp thời dòng tiền cho các hoạt động đầu tư mở rộng trong tương lai gần. Các khoản phải thu của Công ty không xảy ra tình trạng nợ quá hạn, đảm bảo khả năng thu hồi cao. Hàng tồn kho của Công ty duy trì ổn định tương đương với năm trước đứng ở mức 27,4 tỷ đồng.

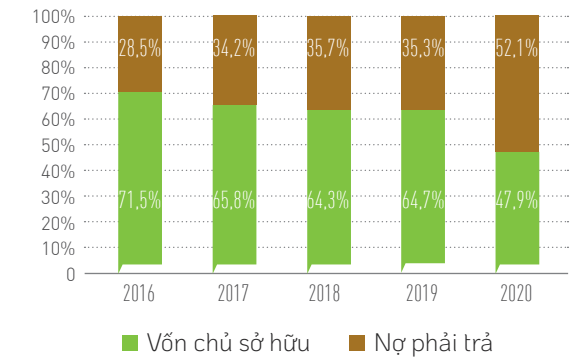
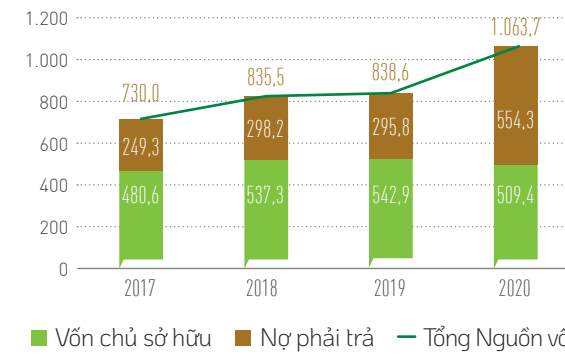


### TÀI SẢN DÀI HẠN

Là một công ty sản xuất trong ngành dầu khí, tài sản cố định của Công ty luôn chiếm tỷ trọng lớn trong tài sản dài hạn, đạt 137,6 tỷ đồng vào cuối năm 2020.



## NGUỒN VỐN



Với mục tiêu sử dụng chủ yếu nguồn vốn chủ sở hữu và nguồn vốn không sinh lãi tài trợ cho hoạt động kinh doanh của Công ty để giảm thiểu áp lực lãi vay, nên tỷ trọng vốn chủ sở hữu trong cơ cấu nguồn vốn được duy trì mức cao trong 5 năm qua, hiện chiếm gần 48% tổng nguồn vốn. Năm 2020, nợ phải trả tăng lên mức 554,3 tỷ đồng nhưng chủ yếu là các khoản phải trả cho nhà cung cấp không chịu lãi nên không gây áp lực về chi phí lên Công ty.

## CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

Chỉ tiêu	Đvt	2016	2017	2018	2019	2020
<b>1. Chỉ tiêu về Khả năng thanh toán</b>						
Hệ số thanh toán ngắn hạn (hiện hành)	lần	3,2	2,3	2,2	2,4	1,7
Hệ số thanh toán nhanh	lần	2,9	2,1	1,9	2,3	1,6
Hệ số thanh toán tiền mặt	lần	2,2	1,2	1,2	1,4	0,8
<b>2. Chỉ tiêu về Hiệu quả hoạt động</b>						
Kỳ thu tiền bình quân	ngày	49,5	38,3	36,6	37,7	50,2
Kỳ lưu kho bình quân	ngày	19,2	15,2	11,9	7,4	4,2
Kỳ trả tiền bình quân	ngày	55	42,9	44,3	45,0	59,9
Vòng quay tổng tài sản	lần	1,4	1,9	2,3	2,5	2,5
<b>3. Chỉ tiêu về Khả năng sinh lời</b>						
Hệ số lợi nhuận gộp	%	26,8%	18,0%	13,0%	8,9%	6,4%
Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần	%	16,9%	10,2%	7,6%	4,9%	2,7%
Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu	%	13,5%	8,3%	6,3%	4,0%	2,2%
Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu (ROEA)	%	27,9%	23,1%	22,46%	15,6%	9,9%
Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản (ROAA)	%	18,6%	15,8%	14,6%	10,1%	5,4%
<b>4. Chỉ tiêu về Cơ cấu vốn</b>						
Hệ số nợ/ Tổng tài sản	%	28,5%	34,2%	35,7%	35,3%	52,1%
Hệ số nợ/ Vốn chủ sở hữu	%	39,9%	51,9%	55,5%	54,5%	108,8%



# BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

## CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

### KHẢ NĂNG THANH TOÁN

Các chỉ số về khả năng thanh toán của CNG Việt Nam trong năm 2020 giảm chủ yếu do khoản phải trả tăng lên. Cụ thể, hệ số thanh toán ngắn hạn (hiện hành), hệ số thanh toán nhanh, hệ số thanh toán tiền mặt lần lượt đạt mức 1,7, 1,6 và 0,8 lần; chủ yếu do khoản phải trả người bán gia tăng mạnh hơn dù các khoản tài sản ngắn hạn đều tăng khá mạnh so với năm trước. Dù vậy, các hệ số thanh toán này vẫn đang lớn hơn mức 1 cho thấy tính an toàn cao trong khả năng thanh toán ngắn hạn của CNG Việt Nam. Công ty không hề có khoản thanh toán nào quá hạn.

#### HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Với mục tiêu duy trì tốc độ tăng trưởng sản lượng tiêu thụ và doanh thu, cũng như mở rộng mạng lưới khách hàng, CNG Việt Nam đã áp dụng những chính sách ưu đãi trong khâu bán hàng như nới lỏng tín dụng. Điều này dẫn đến kỳ thu tiền bình quân tăng nhẹ từ 37,7 ngày trong năm 2019 lên 50,2 trong năm 2020.

Kỳ trả tiền bình quân tăng nhẹ lên 59,9 ngày do Công ty đẩy mạnh hoạt động kinh doanh trong năm vừa qua. Vòng quay tổng tài sản của CNG Việt Nam duy trì 2,5 lần trong năm 2020. Việc tiếp tục duy trì xu hướng tích cực trong những năm qua đã thể hiện được tính ổn định trong việc sử dụng tài sản hiệu quả của Công ty.

#### KHẢ NĂNG SINH LỜI

Mức giảm giá bán ra mạnh gần gấp đôi so với mức sụt giảm giá vốn dẫn đến các chỉ tiêu về khả năng sinh lời sụt giảm trong năm 2020. Trong đó, tỷ suất lợi nhuận gộp, tỷ suất lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh, và tỷ suất lợi nhuận sau thuế giảm xuống còn 6,4%, 2,7% và 2,2%. ROE và ROA tương ứng đạt mức 9,9% và 5,4%.

#### CƠ CẤU VỐN

Hệ số nợ trong năm 2020 tăng, cụ thể hệ số Nợ/ Tổng tài sản và Nợ/ Vốn chủ sở hữu đang được ghi nhận ở mức 52,1% và 108,8% chủ yếu do mở rộng kinh doanh và nợ phải trả nhà cung cấp khí đầu vào. Đây là những khoản phải trả không chịu lãi và Công ty hoàn toàn không chịu áp lực về tài chính.

## PHÂN TÍCH DÒNG TIỀN

Chỉ tiêu	2016	2017	2018	2019	2020
Dòng tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	181,4	165,3	138,8	98,3	168,4
Dòng tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(12,2)	(100,8)	(29,3)	(1,1)	(36,3)
Dòng tiền thuần từ hoạt động tài chính	(108,3)	(127,3)	(41,2)	(68,0)	(65,5)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	342,7	279,9	348,2	377,4	443,9

Dòng tiền từ hoạt động kinh doanh của Công ty dương 168,4 tỷ đồng. Đây là một điểm nhấn nổi bật khi hoạt động kinh doanh của ngành khí trong năm 2020 không khả quan. Trong khi đó, do tăng cường hoạt động đầu tư nên dòng tiền thuần từ hoạt động đầu tư âm 36,3 tỷ đồng. Dòng tiền thuần từ hoạt động tài chính âm 65,5 tỷ đồng chủ yếu do Công ty thực hiện chi trả cổ tức với tổng tỷ lệ 25%.

Cuối năm 2020, CNG Việt Nam ghi nhận số tiền và tương đương tiền cuối kỳ đạt 443,9 tỷ đồng, tăng mạnh 17,6% so với năm trước. Nguồn tiền mặt dồi dào giúp Công ty chủ động trong các kế hoạch mở rộng sản xuất kinh doanh trong thời gian tới.

## ĐỊNH HƯỚNG GIẢI PHÁP VÀ KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2021 GIẢI PHÁP VỀ THỊ TRƯỜNG VÀ KINH DOANH

1

Với áp lực cạnh tranh diễn ra theo chiều hướng gia tăng trong ngành, việc duy trì mối quan hệ đối với nhóm khách hàng cũ sẽ được Công ty chú trọng. Cùng với đó là hoạt động mở rộng thị trường, tìm kiếm khách hàng mới nhằm thúc đẩy tăng trưởng sẽ tiếp tục là mục tiêu hàng đầu của Công ty.

2

Mức độ biến động trên thị trường dầu khí thế giới vẫn duy trì ở mức cao và đe dọa khả năng ổn định hoạt động kinh doanh của ngành khí trong nước. Các chính sách duy trì giá bán linh hoạt, gia tăng ưu đãi, hạn chế tình trạng khách hàng chuyển sang sử dụng nhiên liệu khác là những giải pháp cần thiết nhằm duy trì thị phần mà vẫn đảm bảo lợi nhuận cho Công ty và ổn định sản xuất cho khách hàng.

3

Nhằm hạn chế ảnh hưởng từ những biến động ngoài dự kiến của tăng trưởng kinh tế trong nước và quốc tế, Công ty nỗ lực phát triển thị trường tiêu thụ khí theo hướng đa dạng hóa lĩnh vực sản xuất. Điều này giúp Công ty đa dạng hóa phân khúc khách hàng, tận dụng tối đa cơ hội tìm kiếm khách hàng mới và giảm thiểu rủi ro biến động doanh thu từ sự phụ thuộc vào một ngành sản xuất nhất định.

4

Các giải pháp về bán hàng đóng vai trò quan trọng, bao gồm phát triển các kế hoạch marketing tại các thị trường hiện hữu và các thị trường mới của Công ty. Nhờ đó, chính sách bán hàng sẽ có sự linh hoạt hơn nhằm mở rộng nhanh thị phần khách hàng.

5

Nâng cao khả năng cạnh tranh chi phí của Công ty so với các đối thủ cạnh tranh thông qua các biện pháp tối ưu hóa hiệu quả hoạt động của tài sản.

6

Đề cao việc tiết giảm chi phí hoạt động và chi phí tài chính nhằm hạn chế biến động từ chi phí đầu vào lên biên lợi nhuận. Song song với đó là gia tăng sự an toàn, hiệu quả và bền vững trong hoạt động kinh doanh.

7

Tận dụng cơ hội mở rộng thị trường tiêu thụ sang nhóm khách hàng vận tải nhằm tận dụng sự chuyển đổi xu hướng sang các loại nhiên liệu thân thiện với môi trường. Nổi bật trong đó là hệ thống xe bus tiêu thụ khí CNG đang được Chính phủ chú trọng trong những năm qua.

# BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

## ĐỊNH HƯỚNG GIẢI PHÁP VÀ KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2021

### GIẢI PHÁP VỀ QUẢN LÝ ĐIỀU HÀNH

#### SẢN XUẤT, VẬN CHUYỂN, PHÂN PHỐI CNG

- Đảm bảo an toàn tuyệt đối trong hoạt động sản xuất, phân phối và vận chuyển là mục tiêu quan trọng nhất và quyết định đến sự thành công của Công ty. Sự tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về an toàn trong hoạt động kinh doanh tạo nên giá trị an toàn, hiệu quả hoạt động cho tài sản và nâng cao thương hiệu CNG Việt Nam.

Nhận biết rõ tầm quan trọng của yếu tố an toàn trong hoạt động kinh doanh, Công ty luôn duy trì công tác bảo dưỡng, sửa chữa và giám sát chặt chẽ quá trình sản xuất, vận chuyển nhằm đảm bảo máy móc, thiết bị luôn trong tình trạng hoạt động tốt nhất. Bên cạnh đó là hoạt động triển khai các biện pháp quản lý an toàn một cách hiệu quả để giảm thiểu tai nạn, sự cố. Nghiêm túc xử lý và loại bỏ các tình trạng mất an toàn.

- Áp dụng hiệu quả hệ thống quản lý tích hợp An toàn – Chất lượng – Môi trường theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015 và ISO 14001:2018 vào quá trình sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Phát huy phong trào sáng kiến cải tiến kỹ thuật nhằm tối ưu hóa quá trình sản xuất kinh doanh.

#### ĐẦU TƯ

Đứng trước triển vọng tăng trưởng của nền kinh tế, Công ty có cơ hội đón nhận nhiều hơn nhu cầu tiêu thụ khí từ các nhóm ngành khách hàng. Do đó, các kế hoạch đầu tư nâng công suất cung cấp khí, mở rộng mạng lưới trạm cung cấp tại khu vực cùng các dịch vụ song hành sẽ được lưu tâm, chú trọng nhằm đáp ứng kịp thời nhu cầu tiêu thụ khí trong tương lai.

- Phối hợp với phòng kinh doanh và khách hàng lên kế hoạch cho các dự án và triển khai đầu tư kịp thời. Giúp tăng cường hiệu quả cho nguồn vốn giải ngân và kịp thời cung cấp khí cho khách hàng.
- Tăng cường công tác kiểm soát trong quá trình đầu tư nhằm đảm bảo các dự án được triển khai tuyệt đối an toàn và hoàn thành đạt chất lượng và đúng tiến độ đề ra.
- Chủ động triển khai các bước thủ tục, hồ sơ đúng theo quy trình, quy định của pháp luật và Công ty.

#### TÀI CHÍNH

- Chủ động thu xếp các nguồn vốn để phục vụ cho các dự án đầu tư và SXKD của Công ty.
- Các chính sách tín dụng được xem xét phù hợp với mục tiêu tìm kiếm khách hàng mới và mở rộng thị phần kinh doanh. Tuy nhiên, việc hạn chế rủi ro phát sinh nợ quá hạn của khách hàng cần được thực hiện song hành nhằm đảm bảo công tác quản lý chi phí, công nợ hiệu quả.
- Với đặc thù hoạt động kinh doanh chịu ảnh hưởng từ biến động của thị trường nhiên liệu đầu vào, kế hoạch quản trị hàng tồn kho, dự trữ nhiên liệu khí đầu vào để tối thiểu hóa tác động lên hoạt động kinh doanh sẽ tiếp tục được Công ty thực hiện trong những năm tới.
- Tối ưu hóa nguồn vốn kinh doanh. Sử dụng vốn và quỹ linh hoạt nhằm tăng thêm thu nhập từ hoạt động tài chính. Ưu tiên giữ vững sự an toàn trong cấu trúc vốn và hạn chế rủi ro tài chính tiếp tục nhận được sự chú trọng từ Công ty.
- Gia tăng dòng tiền hình thành từ hoạt động kinh doanh mà vẫn duy trì được mối quan hệ hợp lý với khách hàng và nhà cung ứng. nỗ lực duy trì ổn định tốc độ tăng trưởng dòng tiền và khả năng phân phối thu nhập cho cổ đông.
- Hỗ trợ công tác công bố thông tin đúng quy định, tập trung cho hoạt động quan hệ nhà đầu tư (IR) nhằm góp phần giữ vững uy tín, hình ảnh của Công ty trước cổ đông.

#### TỔ CHỨC, NHÂN SỰ VÀ PHÁT TRIỂN NGUỒN LỰC

- Rà soát cơ cấu tổ chức, bộ máy, cách thức tổ chức sản xuất mới đảm bảo phù hợp với sự phát triển của Công ty trong từng giai đoạn. Tạo dựng môi trường làm việc gắn với "hiệu quả" nhằm thu hút nguồn lực có trình độ, kinh nghiệm làm việc lâu dài cho Công ty.
- Tiếp tục đẩy mạnh triển khai hoạt động 5S trong toàn công ty.
- Triển khai thực hiện hoạt động đánh giá công việc theo KPI nhằm đánh giá đúng hiệu quả công việc của CBCNV, đề xuất các chế độ khen thưởng hợp lý.
- Thực hiện chính sách điều động, luân chuyển nhân lực một cách hợp lý nhằm đáp ứng nhu cầu sản xuất kinh doanh theo từng thời điểm.
- Tuyển dụng nhân sự có trình độ, tay nghề, phẩm chất và kinh nghiệm đáp ứng nhu cầu công việc, định hướng phát triển của Công ty. Thực hiện và cải cách các chính sách đãi ngộ đối với người lao động theo hiệu quả công việc, phù hợp với thị trường lao động nội bộ ngành.
- Tăng cường công tác đào tạo, giúp nâng cao năng lực làm việc của CBCNV.



**NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM NĂM 2021**

- 1 Đảm bảo hiệu quả hoạt động SXKD, đẩy mạnh công tác phát triển, mở rộng thị trường, quảng bá thương hiệu CNG Việt Nam để chiếm lĩnh thị phần tạo tiền đề kinh doanh sản phẩm LNG; chuẩn bị cơ sở vật chất, thiết bị và các phương án để sẵn sàng kinh doanh LNG theo kế hoạch nhập khẩu LNG của PVGas.
- 2 Vận hành và khai thác hiệu quả hệ thống CNG, đảm bảo công tác an ninh, an toàn trên tất cả các công trình khí hiện có của Công ty, đảm bảo cấp khí liên tục cho khách hàng.
- 3 Liên tục cập nhật tình hình dịch bệnh và diễn biến giá dầu Thế giới; chủ động sẵn sàng các phương án phòng, chống dịch Covid-19 và xây dựng các kịch bản giá dầu để có giải pháp SXKD phù hợp với tình hình thực tế.
- 4 Nâng cao hiệu quả công tác quản trị nội bộ, từng bước số hóa, tinh gọn hệ thống quản lý của Công ty.
- 5 Tái cấu trúc, sắp xếp lại cơ cấu tổ chức, chức năng nhiệm vụ của các Đơn vị theo tình hình thực tế SXKD của Công ty; nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu của hoạt động SXKD.
- 6 Tập trung triển khai thực hiện các dự án đầu tư trọng điểm trong năm 2021 nhằm đáp ứng, phục vụ nhu cầu hoạt động SXKD của Công ty đảm bảo an toàn, chất lượng, tiến độ, hiệu quả.

**CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH NĂM 2021**

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2021
1	Tổng sản lượng CNG	Triệu Sm <sup>3</sup>	243,00
-	Miền Nam	Triệu Sm <sup>3</sup>	183,00
-	Miền Bắc	Triệu Sm <sup>3</sup>	60,00
2	Tổng Doanh thu	Tỷ đồng	2.371,34
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	60,08
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	48,06
5	Tỷ suất LNST/VĐL	%	17,80
6	Tỷ lệ chia cổ tức/VĐL	%	15
7	Nộp ngân sách nhà nước	Tỷ đồng	30,00

**THÔNG TIN CỔ PHẦN**

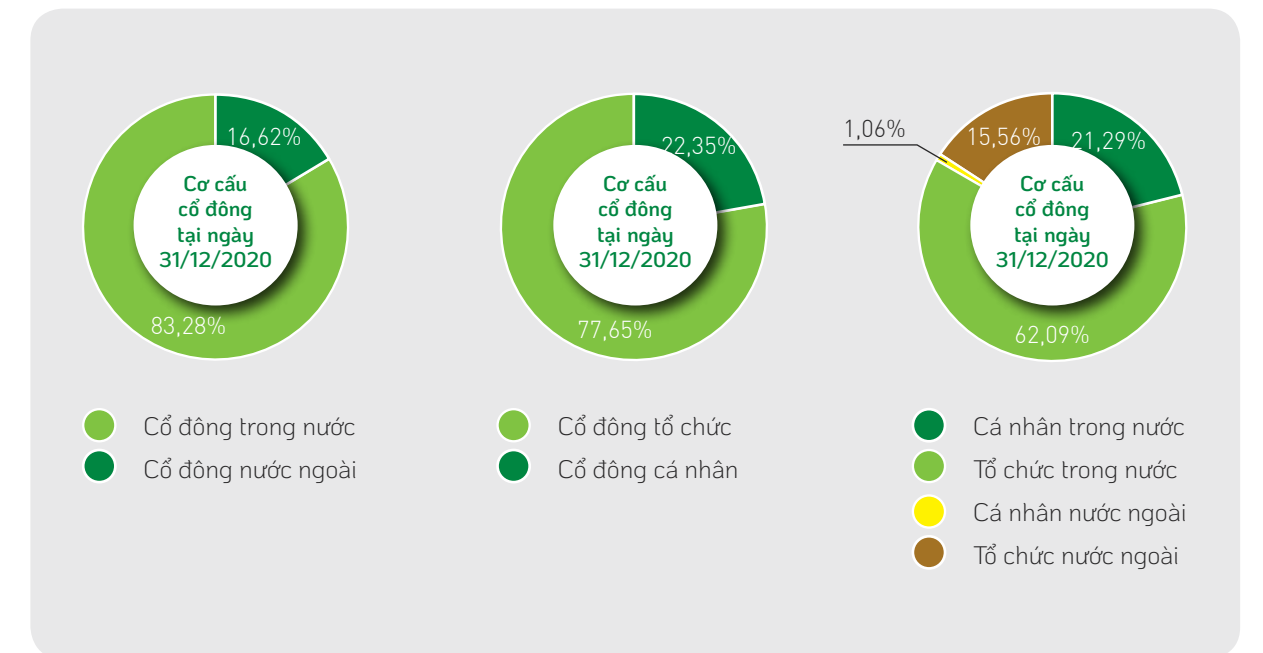
Tổng số cổ phần	: 27.000.000 cp
Loại cổ phần	: Cổ phiếu phổ thông
Số lượng cổ phần hạn chế chuyển nhượng	: Không
Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do	: 27.000.000 cp



**CƠ CẤU CỔ ĐÔNG**

Phân loại theo cổ đông trong nước và nước ngoài tại ngày 31/12/2020

Chỉ tiêu	Trong nước		Nước ngoài		Tổng cộng	
	Cổ phần	% VĐL	Cổ phần	% VĐL	Cổ phần	% VĐL
Cá nhân	5.747.836	21,29	285.924	1,06	6.033.760	22,35
Tổ chức	16.765.628	62,09	4.200.612	15,56	20.966.240	77,65
<b>Tổng cộng</b>	<b>22.513.464</b>	<b>83,38</b>	<b>4.486.536</b>	<b>16,62</b>	<b>27.000.000</b>	<b>100,00%</b>



# CƠ CẤU CỔ ĐÔNG VÀ HOẠT ĐỘNG QUAN HỆ NHÀ ĐẦU TƯ (tiếp theo)

## CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

Phân loại theo cổ đông lớn (từ 5% trở lên) tại ngày 31/12/2020

Tên cổ đông	Vốn cổ phần	Tỷ lệ (%)
Tổng Công ty Khí Việt Nam – CTCP (PV Gas)	15.120.000	56,00
Samarang Ucits – Samarang Asian Prosperity	2.590.570	9,59
Các cổ đông khác	9.289.430	34,41
<b>Tổng cộng</b>	<b>27.000.000</b>	<b>100,00</b>

## QUÁ TRÌNH TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ

Năm	Vốn điều lệ ban đầu	Vốn điều lệ tăng thêm	Vốn điều lệ lũy kế	Hình thức tăng vốn
2007	19,2	-	19,2	
2008	19,2	48	67,2	Phát hành thêm
2010	67,2	57,8	125	Phát hành cho cán bộ chủ chốt và cổ đông chiến lược
2011	125	37,5	162,5	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
2011	162,5	40,6	203,1	Trả cổ tức bằng cổ phiếu và cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu
2012	203,1	10,2	213,3	ESOP cho CBCNV
2013	213,3	56,7	270,0	ESOP cho CBCNV và thưởng cổ phiếu

## TÌNH HÌNH THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Tổng vốn điều lệ đến ngày 31/12/2020 là 270 tỷ đồng, không thay đổi so với năm trước. Vốn chủ sở hữu đến cuối năm 2020 đạt gần 508 tỷ đồng gấp 1,9 lần so với vốn điều lệ nhờ tích lũy lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

**Giao dịch cổ phiếu quỹ:** Công ty hiện đang nắm giữ 327 cổ phiếu quỹ, chiếm tỷ lệ 0,001%. Trong năm, Công ty không có giao dịch mua/bán cổ phiếu quỹ.

## HOẠT ĐỘNG QUAN HỆ NHÀ ĐẦU TƯ



Năm 2020 bị tác động mạnh mẽ vì Covid-19 nên các hoạt động Quan hệ Nhà đầu tư của Công ty cũng bị ảnh hưởng, đặc biệt là các hoạt động viếng thăm doanh nghiệp hay tiếp xúc trực tiếp với nhà đầu tư. Thay vào đó, Công ty đã đẩy mạnh các hoạt động cung cấp thông tin từ xa, qua điện thoại, cải tiến trang web của Công ty theo hướng hiện đại, giao diện thân thiện với người dùng, cung cấp các thông tin cập nhật, chính xác, kịp thời đến cộng đồng nhà đầu tư.

Ngoài ra, thực hiện đúng các chuẩn mực QTCT được quy định trong văn bản lập quy của Công ty và tuân thủ các quy định hiện hành của Bộ Tài chính và UBCKNN, Ban Lãnh đạo luôn chỉ đạo thực hiện nghiêm túc hoạt động công bố thông tin ra thị trường. Đối với các sự kiện có ảnh hưởng đến giá cổ phiếu trên thị trường, Công ty luôn đảm bảo việc truyền tải thông tin chính xác và kịp thời đến các cổ đông và cộng đồng nhà đầu tư. Không dừng lại ở việc tuân thủ, Công ty cũng trao đổi với các biên liên quan và cổ đông, công bố thông tin một cách chủ động.

Các kỳ ĐHĐCĐ luôn được Công ty chú trọng và chuẩn bị một cách cẩn thận và kỹ lưỡng, vì đây là cơ hội quan trọng để Công ty gặp gỡ cổ đông và nhà đầu tư. Ban Lãnh đạo trình bày kết quả, kế hoạch kinh doanh và những nội dung quan trọng khác liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ. Đây cũng là cơ hội để Ban Lãnh đạo có thể giải đáp thắc mắc để các cổ đông có thể hiểu rõ về Công ty hơn.

Năm 2020, CNG Việt Nam đã thực hiện chi trả cổ tức tiền mặt cho cổ đông với tổng tỷ lệ 25%, tương ứng với tổng giá trị chi trả đạt 67,5 tỷ đồng.

Với những hoạt động minh bạch và hiệu quả, Công ty đã được các tổ chức uy tín bình chọn, khen tặng nhiều danh hiệu, giải thưởng. Cụ thể như sau:

- Top 10 Báo cáo Thường niên – Nhóm MidCap do Sở GDCK TP.HCM (HOSE) và báo Đầu tư Chứng khoán đồng tổ chức trong ba năm liên tiếp 2018, 2019, 2020.
- Top 100 Doanh nghiệp Phát triển Bền Vững Việt Nam do Hội đồng Doanh nghiệp vì sự Phát triển bền vững Việt Nam - VBCSD (VCCI) tổ chức trong nhiều năm liền.



## LƯƠNG, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HĐQT, BKS, BGD

Năm 2020, số tiền lương, thù lao của HĐQT, BKS và Giám đốc là 5.456.346.468 đồng, bằng 100% kế hoạch tiền lương, thù lao HĐQT, BKS và Giám đốc đã được phê duyệt tại Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2020.

Công ty áp dụng chế độ lương cho Ban điều hành theo quy định của pháp luật, hài hòa với chính sách lương và quỹ lương hàng năm của Công ty, tương xứng với năng lực và kết quả công việc của từng thành viên. Chế độ thưởng và phúc lợi chung khác theo chính sách nhân viên và Thỏa ước lao động tập thể của CNG Việt Nam.

Tiền thưởng Ban điều hành trích từ lợi nhuận sau thuế, áp dụng theo quyết định của ĐHĐCĐ thường niên về Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành.



## GIAO DỊCH CỦA CÔNG TY, THÀNH VIÊN HĐQT, BKS, BGD VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN

STT	Loại giao dịch	Tình trạng
1	Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ và người có liên quan	Không có
2	Giao dịch giữa Công ty với người có liên quan, người nội bộ của Công ty, người có liên quan của người nội bộ	Vui lòng tham khảo Báo cáo Quản trị Công ty năm 2020
3	Giao dịch giữa người nội bộ của Công ty, người có liên quan của người nội bộ với công ty con, công ty do Công ty nắm quyền kiểm soát	Không có
4	Giao dịch giữa Công ty với công ty mà thành viên HĐQT, thành viên BKS, BGD đã và đang là thành viên sáng lập hoặc thành viên HĐQT, Giám đốc điều hành trong vòng 03 năm trở lại đây	Không có
5	Giao dịch giữa Công ty với công ty mà người có liên quan của thành viên HĐQT, thành viên BKS, Giám đốc điều hành là thành viên HĐQT, Giám đốc điều hành	Không có
6	Các giao dịch khác của Công ty có thể mang lại lợi ích vật chất hoặc phi vật chất đối với thành viên HĐQT, thành viên BKS, Giám đốc điều hành	Không có





*Nhà n tâm lòng...*  
**TẶNG CHIA SẺ**

# 4

## **BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG**

<b>Đóng góp kinh tế bền vững:</b> Duy trì trong bối cảnh thách thức	108
<b>Trách nhiệm với môi trường:</b> Từ sản phẩm đến quản lý tác động	111
<b>Nguồn nhân lực:</b> Từ thế mạnh cạnh tranh đến chất lượng cuộc sống của người lao động	116
<b>Cộng đồng:</b> Chia sẻ bằng các hoạt động thiết thực	128

## ĐÓNG GÓP KINH TẾ BỀN VỮNG: DUY TRÌ TRONG BỐI CẢNH THÁCH THỨC



**CNG VIỆT NAM CŨNG NHƯ TOÀN NGÀNH DẦU KHÍ VÀ NỀN KINH TẾ ĐÃ TRẢI QUA MỘT NĂM 2020 NHIỀU THÁCH THỨC KHI KHỦNG HOẢNG DỊCH BỆNH COVID-19 LAN RỘNG VÀ GIÁ DẦU THẾ GIỚI SỤT GIẢM SÂU DO NGUỒN CUNG Ứ ĐỌNG VÀ NHU CẦU SỤT GIẢM DO HOẠT ĐỘNG KINH TẾ XÃ HỘI BỊ ĐÌNH TRỆ. BÊN CẠNH GIÁ BÁN KHÍ SỤT GIẢM, ĐIỀU NÀY ĐÃ TÁC ĐỘNG ĐẾN HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT CỦA HẦU HẾT CÁC KHÁCH HÀNG CỦA CÔNG TY VÀ KÉO GIẢM MẠNH SẢN LƯỢNG TIÊU THỤ. TUY VẬY, CÔNG TY ĐÃ TÍCH CỰC TRONG CÔNG TÁC BÁN HÀNG, PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG NÊN VẪN DUY TRÌ ĐƯỢC NHỮNG KẾT QUẢ TÍCH CỰC TRONG NĂM QUA.**

## GIÁ TRỊ KINH TẾ TRỰC TIẾP TẠO RA

Giá trị kinh tế trực tiếp tạo ra của CNG Việt Nam được thể hiện qua tổng doanh thu trong năm. Cụ thể, tổng doanh thu gồm doanh thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh, doanh thu tài chính và doanh thu khác đạt 2.351,1 tỷ đồng, tăng trưởng khá cao 9,5% so với năm trước và hoàn thành 105% kế hoạch. Trong đó, doanh thu hoạt động sản xuất kinh doanh đạt 2.337,9 tỷ đồng, tăng trưởng 9,7% so với năm trước, là một điểm nhấn trong hoạt động của Công ty, tiếp tục đóng góp tích cực vào việc tạo ra giá trị cho nền kinh tế trong bối cảnh nhiều khó khăn.

Chỉ tiêu (Đvt: tỷ đồng)	2019	2020	Tăng/ Giảm
Doanh thu hoạt động SXKD	2.130,4	2.337,9	9,7%
Doanh thu tài chính	13,5	10,7	-20,4%
Doanh thu khác	2,9	2,5	-11,8%
<b>Tổng cộng</b>	<b>2.146,7</b>	<b>2.351,1</b>	<b>9,5%</b>

## GIÁ TRỊ KINH TẾ PHÂN PHỐI

Chỉ tiêu (Đvt: tỷ đồng)	2019	2020	Tăng/ Giảm
Chi phí hoạt động kinh doanh	1.925,8	2.181,0	13,3%
Chi phí người lao động	58,8	61,4	4,4%
Chi phí tài chính			
Chi phí lãi vay	-	-	-
Cổ tức	67,5	67,5	0,0%
Chi phí đầu tư tài sản cố định	14,8	47,4	220,3%
Nộp ngân sách Nhà nước	40,2	30,6	-23,9%
Đóng góp cho cộng đồng và xã hội	0,8	0,7	-11,9%
<b>Tổng cộng</b>	<b>2.108,0</b>	<b>2.388,7</b>	<b>13,3%</b>

Bên cạnh các giá trị tạo lập trực tiếp, CNG Việt Nam còn thực hiện hoạt động phân phối giá trị cho xã hội và cộng đồng thể hiện qua các khoản chi trả cho nhà cung cấp, các loại chi phí khác nhau như chi phí hoạt động, lương và phúc lợi của nhân viên, thanh toán cho các bên cấp vốn, các khoản nộp ngân sách Nhà nước, và các khoản đầu tư cho cộng đồng...

Trong năm 2020, tổng giá trị kinh tế phân bổ cho các bên của CNG Việt Nam đạt 2.388,7 tỷ đồng, tăng 13,3% so với năm trước.

Trong đó, khoản chi phí đáng chú ý là chi trả cho người lao động đạt 61,4 tỷ đồng, tăng 4,4% so với năm trước. Đây là một nỗ lực rất lớn của Công ty trong bối cảnh chung còn nhiều khó khăn. Nguồn nhân lực được xem là một trong những lợi thế cạnh tranh và cũng là tài sản vô giá đối với CNG Việt Nam, nên chế độ lương thưởng và phúc lợi cho CBCNV luôn nhận được sự quan tâm của Ban lãnh đạo.



TỔNG GIÁ TRỊ  
KINH TẾ TẠO RA NĂM 2020

**2.351,1**

tỷ đồng

TĂNG 9,5% SO VỚI NĂM 2019



TỔNG GIÁ TRỊ  
KINH TẾ PHÂN PHỐI NĂM 2020

**2.388,7**

tỷ đồng

TĂNG 13,3% SO VỚI NĂM 2019

## ĐÓNG GÓP KINH TẾ BỀN VỮNG: DUY TRÌ TRONG BỐI CẢNH THÁCH THỨC (tiếp theo)

### GIÁ TRỊ KINH TẾ PHÂN PHỐI (tiếp theo)

Công ty tiếp tục duy trì tổng chi trả cổ tức ở mức 25% tương ứng giá trị 67,5 tỷ đồng. CNG Việt Nam luôn chú trọng việc thực hiện trách nhiệm thanh toán cho nhà cung cấp vốn, vì Công ty hiểu rằng đây là hành động thể hiện trách nhiệm đảm bảo lợi ích cho bên cấp vốn. Đây cũng là cách giúp Công ty củng cố lòng tin với cổ đông hiện hữu, và tạo hình ảnh tốt đối với các nhà đầu tư - các cổ đông tương lai.

Các khoản đóng góp cho Ngân sách Nhà nước không chỉ thể hiện nghĩa vụ nghĩa vụ của doanh nghiệp, mà còn là phương thức Công ty đóng góp cho sự phát triển chung của đất nước. Khoản nộp ngân sách Nhà nước của CNG Việt Nam trong năm 2020 là 30,6 tỷ đồng, giảm 23,9% so với năm trước.

Bên cạnh việc thực hiện các hoạt động phân bổ liên quan đến kinh tế thì đóng góp cho xã hội – cộng đồng là điều không thể thiếu để giúp CNG Việt Nam có thể phát triển bền vững, thông qua các

chương trình nổi bật như “Trái tim cho em”, “Tình xuân”, “Về nguồn”... Trong năm 2020, Công ty đã chi tổng cộng 0,7 tỷ đồng cho các hoạt động an sinh xã hội, vì cộng đồng.



### TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ XANH - HOẠT ĐỘNG THỊ TRƯỜNG VỐN XANH

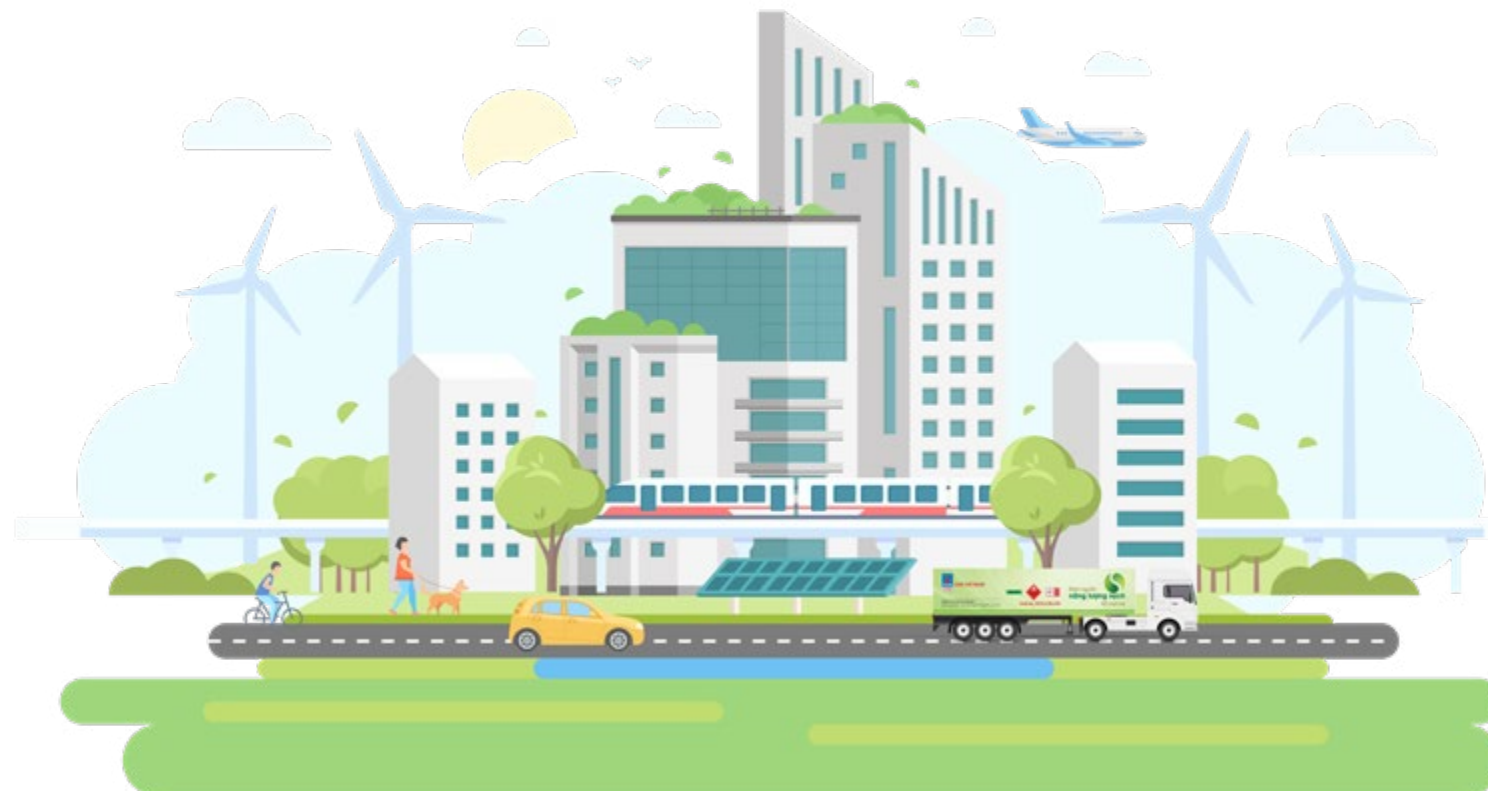
Với sản phẩm chính là nhiên liệu thân thiện môi trường, mỗi hoạt động sản xuất kinh doanh của CNG Việt Nam đều đóng góp vào việc nâng cao ý thức về phát triển bền vững trong cộng đồng doanh nghiệp. Ngoài ra, sản xuất kinh doanh năng lượng xanh còn góp phần không nhỏ vào quá trình xây dựng một nền kinh tế bền vững chung của đất nước thông qua hoạt động xanh hóa nguồn năng lượng sử dụng, đặc biệt trong lĩnh vực công nghiệp.

Công tác nâng cao nhận diện thương hiệu và tăng cường hoạt động đầu tư sản xuất kinh doanh của CNG Việt Nam góp phần gia tăng nhận thức bảo vệ môi trường thông qua chuyển đổi thói quen sử dụng nhiên liệu truyền thống sang sử dụng khí thiên nhiên, thân thiện với môi trường.

Trong thời gian tới, Công ty có kế hoạch huy động các nguồn vốn từ cổ đông và các nguồn khác trên thị trường nhằm tăng cường đầu tư cho dự án sản xuất và phân phối các sản phẩm khí thiên nhiên. Qua đó, cổ vũ cho sự phát triển của thị trường vốn xanh đang trở thành xu thế lớn trên thế giới.



## TRÁCH NHIỆM VỚI MÔI TRƯỜNG: TỪ SẢN PHẨM ĐẾN QUẢN LÝ TÁC ĐỘNG



**TẠI CNG VIỆT NAM, CHÚNG TÔI Ý THỨC ĐƯỢC RẰNG QUẢN LÝ CÁC VẤN ĐỀ TÁC ĐỘNG ĐẾN MÔI TRƯỜNG TRONG SUỐT CHUỖI GIÁ TRỊ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH KHÔNG CHỈ NHẪM TUÂN THỦ YÊU CẦU PHÁP LUẬT, MÀ CÒN THỂ HIỆN TRIẾT LÝ CỦA MỘT ĐƠN VỊ CUNG CẤP NHIÊN LIỆU XANH HÀNG ĐẦU TRÊN THỊ TRƯỜNG HIỆN NAY.**

Hoạt động trong lĩnh vực cung cấp nhiên liệu sạch, đặc biệt là CNG, Công ty hơn ai hết luôn ý thức được vấn đề bảo vệ môi trường, đảm bảo hoạt động phát triển bền vững. Trong những năm qua, CNG Việt Nam luôn đẩy mạnh hoạt động tuyên truyền, tăng cường nhận thức về các loại nhiên liệu sạch, thúc đẩy chuyển đổi thói quen sử dụng nhiên liệu truyền thống sang sử dụng các nguồn năng lượng xanh. Hoạt động tăng cường nhận diện thương hiệu của CNG Việt Nam cũng góp phần gia tăng nhận thức cộng đồng trong việc bảo vệ môi trường.

Tại CNG Việt Nam, chúng tôi ý thức được rằng quản lý các vấn đề tác động đến môi trường trong suốt chuỗi giá trị hoạt động kinh doanh không chỉ nhằm tuân thủ yêu cầu pháp luật, mà còn thể hiện triết lý của một đơn vị cung cấp nhiên liệu xanh hàng đầu trên thị trường hiện nay. Quản lý các yếu tố tác động đến môi trường cũng giúp Công ty tạo được một môi trường làm việc trong sạch, giảm thiểu ô nhiễm, đảm bảo sức khỏe cùng điều kiện sinh hoạt của người lao động và các bên liên quan; đặc biệt là người lao động, những người chịu tác động và rủi ro trực tiếp từ môi trường xung quanh.



## TRÁCH NHIỆM VỚI MÔI TRƯỜNG: TỪ SẢN PHẨM ĐẾN QUẢN LÝ TÁC ĐỘNG (tiếp theo)

### VẬT LIỆU SỬ DỤNG

Công ty chỉ thực hiện công đoạn nén/nạp khí thiên nhiên vào thiết bị chứa chuyên dùng, vận chuyển đến khách hàng, nên không sử dụng nguyên liệu để sản xuất và đóng gói.

### NĂNG LƯỢNG – NHIÊN LIỆU

Là một doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực nén khí và vận chuyển khí thiên nhiên, CNG Việt Nam phát sinh tiêu thụ nguồn năng lượng và các vật tư nhiên liệu. Các hoạt động sản xuất kinh doanh luôn được Ban lãnh đạo quan tâm chỉ đạo tối ưu hóa, giúp tiết giảm chi phí và cũng đồng thời giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường.

Hệ thống máy móc thiết bị, phương tiện vận tải... của Công ty luôn được: (1) Kiểm tra bảo dưỡng thường xuyên và đăng kiểm đủ tiêu chuẩn mới đưa các phương tiện vận chuyển khí vào sử dụng; (2) Sắp xếp lộ trình/ tuyến đường giao hàng thích hợp để giảm phát thải khí ra môi trường và tiết kiệm tiêu hao nhiên liệu; (3) Đẩy mạnh sử dụng CNG làm nhiên liệu cho các phương tiện vận chuyển của công ty nhằm giảm thiểu khí thải độc hại ra môi trường; (4) Sắp xếp kế hoạch bảo trì, bảo dưỡng các máy móc, thiết bị định kỳ nhằm giảm thiểu tiếng ồn khi hoạt động, tiêu hao nhiên liệu, cũng như khí thải ra môi trường.

CBNV ở cả khối văn phòng lẫn sản xuất tại CNG Việt Nam luôn được nhắc nhở tắt các thiết bị điện khi không có nhu cầu sử dụng nhằm tiết kiệm chi phí cho Công ty và góp phần bảo vệ môi trường; áp dụng hệ thống quản lý BES nhằm tăng tính hiệu quả trao đổi thông tin nội bộ, tiết kiệm giấy, mực in, góp phần giảm thiểu rác thải bảo vệ môi trường.

Công ty cũng tích cực phát động phong trào sáng tạo, đưa ra các sáng kiến cải tiến sản xuất, giải pháp tiết kiệm năng lượng... Một số sáng kiến nổi bật trong năm 2020 có thể kể đến như:

- Cải tiến hệ thống chiếu sáng, sử dụng đèn LED thay cho đèn NEON, mức tiết kiệm 5.808 KWh, đạt 21% năng lượng điện chiếu sáng.
- Khắc phục rò rỉ hệ thống nén khí, giảm mức tiêu thụ năng lượng máy nén khí, mức tiết kiệm 5,5 KWh đạt 3%.

### THỐNG KÊ SỬ DỤNG VẬT TƯ, NHIÊN LIỆU TẠI CNG VIỆT NAM

Tên vật tư	ĐVT	2016		2017		2018		2019		2020	
		Số lượng	Triệu VNĐ	Số lượng	Triệu VNĐ	Số lượng	Triệu VNĐ	Số lượng	Triệu VNĐ	Số lượng	Triệu VNĐ
Dầu Diesel 0,05	lít	641.248	6.713,5	693.707	9.017,5	764.390	13.090	604.720	9.830,1	489.770	6.069,8
Nhớt	lít	4.104	219,1	5.454	290,1	5.562	317	3.618	216,9	3.132	189,48
Xăng	lít	75.000	1.057,4	82.537	1.450,4	80.750	1.751,34	37.320	735,6	28.130	422,87
Điện sử dụng cho NM và Trạm MP3	Kwh	8.288.375	12.899,1	8.823.508	13.554,7	10.399.480	17.500	14.078.883	25.202,6	15.864.450	28.267,4
Nước sinh hoạt	m <sup>3</sup>	8.945	86,3	7.406	94,6	9.703	126,8	4.952	66,1	4.477	58,67

### NƯỚC SINH HOẠT TIÊU THỤ

Hoạt động sản xuất của CNG Việt Nam là hoạt động nén/ nạp khí thiên nhiên nên không sử dụng nước trong sản xuất. Nước chỉ dùng cho các hoạt động phụ trợ như PCCC, bảo dưỡng sửa chữa, và sinh hoạt của CBNV. CNG Việt Nam hiện đang sử dụng nguồn nước máy được cung cấp bởi Công ty CP cấp nước Phú Mỹ.

Nước thải sinh hoạt phát sinh từ các hoạt động như nước thải từ nhà vệ sinh, nước rửa phương tiện vận chuyển... được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại tại khu vực nhà vệ sinh, sau đó được xả thải vào hệ thống thu gom nước thải của KCN và được xử lý trước khi thải ra môi trường. CNG Việt Nam đã ký kết hợp đồng xử lý nước thải với Ban quản lý KCN nhằm đảm bảo nước thải được xử lý theo đúng quy chuẩn an toàn để không gây ra các tác động tiêu cực cho môi trường xung quanh.



### PHÁT THẢI

Dựa trên nguồn gốc phát sinh, nguồn phát thải tại CNG Việt Nam được phân thành 3 loại chính là: phát thải từ hoạt động của phương tiện vận chuyển, phát thải từ hoạt động của máy phát điện dự phòng, và tiếng ồn, độ rung trong quá trình sản xuất.

Nhằm hạn chế phát thải ra môi trường, CNG Việt Nam đã và đang áp dụng các biện pháp như:

- Phương tiện vận chuyển khí được kiểm tra bảo dưỡng thường xuyên, đăng kiểm đủ tiêu chuẩn mới đưa vào sử dụng.
- Sắp xếp lộ trình/ tuyến đường giao hàng thích hợp nhằm tiết kiệm tiêu hao nhiên liệu, giảm phát thải khí ra môi trường.
- Tăng cường sử dụng khí CNG làm nhiên liệu cho các phương tiện vận chuyển của công ty nhằm giảm thiểu phát thải độc hại ra môi trường.
- Bảo trì, bảo dưỡng các máy móc, thiết bị định kỳ nhằm giảm thiểu tiếng ồn khi hoạt động, tiêu hao nhiên liệu, cũng như phát thải ra môi trường.

### KẾT QUẢ VI KHÍ HẬU VÀ TIẾNG ỒN NĂM 2020

Điểm Đo (Nhà máy PM)	Cường độ ồn (*) (dBA)	Nhiệt độ (*) (OC)	Độ ẩm (%)	Tốc độ gió (*) (m/s)	Ánh sáng (Lux)
1. Phòng bảo vệ	n/a	n/a	55,2	n/a	3000
2. Khu vực nạp ngoài trời	n/a	31,7	66,2	1,3	n/a
3. Phòng lễ tân	n/a	n/a	64,2	n/a	440
4. Phòng điều khiển 200 bar	61	25,9	53,1	0,3	513
5. Khu vực nén 200 bar	84	30,9	59,9	0,4	775
6. Phòng điều khiển 250 bar	62	24,4	48,9	0,3	520
7. Khu vực nén 250 bar	83	31,6	65,3	0,3	400
8. Văn phòng lầu 1	n/a	n/a	59,9	n/a	540
9. Phòng hành chính tổng hợp	n/a	n/a	59,5	n/a	320
10. Hội trường lớn	n/a	n/a	56,5	n/a	375
11. Phòng nghỉ lái xe	n/a	n/a	61,7	n/a	480
12. Phòng điều độ	n/a	n/a	47,7	n/a	528

(\*) Các vị trí trong phòng kín có máy lạnh không thực hiện

# TRÁCH NHIỆM VỚI MÔI TRƯỜNG: TỪ SẢN PHẨM ĐẾN QUẢN LÝ TÁC ĐỘNG (tiếp theo)

## PHÁT THẢI

Kết quả phân tích không khí khu vực sản xuất

Thông số đo	CN Phú Mỹ	Mỹ Phước 3	Thuận Đạo	Trạm PRU	Tổng số mẫu không đạt
Nhiệt độ	5	4	4	30	0
Độ ẩm	12	4	4	30	0
Tốc độ gió	5	1	1	15	0
Ánh sáng	12	4	3	30	0
Tiếng ồn	5	4	3	30	0
Bụi toàn phần	5	4	1	30	0
CO	5	1	1	15	0
SO2	5	1	1	15	0
NO2	5	1	1	15	0
Pb	5	1	1	15	0
H2S	5	1	1	15	0
CxHy	5	1	1	15	0

## NƯỚC THẢI VÀ CHẤT THẢI

### NƯỚC THẢI

Dù nguồn phát sinh nước thải chỉ đến từ hoạt động phụ trợ và sinh hoạt, không phải từ hoạt động sản xuất, nhưng CNG Việt Nam luôn chú trọng đến công tác xử lý nước thải tránh ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường. Chất lượng nước thải được kiểm tra định kỳ và bất thường nhằm đảm bảo các quy định về bảo vệ môi trường.



## CHẤT THẢI

### Chất thải rắn sinh hoạt:

Phát sinh từ các hoạt động sinh hoạt hằng ngày của CBCNV khu vực văn phòng của Công ty. Hệ thống thùng rác được bố trí trong phạm vi toàn Công ty nhằm tránh hiện tượng vứt bỏ bừa bãi loại rác thải này. Bên cạnh đó, CNG Việt Nam còn ký kết hợp đồng với Công ty Môi trường Đô thị Tân Thành để thu gom rác thải sinh hoạt hằng ngày.

### Chất thải sản xuất gồm hai loại:

- Chất thải không nguy hại: Phát sinh từ các hoạt động sinh hoạt của CBCNV khu vực sản xuất của Công ty. Chất thải được phân loại thành: nhóm kim loại, nhựa, giấy. Loại chất thải này được thu gom và lưu trữ trong những ô riêng biệt tại khu tập kết. Các chất thải có khả năng tái chế hoặc tái sử dụng như thùng giấy,... được thu gom, cho vào bao tải và bán cho các cơ sở có nhu cầu sử dụng. Các chất thải không có khả năng tái chế được thu gom riêng và xử lý bởi đơn vị có chức năng theo hợp đồng đã ký kết với công ty.



- Chất thải sản xuất nguy hại: Phát sinh từ quá trình bảo trì, bảo dưỡng các máy móc thiết bị, hoặc phát sinh từ quá trình vệ sinh khu vực sản xuất định kỳ. Loại chất thải này được phân loại, đóng gói theo từng chủng loại theo đúng yêu cầu về an toàn kỹ thuật, và được dán nhãn theo quy định. Sau

đó, loại chất thải này sẽ được tập kết tại khu vực an toàn riêng biệt, có rào chắn và biển báo trước khi được đơn vị chức năng thu gom xử lý. CNG Việt Nam đã ký kết hợp đồng với Công ty TNHH Hà Lộc để vận chuyển và xử lý chất thải theo Thông tư 36/2015/TT-BTNMT về Quản lý chất thải nguy hại.

Tiêu chí	2016	2017	2018	2019	2020
<b>1. Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên</b>					
- Chất thải rắn	2.837 kg/năm	1.677 kg/năm	830 kg/năm	2.120 kg/năm	3.760 kg/năm
- Chất thải lỏng	3.981 kg/năm	4.681 kg/năm	5.100kg/năm	3.427 kg/năm	n/a
<b>2. Chất thải thông thường</b>					
- Chất thải rắn	2.808 kg/năm	2.808 kg/năm	2.400 kg/năm	2.400 kg/năm	2.400 kg/năm
- Chất thải lỏng bùn	n/a	n/a	n/a	n/a	n/a
<b>3. Khối lượng nước thải được xử lý đáp ứng tiêu chuẩn xả thải</b>					
- Thải vào khu xử lý chung của KCN	6.052 m <sup>3</sup> /năm	4.265 m <sup>3</sup> /năm	7.390 m <sup>3</sup> /năm	3.436 m <sup>3</sup> /năm	2.840 m <sup>3</sup> /năm

## TUÂN THỦ VỚI MÔI TRƯỜNG

CNG Việt Nam hiểu rõ sự quan trọng của việc bảo vệ môi trường vì bản thân công ty là một doanh nghiệp kinh doanh trong lĩnh vực nhiên liệu xanh. Bên cạnh đó, CNG Việt Nam cũng xây dựng văn hóa bảo vệ môi trường trong Công ty, giúp mỗi CBCNV trong công ty từ cấp cao nhất đến thấp nhất có ý thức về bảo vệ môi trường. **Năm 2020, Công ty không vi phạm các quy định và không bị xử phạt liên quan đến lĩnh vực môi trường.**

## NHÂN LỰC: TỪ SỨC MẠNH CẠNH TRANH ĐẾN CHẤT LƯỢNG CUỘC SỐNG CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG



NĂM 2020 LÀ NĂM RẤT KHÓ KHĂN VỚI CÔNG TY DO TÁC ĐỘNG KÉP BỞI DỊCH BỆNH COVID-19 VÀ GIÁ DẦU GIẢM SÂU. TUY VẬY, NHẬN THỨC NGUỒN NHÂN LỰC CHẤT LƯỢNG CAO LÀ MỘT LỢI THỂ CẠNH TRANH NỔI BẬT TRONG NGÀNH KHÍ THIÊN NHIÊN MÀ CÔNG TY ĐANG HOẠT ĐỘNG, ĐỒNG THỜI THỂ HIỆN TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI QUA HÀNH ĐỘNG TẠO VIỆC LÀM ỔN ĐỊNH, CNG VIỆT NAM LUÔN ĐẶC BIỆT QUAN TÂM ĐẾN CÁC CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH CŨNG NHƯ ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG CUỘC SỐNG CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG.



### VIỆC LÀM VÀ MÔI TRƯỜNG LÀM VIỆC

100% người lao động trong Công ty được bố trí việc làm đầy đủ, phù hợp với trình độ chuyên môn và ổn định lâu dài. Công tác tuyển dụng nhân sự tại Công ty được thực hiện căn cứ định biên lao động được HĐQT phê duyệt, quy trình tuyển dụng nhân sự của Công ty.

CNG Việt Nam sử dụng lao động trên cơ sở tự nguyện, dân chủ và tuân thủ các quy định pháp luật về lao động hiện hành. Do đó, không có trường hợp sử dụng lao động trẻ em cũng như lao động cưỡng bức hoặc bắt buộc xảy ra tại Công ty. Ban lãnh đạo Công ty và đại diện tập thể lao động cùng ký kết thỏa ước lao động tập thể, và các quyết định liên quan đến người lao động

được đưa ra thảo luận và thống nhất tại hội nghị người lao động hoặc các cuộc đối thoại trực tiếp định kỳ.

Mặc dù là một năm khó khăn đối với Công ty nói riêng và toàn nền kinh tế nói chung, CNG Việt Nam duy trì việc làm ổn định với các chế độ phúc lợi đảm bảo cho 268 CBCNV, tăng 10 người so với con số 258 người năm trước, trong đó cả 10 lao động tiếp nhận mới từ Công ty Cổ phần Kinh doanh LPG Việt Nam (PVGas LPG) theo chủ trương chuyên môn hóa kinh doanh các sản phẩm khí của Tổng Công ty Khí Việt Nam. Công ty đang có kế hoạch mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh và các dự án mới nên việc tăng cường thêm nhân sự là hoàn toàn hợp lý.

### SỐ LƯỢNG NHÂN VIÊN TUYỂN MỚI VÀ THÔI VIỆC

Chỉ tiêu	ĐVT	2016	2017	2018	2019	2020
Tuyển dụng, tiếp nhận mới	Người	18	9	18	7	20
Nghỉ việc, trong đó	Người	5	1	6	6	10
Nghỉ hưu	Người	0	1	0	0	2
Chấm dứt hợp đồng	Người	5	0	6	6	8

Công ty đang áp dụng chế độ làm việc đảm bảo thời gian làm việc không vượt quá 48 giờ/tuần, tuân thủ đúng quy định của Luật lao động và TULĐTT, Nội quy lao động; (1) Quản lý và tổ chức làm thêm, tăng ca không vượt quá 200 giờ/người/năm và 30 giờ/tháng

theo đúng quy định của Nhà nước và Công ty. (2) Được bố trí nghỉ đầy đủ vào các ngày Lễ, Tết và các ngày nghỉ hưởng nguyên lương. Đối với các trường hợp đi làm trùng vào các ngày nghỉ này được tính làm thêm giờ theo quy định của Luật Lao động.

# NHÂN LỰC: TỪ SỨC MẠNH CẠNH TRANH ĐẾN CHẤT LƯỢNG CUỘC SỐNG CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG (tiếp theo)

## VIỆC LÀM VÀ MÔI TRƯỜNG LÀM VIỆC (tiếp theo)

### MỐI QUAN HỆ NGƯỜI LAO ĐỘNG - QUẢN LÝ

CNG Việt Nam đang duy trì hiệu quả các cơ chế như TULĐTT, Nội quy lao động, Quy chế dân chủ cơ sở và Hội nghị người lao động. Mối quan hệ giữa Người lao động – Quản lý, Công ty được quản lý thông qua các cơ chế này và các mối quan tâm, kỳ vọng của người lao động được tham vấn, phản ánh và giải quyết kịp thời, khoa học, minh bạch. Bất kỳ thay đổi nào trong môi trường làm việc, các chế độ phúc lợi... đều được thông báo,

trao đổi kịp thời theo quy định của các cơ chế này, đem lại sự hài lòng cho người lao động, thúc đẩy họ gắn bó lâu dài cùng Công ty.

Năm 2020, CNG Việt Nam đã tổ chức Hội nghị Người lao động, tổng kết hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020 và triển khai kế hoạch năm 2021 vào ngày 01/12/2020. Tại đây, Chủ tịch Công đoàn đã trình bày báo cáo Tình hình thực hiện Thỏa ước lao động tập thể,

Nội quy lao động, Quy chế dân chủ và chế độ chính sách cho người lao động năm 2020; tình hình sử dụng lao động, quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2020 và kế hoạch sử dụng quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2021. Nhìn chung trong năm 2020, người sử dụng lao động và người lao động đã thực hiện tốt các quy định trong TULĐTT của Công ty, đời sống vật chất, thu nhập của người lao động ổn định, đời sống văn hóa tinh thần được nâng cao.



## CƠ CẤU LAO ĐỘNG

Với đặc thù doanh nghiệp ngành khí, lao động nam chiếm đa số trong đội ngũ lao động, tuy nhiên CNG Việt Nam đã luôn nỗ lực cân đối tỷ lệ giới tính, với lao động nữ chiếm 22% tổng số lao động, trong khi tỷ lệ lao động nữ trong HĐQT lên đến 40%.

Ngoài việc nỗ lực cân đối tỷ lệ giới tính trong đội ngũ nhân sự, CNG Việt Nam cũng nỗ lực trong việc xây dựng một đội ngũ nhân sự có trình độ chuyên môn cao nhằm đáp ứng tốt nhu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh phát triển bền vững.

Tỷ lệ lao động có trình độ đại học và trên đại học là 51,5%, trình độ cao đẳng và trung cấp là 27,24%. Với mục tiêu xây dựng đội ngũ nhân sự chất lượng cao thì cơ cấu lao động theo độ tuổi cũng là yếu tố cần phải quan tâm. Lao động từ 30-50 tuổi hiện đang chiếm tỷ trọng cao trong lực lượng lao động với 202 lao động, chiếm 75,%. Lao động trẻ dưới 30 tuổi chiếm 11,2%, và lao động trên 50 tuổi chiếm 13,4%.



### CƠ CẤU LAO ĐỘNG THEO TRÌNH ĐỘ VÀ ĐỘ TUỔI

	Số lượng	Tỷ lệ (%)
<b>Cơ cấu lao động theo trình độ</b>	<b>268</b>	<b>100,0%</b>
Trên đại học	11	4,1%
Đại học	127	47,4%
Cao đẳng	24	9,0%
Trung cấp, sơ cấp	49	18,3%
Công nhân kỹ thuật	32	11,9%
Tài xế	25	9,3%
<b>Cơ cấu lao động theo độ tuổi</b>	<b>268</b>	<b>100,0%</b>
Dưới 30 tuổi	30	11,2%
30 tuổi – 50 tuổi	202	75,4%
Trên 50 tuổi	36	13,4%

Cơ cấu lao động Nữ	Số lượng	Lao động nữ	Tỷ lệ (%)
Hội đồng Quản trị	5	2/5	40,0%
Ban Giám đốc	5	0/5	0%
Ban Kiểm soát	3	2/3	66,7%
<b>Tổng lực lượng lao động</b>	<b>268</b>	<b>59</b>	<b>22%</b>



- Trên Đại học: 11; 4,1%
- Đại học: 127; 47,4%
- Cao đẳng: 24; 9,0%
- Trung cấp, sơ cấp: 49; 18,3%
- Công nhân kỹ thuật: 32; 11,9%
- Tài xế: 25; 9,3%



- Dưới 30 tuổi: 30; 11,2%
- 30 tuổi - 50 tuổi: 202; 75,4%
- Trên 50 tuổi: 36; 13,4%

# NHÂN LỰC: TỪ SỨC MẠNH CẠNH TRANH ĐẾN CHẤT LƯỢNG CUỘC SỐNG CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG (tiếp theo)

## CHẾ ĐỘ PHÚC LỢI ĐẢM BẢO CẠNH TRANH, ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG CUỘC SỐNG CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG

CNG Việt Nam thiết kế chế độ phúc lợi dựa trên 4 khía cạnh sau, nhằm đảm bảo duy trì sức mạnh cạnh tranh nguồn nhân lực cũng như đảm bảo chất lượng cuộc sống của người lao động:

### TÀI CHÍNH

Đảm bảo lương, thưởng hợp lý; Hỗ trợ làm việc tối ưu nhằm phát huy tối đa năng lực của nhân viên

### THỂ CHẤT

An toàn lao động; Hỗ trợ điều kiện làm việc; Trang bị đầy đủ thiết bị, máy móc, dụng cụ; Hỗ trợ tối ưu yếu tố con người

### TINH THẦN

Lập kế hoạch làm việc, chiến lược cụ thể; Thiết lập KPIs nhằm đo lường và đánh giá năng lực chính xác, đánh giá đúng năng lực nhân viên; Đào tạo và nâng cao năng lực làm việc; Sắp xếp vị trí công việc phù hợp với khả năng và năng lực của nhân viên nhằm tối đa hóa nguồn nhân lực; Tạo cơ hội gắn kết, chia sẻ giữa các nhân viên trong công ty

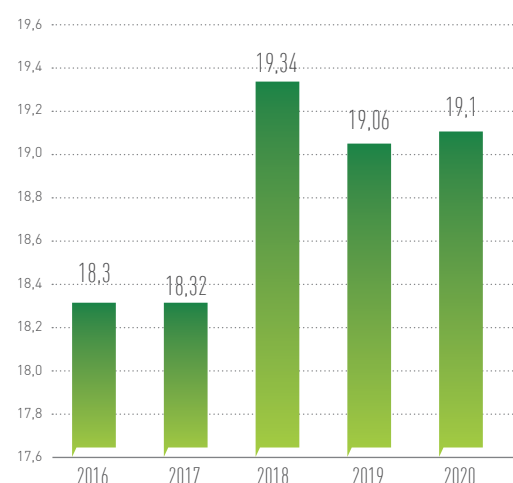
### XÃ HỘI

Khuyến khích tham gia các chương trình vì cộng đồng do công ty tổ chức nhằm nâng cao ý thức của nhân viên về trách nhiệm cộng đồng và xã hội

Ban lãnh đạo Công ty luôn chú trọng đến việc xây dựng chế độ chính sách, phúc lợi hợp lý cho toàn thể CBCNV. Trong đó, Quỹ khen thưởng và phúc lợi được Công ty trích lập theo đúng các quy định pháp luật. CNG Việt Nam cũng nỗ lực điều chỉnh lương của toàn thể CBCNV một cách cạnh tranh so với trong ngành và thị trường, giúp người lao động có thể yên tâm công tác và gắn bó với Công ty. Dù là một năm khó khăn, nhưng Ban lãnh đạo đã nỗ lực hết mình để duy trì mức lương bình quân tại CNG Việt Nam là 19,1 triệu đồng/tháng, tăng nhẹ so với năm 2019.

Năm	2016	2017	2018	2019	2020
Lương bình quân/tháng (Triệu đồng)	18,3	18,32	19,34	19,06	19,1

LƯƠNG BÌNH QUÂN/ THÁNG ( Triệu đồng)



Để đảm bảo sức khỏe cho người lao động, CNG Việt Nam đã lựa chọn đơn vị uy tín để tổ chức khám sức khỏe định kỳ, khám bệnh nghề nghiệp cho CBCNV. Tỷ lệ CBCNV đi khám cao, một số không tham gia khám vì lý do thai sản hoặc đang điều trị bệnh. CBCNV của CNG Việt Nam đều được tham gia Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm sức khỏe sinh mạng cá nhân. Các chi phí bảo hiểm này luôn duy trì mức qua các năm cho thấy mối quan tâm rất lớn của Ban lãnh đạo Công ty.

TT	Chi phí bảo hiểm (VNĐ)	2018	2019	2020
1	Bảo hiểm y tế	1.713.563.225	1.790.035.090	1.237.490.340
2	Bảo hiểm xã hội	9.994.584.577	10.492.589.616	6.999.197.755
3	Bảo hiểm sức khỏe sinh mạng cá nhân	1.587.203.280	1.617.972.480	1.969.632.000
<b>Tổng cộng</b>		<b>13.295.351.082</b>	<b>13.900.597.186</b>	<b>9.946.290.146</b>

Công ty luôn giải quyết các chế độ chính sách cho người lao động đầy đủ: nghỉ thai sản, ốm đau, tử tuất, trợ cấp thất nghiệp...; thực hiện đầy đủ các quy định về hiếu, hỷ cho người lao động theo chính sách phúc lợi của Công ty; thực hiện việc bồi dưỡng hiện vật theo các quy định hiện hành của Nhà nước và Công ty; tặng quà các ngày kỷ niệm thành lập Công ty, ngày truyền thống Dầu khí Việt Nam, ngày Lễ, Tết Dương lịch, Tết Âm lịch; trang bị đồng phục, trang phục, phù hiệu.

Công ty cũng đặc biệt chăm lo đến đời sống tinh thần của người lao động chẳng hạn như: thực hiện đầy đủ chế độ tham quan du lịch; tổ chức các hoạt động cho con em CBCNV, tặng quà nhân ngày 1/6, tặng quà và tổ chức vui chơi Trung thu, tặng quà cho con em CBCNV đạt kết quả cao trong học tập; tạo điều kiện cho CBCNV được tham gia các phong trào văn hóa, thể thao, dã ngoại, vui chơi giải trí nâng cao đời sống tinh thần cho người lao động.

## AN TOÀN VÀ SỨC KHỎE NGHỀ NGHIỆP

### AN TOÀN LAO ĐỘNG

Đối với doanh nghiệp hoạt động trong ngành khí thì vấn đề an toàn được đặt lên hàng đầu, vì khi xảy ra sự cố sẽ gây ra thiệt hại nghiêm trọng về tài sản và con người. Công tác an toàn được kiểm soát thông qua hệ thống tích hợp AT-CL-MT, và được rà soát và điều chỉnh thường xuyên nhằm đảm bảo hiệu quả hoạt động.

Dựa trên hoạt động sản xuất kinh doanh, công tác an toàn tại CNG Việt Nam được phân chia thành 04 khía cạnh chính là Công nghệ - thiết bị, Sản xuất – vận hành – vận chuyển, Cấp khí cho khách hàng và Phòng tránh cháy nổ.



# NHÂN LỰC: TỪ SỨC MẠNH CẠNH TRANH ĐẾN CHẤT LƯỢNG CUỘC SỐNG CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG (tiếp theo)

## AN TOÀN VÀ SỨC KHỎE NGHỀ NGHIỆP (tiếp theo)

### AN TOÀN LAO ĐỘNG (tiếp theo)

<b>CÔNG NGHỆ – THIẾT BỊ</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Hầu hết các máy móc, thiết bị sử dụng tại CNG Việt Nam như bồn, máy nén, trạm giảm áp... đều được nhập khẩu từ các nhà sản xuất hàng đầu như Canada, Mỹ, Đức, Ý với công nghệ hiện đại và tiên tiến, giúp giảm thiểu rủi ro, hư hỏng thiết bị, luôn đảm bảo cấp khí ổn định cho khách hàng.</li> <li>Quy trình công nghệ sản xuất và vận chuyển CNG được tự động hóa, quá trình thao tác đơn giản.</li> <li>Thiết bị được đăng ký kiểm định an toàn trước khi đưa vào sử dụng, và được bảo trì, bảo dưỡng, và kiểm tra định kỳ theo quy chuẩn trong suốt quá trình sử dụng.</li> <li>Đầu tư công nghệ tiên tiến góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động và tính an toàn.</li> </ul>
<b>SẢN XUẤT – VẬN HÀNH – VẬN CHUYỂN</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Hệ thống an toàn trong vận hành Fire and Gas được lắp đặt tại phòng điều khiển của trạm máy nén, các tín hiệu của hệ thống như dò khí, dò khói, lửa... sẽ được kiểm soát và gửi tín hiệu về hệ thống điều khiển để đóng ngắt các thiết bị khi xảy ra sự cố.</li> <li>Các quy trình, hướng dẫn vận hành, vận chuyển, bảo dưỡng máy móc thiết bị được lập, kiểm tra, rà soát, và cập nhật thường xuyên để đáp ứng kịp thời tình hình thực tế.</li> <li>Kiểm tra an toàn đầu ca sản xuất, kiểm tra các thiết bị vận hành, xe vận chuyển khí và con người điều khiển trước khi thực hiện, nhằm loại bỏ các yếu tố gây mất an toàn, lỗi kỹ thuật của phương tiện, thiết bị sản xuất, ý thức chủ quan của con người.</li> <li>Bảo dưỡng, sửa chữa các thiết bị và phương tiện vận chuyển định kỳ theo quy chuẩn kỹ thuật, xử lý kịp thời các thiết bị hư hỏng đột xuất, đảm bảo các phương tiện, thiết bị luôn ở tình trạng an toàn, hoạt động hiệu quả.</li> <li>Tổ chức đào tạo về chuyên môn kỹ thuật, nghiệp vụ, và quy trình an toàn lao động cho CBNV liên quan trực tiếp nhằm đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh diễn ra an toàn, liên tục.</li> <li>Mạng lưới an toàn vệ sinh viên được thiết lập nhằm tuyên truyền, hướng dẫn mọi người nâng cao nhận thức về bảo hộ lao động, và kiểm tra việc chấp hành các quy định về AT-VSLĐ trong Công ty.</li> <li>Tổ chức các hội nghị An toàn – Sức khỏe – Môi trường, hội nghị bảo dưỡng, sửa chữa, vận hành nhằm nâng cao kiến thức về an toàn, vệ sinh lao động cho CBNV; trao đổi và tiếp nhận ý kiến từ CBNV về các vấn đề liên quan để điều chỉnh quy trình, chính sách kịp thời.</li> <li>Triển khai thực hiện chương trình 5S cho toàn hệ thống với mục tiêu giúp môi trường làm việc trở lên sạch đẹp, chuyên nghiệp và an toàn, góp phần nâng cao năng suất và hiệu quả lao động nhờ tiết kiệm thời gian, tiết kiệm không gian và hợp lý hóa trong sản xuất.</li> <li>Tổ chức tuần tra, bảo vệ, đảm bảo an toàn an ninh tuyến ống và công trình khí, có phối kết hợp với Công an địa phương. Đồng thời thực hiện các chiến dịch truyền thông để nâng cao nhận thức an toàn đối với người dân sinh sống gần các công trình khí và tuyến ống.</li> </ul>

### CẤP KHÍ CHO KHÁCH HÀNG

- Trước khi cấp khí cần: (1) Thực hiện khảo sát địa điểm để đảm bảo các tiêu chuẩn an toàn cho trạm con. (2) Lên bản vẽ chi tiết. (3) Cung cấp hồ sơ hoàn chỉnh về phòng cháy chữa cháy, quy trình phối hợp vận hành giữa CNG Việt Nam và khách hàng. (4) Hỗ trợ khách hàng về đào tạo vận hành, sử dụng khí, hướng dẫn các quy định về an toàn, hỗ trợ, tư vấn kỹ thuật từ khi chuyển đổi thiết bị cho đến vận hành, đảm bảo quá trình sản xuất liên tục của khách hàng.
- Sau khi cấp khí cần phải hỗ trợ tư vấn kỹ thuật cho khách hàng, và định kỳ khảo sát, đánh giá chất lượng, bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị cho khách hàng để đảm bảo an toàn hoạt động. Bên cạnh đó, mời khách hàng tham gia hội nghị An toàn – Sức khỏe – Môi trường để trao đổi về những vấn đề còn vướng mắc, và những khó khăn trong vận hành liên quan đến vấn đề An toàn – Sức khỏe – Môi trường

### PHÒNG TRÁNH CHÁY NỔ

- Đối với đặc thù ngành, thì sự cố cháy nổ là một trong những rủi ro lớn nên công tác quản lý, ngăn chặn và hạn chế thấp nhất thiệt hại do cháy nổ gây ra luôn được Công ty thực hiện nghiêm ngặt. Bảo trì các thiết bị PCCC định kỳ và liên kết với công an PCCC khu công nghiệp để tiến hành tập huấn định kỳ cũng là hoạt động được Công ty chú trọng.
- Tuân thủ quy định PCCC, an toàn điện, thường xuyên thực hiện kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ hệ thống điện.
- Nắm chắc quy trình vận hành, Đào tạo an toàn bước 1, 2, 3 và đảm bảo vận hành, lái xe CNG có kinh nghiệm xử lý các tình huống sự cố nếu xảy ra.
- Phối hợp với Công an PCCC huấn luyện PCCC định kỳ, diễn tập ứng cứu sự cố.
- Trang bị và thường xuyên kiểm tra đầy đủ các thiết bị chữa cháy tại các vị trí cần thiết.

Để đánh giá và cải tiến vấn đề an toàn lao động, định kỳ hàng năm Công ty đều tổ chức Hội nghị ATSKMT. Đây là một dịp quan trọng để khẳng định những kết quả đáng ghi nhận cũng như những vấn đề còn hạn chế, cần cải tiến trong công tác ATSKMT trong năm. Đồng thời, cũng tạo ra một diễn đàn để các đại biểu tham dự Hội nghị cùng chia sẻ, thảo luận về các vướng mắc, đề ra các giải pháp khắc phục nhằm tiếp tục cải tiến, nâng cao chất lượng công tác quản lý ATSKMT, làm tiền đề cho sự phát triển bền vững lâu dài của Công ty với các đối tác, khách hàng trong tương lai. Với vai trò là chủ thể của chuỗi cung ứng sản phẩm CNG và trong tương lai là các loại nhiên liệu sạch khác, CNG Việt Nam không ngừng hỗ trợ các nhà cung cấp, đối tác của mình để xây dựng nên một lợi thế cạnh tranh mạnh mẽ, cùng đồng hành và phát triển, nhằm mang lại giá trị tối đa cho khách hàng.

Công ty cũng đã tổ chức cuộc thi “Ý tưởng sáng tạo CNG Việt Nam năm 2020” và vinh danh, khen thưởng các nhóm tác giả, tác giả đã có những ý tưởng có khả năng ứng dụng vào thực tiễn, mang lại hiệu quả thiết thực, đóng góp vào sự phát triển của Công ty.

Trong năm qua, CNG Việt Nam cũng đã hoàn thành chương trình đánh giá giám sát định kỳ hệ thống quản lý ATCLMT và nâng cấp hệ thống quản lý ATSKNN từ OHSAS 18001: 2007 lên ISO 45001: 2018 vào tháng 9/2020. Đồng thời, Viện Tiêu chuẩn Anh (BSI) Việt Nam đã cấp chứng nhận hệ thống quản lý ATSKNN theo ISO 45001:2018 vào ngày 13/11/2020.



# NHÂN LỰC: TỪ SỨC MẠNH CẠNH TRANH ĐẾN CHẤT LƯỢNG CUỘC SỐNG CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG (tiếp theo)

## AN TOÀN VÀ SỨC KHỎE NGHỀ NGHIỆP (tiếp theo)

### CÔNG TÁC ĐĂNG KIỂM, KIỂM ĐỊNH VÀ BẢO HIỂM/BẢO DƯỠNG SỬA CHỮA

100% các công trình được thực hiện công tác bảo hiểm đầy đủ theo yêu cầu của pháp luật và còn hiệu lực. 100% các thiết bị, đường ống có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn đều được kiểm định đầy đủ, chúng chỉ còn hiệu lực, có hồ sơ theo dõi. Toàn bộ các thiết bị đo lường (công nghệ, thương mại) đều được hiệu chuẩn, kiểm định đầy đủ, chúng chỉ còn hiệu lực và được lập danh mục theo dõi đầy đủ. Công tác BDSC hoàn thành ở mức cao, nâng cao độ tin cậy của hệ thống thiết bị góp phần đảm bảo cho công trình vận hành an toàn, liên tục đạt hiệu suất cao.

### KẾT QUẢ THỰC HIỆN NĂM 2020

Nhờ hệ thống quản lý hiệu quả, năm 2020, Công ty không để xảy ra bất kỳ TNSC nào làm ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cũng như khách hàng, công tác vận hành liên tục, an toàn.

#### Công tác bảo dưỡng sửa chữa giai đoạn 2018-2020

Năm	Bảo dưỡng ngăn ngừa			Sửa chữa đột xuất		
	Tổng số đầu việc theo KH	Số đầu việc hoàn thành	Tỷ lệ % hoàn thành	Tổng số đầu việc phát sinh	Số đầu việc hoàn thành	Tỷ lệ % hoàn thành
Năm 2018	2.227	2.220	99,68	578	571	98,7
Năm 2019	2.021	2.087	100,3	601	601	100
Năm 2020	2.228	2.228	100	720	720	100

#### Thống kê sự cố lao động qua giai đoạn 2016-2020

Năm	Số lượng/Loại sự cố
2016	04 sự cố
2017	03 sự cố, trong đó 02 sự cố thiết bị trong vận hành tại trạm khách hàng, 01 sự cố giao thông trên đường vận chuyển.
2018	02 sự cố, trong đó 01 sự cố về thiết bị, 01 tai nạn lao động liên quan đến nhà thầu thi công công trình xây dựng Văn phòng Chi nhánh Phú Mỹ, sự việc làm 02 người bị thương nhẹ.
2019	01 tai nạn sự cố loại 1
2020	Không có sự cố nghiêm trọng nào xảy ra, hoạt động sản xuất kinh doanh duy trì ổn định, an toàn, hiệu quả.

#### Kết quả công tác an toàn lao động năm 2020

554.555 giờ	8.040 giờ	0 giờ
SỐ GIỜ LÀM VIỆC AN TOÀN	SỐ GIỜ VẬN HÀNH AN TOÀN	SỐ GIỜ DỪNG CỤM BỘ THIẾT BỊ DO SỰ CỐ TRONG NĂM
100%	100%	100%
TỶ LỆ GIỜ VẬN HÀNH AN TOÀN/ GIỜ VẬN HÀNH CÔNG TRÌNH KHÍ	MỨC ĐỘ TIN CẬY (R)	MỨC ĐỘ SẴN SÀNG (A)

## SỨC KHỎE NGHỀ NGHIỆP

Các hoạt động/biện pháp đã và đang thực hiện tại CNG Việt Nam để nâng cao sức khỏe người lao động: (1) Cung cấp cơ sở thuốc thiết yếu đầy đủ cho các khu vực SXKD 4 lần/năm, cung cấp các túi sơ cấp cứu tại Văn phòng Công ty. (2) Bồi dưỡng bằng hiện vật bằng sữa cho CBNV làm việc trong môi trường có yếu tố nguy hiểm, độc hại. (3) Tổ chức đi khám sức khỏe định kỳ 2 lần/năm cho toàn bộ CBNV, khám bệnh nghề nghiệp cho các Chi nhánh, khám sức khỏe cho các lái xe. (4) Tổ chức các hoạt động giúp nâng cao đời sống tinh thần của CBNV.

#### Các chương trình chăm sóc sức khỏe cho CBNV

TT	Chương trình	Đối tượng
1	Khám sức khỏe định kỳ	100% CBNV
2	Khám sức khỏe chuyên sâu cho CBNV nữ	100% CBNV
3	Khám bệnh nghề nghiệp cho CBNV làm việc trong môi trường nguy hiểm độc hại	100% CBNV
4	Bảo hiểm y tế	100% CBNV
5	Bảo hiểm xã hội	100% CBNV
6	Bảo hiểm sức khỏe sinh mạng cá nhân	100% CBNV
7	Bảo hiểm hưu trí tự nguyện với mức ủng hộ của Công ty: 1 triệu đồng/tháng/người	100% CBNV

#### Kết quả thực hiện công tác chăm sóc sức khỏe cho CBNV

Năm	Tổng số người			Phân loại sức khỏe (số người, tỷ lệ)					
	Đăng ký khám	Tham gia khám	Đạt tỷ lệ	I	II	III	IV	V	Không
2017	288	283	98%	20	170	85	7	1	5
2018	299	293	98%	0	267	20	6	0	6
2019	259	259	100%	2	112	133	9	0	3
2020	267	267	100%	2	179	70	13	2	1



## PHÒNG CHỐNG DỊCH BỆNH COVID-19

Từ đầu năm 2020, dịch bệnh Covid 19 diễn biến phức tạp trên khắp thế giới, trong đó có Việt Nam. Công ty đã chủ động, tích cực triển khai các giải pháp đồng bộ và mang tính chất đột phá để đạt mục tiêu kép là vừa bảo vệ tốt sức khỏe cho người lao động, vừa đảm bảo ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh. Cụ thể: kích hoạt kế hoạch ứng phó với dịch bệnh Covid-19 được xây dựng và triển khai từ tháng 3/2020; sẵn sàng triển khai nhân sự làm việc trong Zone 0 (vùng tuyệt đối an toàn) tại các cơ sở sản xuất kinh doanh, đảm bảo nhân sự cho hoạt động cấp khí liên tục, an toàn đến các khách hàng. Mỗi CBCNV là một chiến sĩ trong cuộc chiến này, phát huy tính tự giác, ý thức trách nhiệm cao, tự bảo vệ mình, bảo vệ cộng đồng; thực hiện nghiêm túc các hướng dẫn của của Bộ Y tế, các quy định của Công ty để phòng chống dịch bệnh hiệu quả và hoàn thành nhiệm vụ SXKD được phân giao.

# NHÂN LỰC: TỪ SỨC MẠNH CẠNH TRANH ĐẾN CHẤT LƯỢNG CUỘC SỐNG CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG (tiếp theo)

## AN TOÀN VÀ SỨC KHỎE NGHỀ NGHIỆP (tiếp theo)

### GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO: ĐÀO TẠO HỘI NHẬP VÀ ĐÀO TẠO LIÊN TỤC

CNG Việt Nam luôn chú trọng đến hoạt động giáo dục, đào tạo cho người lao động, với nhận thức điều này sẽ góp phần duy trì thế mạnh cạnh tranh cốt lõi của Công ty. Các hoạt động đào tạo được chia thành 2 nhóm chính gồm đào tạo hội nhập cho nhân viên mới và đào tạo liên tục cho các nghiệp vụ liên quan nhằm giúp người lao động thích ứng với công việc. Ngoài ra, việc hoạch định nhân sự kế thừa và lên kế hoạch đào tạo kế thừa phù hợp cũng được Công ty chú trọng để đảm bảo hoạt động SXKD không bị gián đoạn do thiếu nhân lực.

Lĩnh vực đào tạo khá đa dạng, bao gồm các kỹ năng mềm cũng như kỹ năng chuyên môn nghiệp vụ. Bên cạnh tổ chức các khóa học nội bộ hay thuê các đơn vị đào tạo chất lượng cao cung cấp dịch vụ, Công ty cũng không ngừng đẩy mạnh các hoạt động chia sẻ kiến thức thông qua các buổi training ngắn, seminar, qua đó thể

hệ đi trước có thể chia sẻ kinh nghiệm, diu dắt nhân viên mới đảm trách công việc một cách hiệu quả.

Công tác đào tạo trong năm 2020 được xác định là mục tiêu quan trọng nhằm nâng cao tay nghề, trình độ chuyên môn của người lao động, phát triển nguồn nhân lực để chuẩn bị nhân sự cho các dự án mới của Công ty. Cụ thể, trong năm 2020, CNG Việt Nam đã tổ chức tổng cộng 38 khóa học nội bộ và thuê ngoài, với 1.557 lượt nhân viên tham gia, kinh phí đạt 2,03 tỷ đồng. Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm theo nhân viên bình quân 2,27 giờ/người/năm. 100% người lao động được đào tạo, phổ biến TULĐTT, Nội quy lao động, Văn hóa doanh nghiệp, Quy định về Bảo hộ lao động và an toàn lao động trước khi ký Hợp đồng lao động với Công ty. Đây là một nỗ lực rất lớn trong bối cảnh hoạt động kinh doanh của toàn ngành khấp nhiều khó khăn như năm 2020.

### HOẠT ĐỘNG ĐÀO TẠO TẠI CNG VIỆT NAM TRONG NĂM 2020

TT Tên khóa đào tạo	Số khóa đã tổ chức	Số lượt người tham gia	Thực hiện so với kế hoạch	Chi phí (VNĐ)
<b>1. Đào tạo thuê ngoài</b>				
1 ATVSLE Nhóm 1	1	23	100%	8.280.000
2 ATVSLE Nhóm 2	1	12	92%	21.600.000
3 ATVSLE Nhóm 3	1	103	86%	41.850.000
4 ATVSLE Nhóm 4	1	49	84%	17.640.000
5 ATVSLE Nhóm 6	1	25	93%	9.000.000
6 PCCC	1	52	78%	43.470.000
7 CNCH	1	42	93%	43.470.000
8 ATKDK Nhóm 1	1	24	75%	32.400.000
9 ATKDK Nhóm 2	1	12	109%	16.200.000
10 ATKDK Nhóm 3	1	110	72%	173.250.000
11 AT Vận chuyển hàng CN nguy hiểm	1	01	NKH	1.350.000
12 Đào tạo PP XD tài hiệu cho hệ thống ATSKNN	3	96	320%	112.650.000
13 Đổi mới tư duy cốt lõi	1	45	300%	60.140.000
14 Lập dự toán đầu tư XD công trình	1	12	80%	75.000.000
15 Quản lý dự án đầu tư	1	12	80%	75.000.000



TT Tên khóa đào tạo	Số khóa đã tổ chức	Số lượt người tham gia	Thực hiện so với kế hoạch	Chi phí (VNĐ)
16 Quản trị Marketing và thương hiệu	1	12	80%	66.000.000
17 Quản lý và kiểm soát chi phí	1	16	107%	70.000.000
18 Quản lý rủi ro thuế doanh nghiệp	1	19	127%	70.000.000
19 Nghiệp vụ đấu thầu cơ bản	2	7	140%	14.000.000
20 Kỹ năng thiết lập và hoàn thành mục tiêu	1	19	127%	70.000.000
21 Những chính sách mới về BHYT, BHXH, BHTN áp dụng trong doanh nghiệp 2020	1	18	120%	52.300.000
22 Tư duy bán hàng 4.0 và động viên đội ngũ bán hàng	1	14	93%	60.140.000
23 Xây dựng thẻ điểm cân bằng và KPI	1	23	77%	90.000.000
24 Quản trị nhân lực	1	18	180%	70.000.000
25 Bảo trì máy móc thiết bị	1	18	120%	72.000.000
26 Chứng chỉ người quản lý năng lượng của Bộ Công thương	1	2	NKH	10.000.001
27 Quản lý kho, XNK và các quy định liên quan đến thanh lý kho	1	18	120%	75.000.000
28 Những chính sách mới về LĐTL 2020	1	20	133%	58.000.000
29 Kỹ năng quản lý thời gian làm việc khoa học	1	20	133%	67.900.000
<b>2. Đào tạo Nội bộ</b>				
1 Đào tạo bảo dưỡng sửa chữa máy nén và thiết bị chính của PRU	1	8	114%	4.000.000
2 Đào tạo các chuyên đề về vận hành tại TTĐĐ	1	4	11%	26.880.000
3 Đào tạo kiến thức pháp luật, các quy trình, hướng dẫn thực hiện công việc liên quan đến hoạt động vận chuyển CNG	1	106	85%	35.308.000
4 Biện pháp kiểm soát rủi ro công việc tại văn phòng	1	49	89%	7.476.500
5 Đào tạo nhân viên lái xe LPG SE	1	48	38%	8.868.000
6 Hướng dẫn xử lý các sự cố thường gặp tại trạm mẹ, PRU; Cấp giấy phép làm việc; Giám sát thực hiện công việc trong không gian hạn hẹp	1	92	92%	23.973.050



## CỘNG ĐỒNG: CHIA SẺ BẰNG CÁC HOẠT ĐỘNG THIẾT THỰC

Nhận thức rõ vai trò, tầm quan trọng trong việc phát huy trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp đối với cộng đồng, bên cạnh các hoạt động sản xuất kinh doanh bền vững, CNG Việt Nam đã và đang tích cực triển khai nhiều chương trình hoạt động an sinh, xã hội. Thông qua các hoạt động an sinh xã hội, CNG Việt Nam mong muốn ngày càng lan tỏa tình yêu thương, nguồn năng lượng tươi mới góp phần vun đắp giá trị sống tốt đẹp hơn cho cộng đồng.

Đặc biệt, khi cả nước phải trải qua năm 2020 với nhiều khó khăn do dịch bệnh Covid-19 và thiên tai, bão lụt ở khu vực Miền Trung, CNG Việt Nam càng mong muốn duy trì chia sẻ với cộng đồng bằng các hoạt động thiết thực trong khả năng của mình. Mặc dù là một năm nhiều thách thức nhưng CNG vẫn duy trì ngân sách cho các hoạt động an sinh xã hội, với tổng cộng 0,7 tỷ đồng.

Từ năm 2012, CNG Việt Nam đồng hành cùng chương trình “Trái tim cho em” của Quỹ tấm lòng Việt; qua đó đã hỗ trợ phẫu thuật cho hàng trăm trẻ em mắc bệnh tim bẩm sinh, góp phần mang thêm cơ hội sống đến các trẻ nhỏ bị tim bẩm sinh, giúp cho các em có một cuộc sống khỏe mạnh.

Tiếp nối tinh thần “Tương thân tương ái”, “Lá lành đùm lá rách”, Công đoàn và Đoàn thanh niên CNG Việt Nam đã cùng hành trình “Tinh Xuân” lan tỏa tới khắp mọi nẻo đường trên đất nước từ Cà Mau, Kiên Giang, An Giang, Gia Lai, Hà Tĩnh tới Yên Bái. Hành trình lan tỏa yêu thương sẽ tiếp tục mang những giá trị nhân văn của CNG Việt Nam đến gần hơn với những mảnh đời, hoàn cảnh còn khó khăn trên khắp mọi miền Tổ Quốc để tiếp thêm những năng lượng sống, vun mầm cho những sự thay đổi tốt đẹp hơn.

Nằm trong chuỗi các hoạt động an sinh, xã hội của CNG Việt Nam, không thể không kể tới Chương trình “Tiếp sức đến trường” đã trở thành một hoạt động thường niên nhiều ý nghĩa, đem đến niềm cổ vũ lớn lao, kịp thời cho các em học sinh trước thềm mỗi năm học mới. Chương trình không những trao tặng những suất học bổng, phần quà tới các em học sinh có hoàn cảnh khó khăn, vượt khó CNG Việt Nam mong muốn góp một phần nhỏ bé để tiếp thêm tinh thần ham học hỏi, vun mầm tri thức cho thế hệ trẻ.

Ngoài ra, CNG Việt Nam còn tích cực tham nhiều công tác thiện nguyện khác như xây nhà tình nghĩa, ủng hộ đồng bào bão lụt, cựu chiến binh, phụ nữ nghèo... đóng góp vào quỹ tương trợ máu khí, quỹ vì thế hệ trẻ, quỹ nghĩa tình đồng đội...

**Chương trình “Tinh Xuân 2020” tại Gia Lai:** Công đoàn, Đoàn Thanh niên đã thay mặt cho CBCNV CNG Việt Nam tổ chức thành công chương trình “Tinh Xuân 2020” tại xã Nhơn Hòa, huyện Chư Pưh, tỉnh Gia Lai – xã vùng sâu, vùng xa với đa phần là đồng bào dân tộc thiểu số có cuộc sống vô cùng khó khăn. Chương trình đã trao tặng 01 căn nhà tình nghĩa và 02 con dê giúp cho 01 gia đình gồm 3 thế hệ, 6 người sinh sống trong 4 tấm tôn lợp tạm vên vện 8 mét vuông có nơi ăn chốn ở, được ổn định cuộc sống. Chương trình cũng đã trao tặng 130 phần quà Tết cho 130 hộ dân có hoàn cảnh khó khăn tại Thôn Teng Nong, Làng Phung. Ngoài ra, chương trình cũng đã trao tặng 300 phần quà bao gồm áo mới, đồ dùng học tập, bình nước...tới các em nhỏ đồng bào dân tộc Gia Rai.



### Hoạt động tiếp sức đến trường năm học 2020 – 2021:

Chương trình “Tiếp sức đến trường” hàng năm đã trở thành một hoạt động ý nghĩa mang đến sự động viên, khích lệ cho các em học sinh có hoàn cảnh khó khăn, vượt khó trong học tập. Trong không khí vui tươi của ngày khai giảng năm học mới 2020 – 2021, sáng ngày 05/09/2020, Đoàn Thanh niên phối hợp cùng với Công đoàn Công ty tổ chức trao tặng các suất học bổng cho các em học tại hai trường thuộc Thị Xã Phú Mỹ: Trường Tiểu học Văn Lang (Xã Tân Hòa) và Trường Tiểu học Trần Quốc Toản (Xã Tân Hải). Tại buổi lễ khai giảng, 40 suất học bổng cùng các phần quà đã được trao tặng cho 40 em học sinh có hoàn cảnh khó khăn, vươn lên trong học tập, nhằm giúp đỡ, chia sẻ, động viên các em có thêm động lực trước thềm năm học mới.



**Dâng hương tại Đền thờ Liệt sĩ TP Vũng Tàu nhân kỷ niệm Ngày thương binh liệt sĩ (27/7):** Nhân dịp kỷ niệm 73 năm Ngày thương binh liệt sĩ (27/7/1947 – 27/7/2020), thể hiện truyền thống “uống nước nhớ nguồn”, sáng ngày 25/7/2020, CBCNV Công ty đã đến đặt vòng hoa, dâng hương và viếng các anh hùng liệt sĩ tại Đền thờ Liệt sĩ TP Vũng Tàu. Đây là dịp để các thế hệ tưởng nhớ, bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc đến các anh hùng liệt sĩ đã hy sinh anh dũng vì sự nghiệp bảo vệ tổ quốc, giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước.





*Thành quả quả khứ ...*  
**VUN ĐẮP CHO TƯƠNG LAI**

# 5

## **BÁO CÁO TÀI CHÍNH (KIỂM TOÁN)**

Thông tin về doanh nghiệp	132
Báo cáo của Ban Giám đốc	133
Báo cáo kiểm toán độc lập	134
Bảng cân đối kế toán	136
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	138
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	139
Thuyết minh báo cáo tài chính	140

## THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	Số 7688618621 ngày 14 tháng 5 năm 2018 Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và các Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư điều chỉnh do Ban Quản lý các Khu Công nghiệp Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp có thời hạn hoạt động là 20 năm kể từ ngày của Giấy chứng nhận đầu tư đầu tiên số 492032000040 ngày 28 tháng 5 năm 2007	
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	Số 3500800828 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp lần đầu ngày 28 tháng 5 năm 2007 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần đầu lần thứ 12 ngày 23 tháng 5 năm 2018	
Hội đồng Quản trị	Bà Nguyễn Thị Hồng Hải	Chủ tịch
	Bà Lê Thị Thu Giang	Thành viên độc lập
	Ông Vũ Văn Thực	Thành viên
	Ông Phạm Đình Đạt	Thành viên
	Ông Bùi Tường Định	Thành viên
Ban Kiểm soát	Bà Phan Thị Kim Thoa	Trưởng Ban Kiểm soát
	Bà Nguyễn Thị Kim Yến	Thành viên Ban Kiểm soát
	Ông Nguyễn Quang Bá	Thành viên Ban Kiểm soát
Ban Giám đốc	Ông Vũ Văn Thực	Giám đốc
	Ông Bùi Văn Đán	Phó Giám đốc
	Ông Trần Quang Đán	Phó Giám đốc
	Ông Nguyễn Nguyên Vũ	Phó Giám đốc
	Ông Trương Mạnh Thắng	Phó Giám đốc
Người đại diện theo pháp luật	Ông Vũ Văn Thực	Giám đốc
Trụ sở chính	Số 61B, Đường 30/4, Phường Thắng Nhất, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	
Công ty kiểm toán	Công ty TNHH PwC (Việt Nam)	

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc của Công ty Cổ phần CNG Việt Nam (“Công ty”) chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng; và
- lập báo cáo tài chính trên cơ sở Công ty hoạt động liên tục trừ khi giả định Công ty hoạt động liên tục là không phù hợp.

Ban Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và để làm cơ sở lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chế độ kế toán được trình bày ở Thuyết minh 2 của báo cáo tài chính. Ban Giám đốc của Công ty cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để ngăn ngừa và phát hiện các gian lận hoặc nhầm lẫn.

### PHÊ CHUẨN BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Theo đây, chúng tôi phê chuẩn báo cáo tài chính đính kèm từ trang 5 đến trang 37. Báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Giám đốc



**Vũ Văn Thực**

**Giám đốc**

Thành phố Hồ Chí Minh, nước CHXHCN Việt Nam

Ngày 5 tháng 3 năm 2021

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

### GỬI CÁC CỔ ĐÔNG CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CNG VIỆT NAM

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần CNG Việt Nam ("Công ty") tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt ngày xx tháng 3 năm 2021. Báo cáo tài chính này bao gồm: bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên và thuyết minh báo cáo tài chính bao gồm các chính sách kế toán chủ yếu từ trang 5 đến trang 37.

#### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

#### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về số liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

#### Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được một công ty kiểm toán khác kiểm toán và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính đó vào ngày 4 tháng 3 năm 2020.

### Thay mặt và đại diện cho Công ty TNHH PwC (Việt Nam)



#### Mai Viết Hùng Trân

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:  
0048-2018-006-1

Chữ ký được ủy quyền

Số hiệu báo cáo kiểm toán: HCM10057

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 5 tháng 3 năm 2021

#### Trương Phước Lộc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:  
4173 - 2017 - 006 - 1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Đơn vị: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
			2020	2019
<b>100</b>	<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>899.326.371.065</b>	<b>660.019.130.589</b>
<b>110</b>	<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>3</b>	<b>443.919.521.397</b>	<b>377.381.771.210</b>
111	Tiền		26.631.521.397	34.093.771.210
112	Các khoản tương đương tiền		417.288.000.000	343.288.000.000
<b>130</b>	<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>420.227.956.117</b>	<b>252.482.937.146</b>
131	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	4	398.472.148.574	245.228.183.467
132	Trả trước cho người bán ngắn hạn	5	6.951.949.575	2.331.919.770
136	Phải thu ngắn hạn khác	6(a)	14.803.857.968	5.672.624.888
137	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	7	-	(749.790.979)
<b>140</b>	<b>Hàng tồn kho</b>	<b>8</b>	<b>27.440.723.327</b>	<b>23.235.850.329</b>
141	Hàng tồn kho		31.135.692.239	27.925.459.686
149	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(3.694.968.912)	(4.689.609.357)
<b>150</b>	<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>7.738.170.224</b>	<b>6.918.571.904</b>
151	Chi phí trả trước ngắn hạn	9(a)	7.564.714.052	5.998.475.974
152	Thuế Giá trị Gia tăng ("GTGT") được khấu trừ	13(a)	173.456.172	920.095.930
<b>200</b>	<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>164.359.231.889</b>	<b>178.625.127.330</b>
<b>210</b>	<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>280.000.000</b>	<b>258.000.000</b>
216	Phải thu dài hạn khác	6(b)	280.000.000	258.000.000
<b>220</b>	<b>Tài sản cố định</b>		<b>137.602.145.406</b>	<b>161.338.246.390</b>
221	Tài sản cố định hữu hình	10(a)	101.050.432.674	124.452.295.174
222	Nguyên giá		834.003.040.175	825.959.405.116
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(732.952.607.501)	(701.507.109.942)
227	Tài sản cố định vô hình	10(b)	36.551.712.732	36.885.951.216
228	Nguyên giá		41.523.806.700	40.807.806.700
229	Giá trị khấu hao lũy kế		(4.972.093.968)	(3.921.855.484)
<b>240</b>	<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>15.010.529.343</b>	<b>1.575.260.907</b>
242	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	15.010.529.343	1.575.260.907
<b>260</b>	<b>Tài sản dài hạn khác</b>		<b>11.466.557.140</b>	<b>15.453.620.033</b>
261	Chi phí trả trước dài hạn	9(b)	6.249.561.340	10.814.381.841
262	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	19	5.216.995.800	4.639.238.192
<b>270</b>	<b>TỔNG TÀI SẢN</b>		<b>1.063.685.602.954</b>	<b>838.644.257.919</b>

Đơn vị: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
			2020	2019
<b>300</b>	<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>554.331.047.412</b>	<b>295.792.518.738</b>
<b>310</b>	<b>Nợ ngắn hạn</b>		<b>534.554.924.112</b>	<b>278.016.395.438</b>
311	Phải trả người bán ngắn hạn	12	455.816.910.113	260.404.529.012
313	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13(b)	17.912.019.411	8.121.269.168
314	Phải trả người lao động		16.337.019.832	3.329.976.457
315	Chi phí phải trả ngắn hạn	14	5.110.093.841	5.282.196.642
319	Phải trả ngắn hạn khác	15(a)	37.524.934.491	805.675.981
322	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	16	1.853.946.424	72.748.178
<b>330</b>	<b>Nợ dài hạn</b>		<b>19.776.123.300</b>	<b>17.776.123.300</b>
338	Vay dài hạn	17	2.000.000.000	-
342	Dự phòng phải trả dài hạn	18	17.776.123.300	17.776.123.300
<b>400</b>	<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>509.354.555.542</b>	<b>542.851.739.181</b>
<b>410</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>		<b>509.354.555.542</b>	<b>542.851.739.181</b>
411	Vốn góp của chủ sở hữu	20, 21	270.000.000.000	270.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		270.000.000.000	270.000.000.000
412	Thặng dư vốn cổ phần	21	1.695.680.000	1.695.680.000
414	Vốn khác của chủ sở hữu	21	9.179.045.649	9.179.045.649
415	Cổ phiếu quỹ	21	(3.270.000)	(3.270.000)
418	Quỹ đầu tư phát triển	21	131.552.930.735	114.683.475.349
421	Lợi nhuận sau thuế ("LNST") chưa phân phối	21	96.930.169.158	147.296.808.183
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế của các năm trước		54.922.701.766	69.349.531.253
421b	- LNST chưa phân phối của năm nay		42.007.467.392	77.947.276.930
<b>440</b>	<b>TỔNG NGUỒN VỐN</b>		<b>1.063.685.602.954</b>	<b>838.644.257.919</b>

Trần Ngọc Lan  
Người lập biểu

Nguyễn Mạnh Hùng  
Kế toán trưởng



Vũ Văn Thực  
Giám đốc  
Ngày 5 tháng 3 năm 2021

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Đơn vị: VND

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	2020	2019
01	Doanh thu bán hàng		2.337.891.198.666	2.130.387.704.894
10	Doanh thu thuần về bán hàng	25	2.337.891.198.666	2.130.387.704.894
11	Giá vốn hàng bán	26	(2.187.590.899.055)	(1.941.146.371.979)
20	Lợi nhuận gộp về bán hàng		150.300.299.611	189.241.332.915
21	Doanh thu hoạt động tài chính	27	10.724.922.113	13.483.094.198
22	Chi phí tài chính		(1.423.610)	(17.603.159)
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		-	(17.349.700)
25	Chi phí bán hàng	28	(25.533.230.826)	(24.925.377.766)
26	Chi phí quản lý doanh nghiệp	29	(72.644.516.748)	(72.901.261.903)
30	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		62.846.050.540	104.880.184.285
31	Thu nhập khác		2.532.736.891	2.868.783.037
32	Chi phí khác		(8.432.009)	(139.286.856)
40	Lợi nhuận khác	30	2.524.304.882	2.729.496.181
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		65.370.355.422	107.609.680.466
51	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") hiện hành	31	(14.940.645.638)	(21.945.915.260)
52	Thu nhập/(chi phí) thuế TNDN hoãn lại	17, 31	577.757.608	(1.316.488.276)
60	Lợi nhuận sau thuế TNDN		51.007.467.392	84.347.276.930
70	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	23(a)	1.556	2.590
71	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	23(b)	1.556	2.590

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Đơn vị: VND

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	2020	2019
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
01	Lợi nhuận kế toán trước thuế		65.370.355.422	107.609.680.466
Điều chỉnh cho các khoản:				
02	Khấu hao tài sản cố định ("TSCĐ")		43.277.971.820	54.296.660.030
03	Các khoản dự phòng		(1.744.431.424)	(2.123.276.517)
04	Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	27	(1.423.610)	(238.549)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(13.068.178.964)	(13.215.559.137)
06	Chi phí lãi vay		-	17.349.700
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động		93.834.293.244	146.584.615.993
09	Tăng các khoản phải thu		(150.128.125.674)	(43.229.742.946)
10	(Tăng)/giảm hàng tồn kho		(3.210.232.553)	33.463.831.295
11	Tăng/(giảm) các khoản phải trả		224.791.184.966	(5.775.426.381)
12	Giảm/(tăng) chi phí trả trước		2.998.582.423	(3.175.825.961)
14	Tiền lãi vay đã trả		-	(17.349.700)
15	Thuế TNDN đã nộp	13(b)	(11.045.529.409)	(27.014.510.526)
17	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		(15.224.270.285)	(2.566.244.910)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		142.015.902.712	98.269.346.864
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(21.289.668.435)	(14.831.974.284)
22	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ		240.000.000	-
27	Tiền thu lãi tiền gửi		11.069.274.800	13.744.724.241
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(9.980.393.635)	(1.087.250.043)
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
33	Thu từ vay dài hạn	17	2.000.000.000	-
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		-	(488.997.000)
36	Tiền cổ tức đã trả cho cổ đông	22	(67.499.182.500)	(67.505.266.875)
40	Lưu chuyển thuần từ hoạt động tài chính		(65.499.182.500)	(67.994.263.875)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		66.536.663.224	29.187.832.946
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	3	377.381.771.210	348.193.699.715
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		1.086.963	238.549
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	443.919.521.397	377.381.771.210

Trần Ngọc Lan  
Người lập biểu

Nguyễn Mạnh Hùng  
Kế toán trưởngVũ Văn Thực  
Giám đốc

Ngày 5 tháng 3 năm 2021

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

Công ty Cổ phần CNG Việt Nam (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam theo Giấy chứng nhận đầu tư số 492032000040 do Ban Quản lý các Khu Công nghiệp Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 28 tháng 5 năm 2007 và đăng ký thay đổi lần thứ 12 số 7688618621 ngày 14 tháng 5 năm 2018 để thực hiện các dự án Chiết nạp khí thiên nhiên (gọi tắt là dự án “CNG Việt Nam”) với thời gian thực hiện hoạt động của dự án là 20 năm kể từ ngày 28 tháng 5 năm 2007.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết chính thức tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 23 tháng 11 năm 2011 với mã chứng khoán là CNG.

Cổ đông chính của Công ty chủ yếu bao gồm Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần, Samarang Ucits - Samarang Asia Prosperity, America LLC. Chi tiết về tỷ lệ phần trăm góp vốn được trình bày ở Thuyết minh 20(b).

Ngành nghề kinh doanh đăng ký của Công ty là sản xuất, chiết nạp khí thiên nhiên CNG, LNG và LPG; cung cấp các dịch vụ cải tạo, bảo dưỡng, sửa chữa và lắp đặt các thiết bị chuyển đổi cho các phương tiện sử dụng nhiên liệu khí thiên nhiên CNG, LNG và LPG; kinh doanh dịch vụ vận chuyển khí CNG, LNG và LPG và kinh doanh các nhiên liệu khác theo quy định của pháp luật; cung cấp dịch vụ xây dựng, lắp đặt, bảo dưỡng và sửa chữa công trình khí; mua bán và cho thuê các thiết bị công nghiệp phục vụ công trình khí.

Hoạt động chính của công ty là sản xuất, chiết nạp khí thiên nhiên CNG, LNG và LPG để phân phối cho khách hàng.

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty có 268 nhân viên (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019: 258 nhân viên).

**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU****2.1 Cơ sở của việc lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính đã được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Báo cáo tài chính được lập theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước Việt Nam. Các nguyên tắc và thông lệ kế toán sử dụng tại nước Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

**2.2 Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

**2.3 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán và trình bày trên báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (“VND” hoặc “Đồng”). Công ty xác định đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán dựa vào đơn vị tiền tệ chủ yếu sử dụng trong các giao dịch bán hàng, có ảnh hưởng lớn đến giá bán hàng hóa; đơn vị tiền tệ dùng để niêm yết giá bán và nhận thanh toán; đơn vị tiền tệ sử dụng chủ yếu trong việc mua hàng hóa, dịch vụ; có ảnh hưởng lớn đến chi phí nhân công, nguyên vật liệu, và các chi phí sản xuất, kinh doanh khác, và thông thường dùng để thanh toán cho các chi phí đó.

Ngoài ra, Công ty còn sử dụng đơn vị tiền tệ này để huy động các nguồn lực tài chính (như phát hành cổ phiếu, trái phiếu) và/hoặc thường xuyên thu được đơn vị tiền tệ này từ các hoạt động kinh doanh và tích trữ lại.

**2.4 Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản và nợ phải trả bằng tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán lần lượt được quy đổi theo tỷ giá mua và tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch áp dụng tại ngày bảng cân đối kế toán. Các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng tại ngày của bảng cân đối kế toán được quy đổi theo tỷ giá mua của chính ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**2.5 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi không kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn khác có thời hạn đáo hạn ban đầu không quá ba tháng.

**2.6 Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu thể hiện giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch bán hàng hóa; và các khoản phải thu khác không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch bán hàng hóa. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi được lập cho từng khoản phải thu căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất dự kiến có thể xảy ra. Các khoản phải thu được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

Các khoản phải thu được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày của bảng cân đối kế toán tới ngày đến hạn thu hồi.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****2.7 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được thể hiện theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được xác định trên cơ sở bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên mức độ hoạt động bình thường. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Dự phòng được lập cho hàng tồn kho bị lỗi thời, chậm lưu chuyển và bị hỏng. Chênh lệch giữa khoản dự phòng phải lập ở cuối năm kế toán này và khoản dự phòng đã lập ở cuối năm kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm giá vốn hàng bán trong kỳ.

**2.8 Tài sản cố định (“TSCĐ”)***TSCĐ hữu hình và TSCĐ vô hình*

TSCĐ được phản ánh theo nguyên giá trừ khấu hao lũy kế. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được TSCĐ ở trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá TSCĐ nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

*Khấu hao*

TSCĐ được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để giảm dần nguyên giá tài sản trong suốt thời gian hữu dụng ước tính. Các tỷ lệ khấu hao chủ yếu hàng năm của các loại tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 25 năm
Máy móc thiết bị	5 – 15 năm
Phương tiện vận tải	6 – 10 năm
Thiết bị quản lý	3 – 8 năm
Phần mềm kế toán	3 – 8 năm

Từ năm 2015, đối với các TSCĐ hữu hình là máy móc thiết bị và phương tiện vận tải dùng cho việc sản xuất, chiết nạp khí CNG, Công ty thực hiện khấu hao theo phương pháp số dư giảm dần được quy định tại Chuẩn mực kế toán số 03 – Tài sản cố định hữu hình và Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013, với thời gian hữu dụng được áp dụng tương tự như thời gian hữu dụng theo phương pháp khấu hao đường thẳng.

Quyền sử dụng đất có thời hạn được ghi nhận căn cứ trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp ngày 24 tháng 7 năm 2008, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 41 năm phù hợp với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

**2.8 Tài sản cố định (“TSCĐ”) (tiếp theo)***Thanh lý*

Lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý, nhượng bán TSCĐ được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của TSCĐ và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

*Chi phí xây dựng cơ bản dở dang*

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện giá trị của các tài sản trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê hoặc quản trị, hoặc cho bất kì mục đích nào khác, được ghi nhận theo giá gốc bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật công trình như chi phí xây dựng; chi phí thiết bị; chi phí quản lý dự án; chi phí tư vấn đầu tư xây dựng; và chi phí vay được vốn hóa đối với tài sản đủ điều kiện phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Khấu hao của những tài sản này, cũng giống như các loại TSCĐ khác, sẽ bắt đầu được trích khi tài sản đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

**2.9 Thuê tài sản**

Thuê hoạt động là loại hình thuê TSCĐ mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

**2.10 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và bao gồm chi phí quảng cáo, tiền thuê đất trả trước và chi phí bảo hiểm. Các khoản chi phí trả trước này được ghi nhận theo giá gốc và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

**2.11 Nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được phân loại dựa vào tính chất bao gồm:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa và dịch vụ; và
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua hàng hóa, và cung cấp dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày của bảng cân đối kế toán tới ngày đến hạn thanh toán.

**2.12 Vay**

Vay bao gồm khoản tiền vay từ ngân hàng.

Các khoản vay được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản vay tại ngày của bảng cân đối kế toán tới ngày đến hạn thanh toán.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****2.12 Vay (tiếp theo)**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đối với hoạt động xây dựng hoặc sản xuất bất kỳ tài sản đủ tiêu chuẩn sẽ được vốn hóa trong thời gian mà các tài sản này được hoàn thành và chuẩn bị đưa vào sử dụng. Đối với các khoản vay chung trong đó có sử dụng vốn cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất bất kỳ tài sản đủ tiêu chuẩn thì Công ty xác định chi phí đi vay được vốn hóa theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đủ tiêu chuẩn đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể. Chi phí đi vay khác được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

**2.13 Chi phí phải trả**

Bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của năm báo cáo.

**2.14 Các khoản dự phòng**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại, pháp lý hoặc liên đới, phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra; việc thanh toán nghĩa vụ nợ có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí tài chính. Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối năm kế toán này và khoản dự phòng đã lập chưa sử dụng ở cuối năm kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí sản xuất kinh doanh trong năm.

**2.15 Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế góp của các cổ đông và được phản ánh theo mệnh giá của cổ phiếu.

Thặng dư vốn cổ phần là khoản chênh lệch giữa vốn góp theo mệnh giá cổ phiếu với giá thực tế phát hành cổ phiếu; chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và được mua lại bởi chính Công ty, nhưng chưa bị huỷ bỏ và sẽ được tái phát hành trở lại trong khoảng thời gian theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

LNST chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh sau thuế TNDN của Công ty tại thời điểm báo cáo.

**2.16 Phân chia lợi nhuận**

Cổ tức của Công ty được ghi nhận là một khoản phải trả trong báo cáo tài chính của kỳ kế toán mà cổ tức được thông qua tại Đại hội đồng Cổ đông.

LNST TNDN có thể được chia cho các nhà cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau:

**(a) Quỹ đầu tư phát triển**

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ LNST của Công ty và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ được sử dụng để phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

**(b) Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

Quỹ khen thưởng phúc lợi được trích lập từ LNST của Công ty và được các nhà cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ được sử dụng để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán.

**2.17 Ghi nhận doanh thu****(a) Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý sản phẩm hoặc hàng hóa như người sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa, hoặc quyền kiểm soát sản phẩm hoặc hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu không được ghi nhận khi có yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu về khả năng thu được tiền bán hàng hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu được ghi nhận phù hợp với bản chất hơn hình thức và được phân bổ theo nghĩa vụ cung ứng sản phẩm hoặc hàng hóa. Trường hợp Công ty dùng sản phẩm, hàng hóa để khuyến mãi cho khách hàng kèm theo điều kiện mua hàng của Công ty thì Công ty phân bổ số tiền thu được để tính doanh thu cho cả hàng khuyến mãi và giá trị hàng khuyến mãi được tính vào giá vốn hàng bán.

**(b) Thu nhập lãi**

Thu nhập lãi được ghi nhận khi được hưởng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****2.18 Các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm giảm giá hàng bán. Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng năm tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa được ghi nhận điều chỉnh giảm doanh thu năm phát sinh.

Các khoản giảm trừ doanh thu đối với sản phẩm, hàng hoá tiêu thụ trong năm, phát sinh sau ngày của bảng cân đối kế toán nhưng trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính được ghi nhận điều chỉnh giảm doanh thu của năm lập báo cáo.

**2.19 Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa cho khách hàng trong kỳ, được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

**2.20 Chi phí bán hàng**

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm và hàng hóa.

**2.21 Chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình quản lý chung của Công ty.

**2.22 Thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại**

Thuế TNDN bao gồm toàn bộ số thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế TNDN, kể cả các khoản thu nhập nhận được từ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ tại nước ngoài mà Việt Nam chưa ký hiệp định về tránh đánh thuế hai lần. Chi phí thuế TNDN bao gồm chi phí thuế TNDN hiện hành và chi phí thuế TNDN hoãn lại.

Thuế TNDN hiện hành là số thuế TNDN phải nộp hoặc thu hồi được tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN của năm hiện hành. Thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng kỳ hay một kỳ khác.

Thuế TNDN hoãn lại được tính đầy đủ dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế TNDN của các khoản mục này. Thuế TNDN hoãn lại không được ghi nhận khi nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không phải là giao dịch sáp nhập doanh nghiệp, không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế thu nhập tại thời điểm phát sinh giao dịch. Thuế TNDN hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính được áp dụng trong niên độ mà tài sản được thu hồi hoặc khoản nợ phải trả được thanh toán dựa trên thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày của bảng cân đối kế toán.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận khi có khả năng sẽ có lợi nhuận tính thuế TNDN trong tương lai để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

**2.23 Các bên liên quan**

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những cá nhân quản lý chủ chốt bao gồm Ban Giám đốc Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, Công ty căn cứ vào bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

**2.24 Báo cáo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc bán hàng hoặc cung cấp dịch vụ liên quan ("bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh"), hoặc bán hàng hoặc cung cấp dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể ("bộ phận chia theo khu vực địa lý"). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh hoặc theo khu vực địa lý.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Công ty một cách toàn diện.

**2.25 Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc kỳ kế toán cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong báo cáo tài chính bao gồm:

- Thời gian hữu dụng ước tính của TSCĐ (Thuyết minh 10);
- Các khoản dự phòng (Thuyết minh 18); và
- Ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại (Thuyết minh 19).

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính của Công ty và được Ban Giám đốc đánh giá là hợp lý.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

Đơn vị: VND

	2020	2019
Tiền mặt	311.969.796	595.023.990
Tiền gửi ngân hàng	26.319.551.601	25.754.981.816
Tiền đang chuyển	-	7.743.765.404
Các khoản tương đương tiền (*)	417.288.000.000	343.288.000.000
	<b>443.919.521.397</b>	<b>377.381.771.210</b>

(\*) Các khoản tương đương tiền thể hiện giá trị của các khoản tiền gửi bằng Đồng Việt Nam có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng tại các ngân hàng thương mại và hưởng lãi suất bình quân từ 2,9% đến 4,0%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019: 4,7% đến 5,5%/năm).

**4 PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

Đơn vị: VND

	2020	2019
Bên thứ ba	374.997.582.268	245.228.183.467
Công ty TNHH Thiết bị Hệ thống LPG	85.805.924.873	43.684.646.031
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Kỹ thuật Phúc Sang Minh	73.998.670.990	29.029.571.178
Công ty Cổ phần Tôn Đông Á	41.608.511.182	19.925.915.855
Khác	173.584.475.223	152.588.050.403
Bên liên quan (Thuyết minh 35(b))	23.474.566.306	-
	<b>398.472.148.574</b>	<b>245.228.183.467</b>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và ngày 31 tháng 12 năm 2019, số dư các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng đã quá hạn thanh toán lần lượt là 45.378.182.269 đồng và 51.783.862.101 đồng như đã trình bày tại Thuyết minh 7.

**5 TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

Đơn vị: VND

	2020	2019
Công ty Cổ phần Xây dựng số 5	6.298.872.675	-
Khác	653.076.900	2.331.919.770
	<b>6.951.949.575</b>	<b>2.331.919.770</b>

**6 PHẢI THU KHÁC**

Đơn vị: VND

	2020		2019	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
(a) Ngắn hạn				
Kỳ quỹ, kỳ cược	12.538.773.000	-	429.980.000	-
Lãi dự thu từ tiền gửi có kỳ hạn	560.771.123	-	906.547.420	-
Tạm ứng cho nhân viên	196.990.000	-	502.564.160	-
Khác	1.507.323.845	-	3.833.533.308	-
	<b>14.803.857.968</b>	<b>-</b>	<b>5.672.624.888</b>	<b>-</b>
(b) Dài hạn				
Kỳ quỹ, kỳ cược	280.000.000	-	258.000.000	-

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và 31 tháng 12 năm 2019, Công ty không có khoản phải thu ngắn hạn và dài hạn khác nào quá hạn hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi.

**7 NỢ KHÓ ĐÒI**

Đơn vị: VND

	2020			
	Giá trị gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Thời gian
Công ty Cổ phần Khai thác Khoáng sản và Sản xuất Vật liệu Xây dựng Trung Nguyên	24.721.508.489	24.721.508.489	-	Dưới 90 ngày
Công ty Cổ phần Tôn Đông Á	11.488.394.843	11.488.394.843	-	Dưới 90 ngày
Các khách hàng khác	9.168.278.937	9.168.278.937	-	Dưới 90 ngày
	<b>45.378.182.269</b>	<b>45.378.182.269</b>	<b>-</b>	

	2019			
	Giá trị gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Thời gian
Công ty Cổ phần Khai thác Khoáng sản và Sản xuất Vật liệu Xây dựng Trung Nguyên	3.748.954.893	2.999.163.914	749.790.979	Dưới 90 ngày
Các khách hàng khác	48.034.907.206	48.034.907.206	-	Dưới 90 ngày
	<b>51.783.862.099</b>	<b>51.034.071.120</b>	<b>749.790.979</b>	

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**8 HÀNG TỒN KHO**

Đơn vị: VND

	2020		2019	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên vật liệu	30.879.537.732	(3.671.480.331)	27.498.962.567	(4.689.609.357)
Công cụ, dụng cụ	250.389.259	(23.488.581)	225.250.186	-
Hàng hóa	5.765.248	-	201.246.933	-
	<b>31.135.692.239</b>	<b>(3.694.968.912)</b>	<b>27.925.459.686</b>	<b>(4.689.609.357)</b>

Biến động về dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm như sau:

Đơn vị: VND

	2020	2019
Số dư đầu năm	4.689.609.357	5.909.155.886
Hoàn nhập dự phòng (Thuyết minh 26)	(994.640.445)	(1.219.546.529)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>3.694.968.912</b>	<b>4.689.609.357</b>

**9 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

(a) Ngắn hạn

Đơn vị: VND

	2020	2019
Chi phí bảo hiểm	5.450.865.280	4.982.514.021
Chi phí quảng cáo	1.855.355.143	880.666.663
Khác	258.493.629	135.295.290
	<b>7.564.714.052</b>	<b>5.998.475.974</b>

(b) Dài hạn

Đơn vị: VND

	2020	2019
Chi phí thuê đất (*)	3.893.311.336	3.989.048.500
Chi phí quảng cáo	2.356.250.004	6.825.333.341
	<b>6.249.561.340</b>	<b>10.814.381.841</b>

(\*) Số dư này thể hiện tiền thuê đất trả trước cho lô đất tại Long An theo Hợp đồng thuê số 07/2017/HĐ-KD/KCN ngày 26 tháng 6 năm 2017 với thời hạn 44 năm. Tiền thuê đất được phân bổ theo thời gian thuê.

Biến động về chi phí trả trước ngắn hạn và dài hạn trong năm như sau:

Đơn vị: VND

	2020	2019
Số dư đầu năm	16.812.857.815	13.637.031.854
Tăng	14.264.875.756	20.381.429.065
Phân bổ trong năm	(17.263.458.179)	(17.205.603.104)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>13.814.275.392</b>	<b>16.812.857.815</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

## 10. TỔNG TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

## (a) TSCĐ hữu hình

Đơn vị: VND					
	Nhà cử vật kiến trúc,	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>					
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2020	39.157.385.975	344.911.263.054	439.145.492.009	2.745.264.078	825.959.405.116
Mua trong năm	-	26.071.029.233	-	348.400.000	26.419.429.233
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 11)	-	6.789.999.999	-	-	6.789.999.999
Thanh lý, nhượng bán	(19.947.816.610)	-	(4.919.168.578)	(298.808.985)	(25.165.794.173)
<b>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020</b>	<b>19.209.569.365</b>	<b>377.772.292.286</b>	<b>434.226.323.431</b>	<b>2.794.855.093</b>	<b>834.003.040.175</b>
<b>Khấu hao lũy kế</b>					
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2020	11.834.804.336	269.573.997.765	417.761.304.420	2.337.003.421	701.507.109.942
Khấu hao trong năm	1.327.740.423	27.921.520.912	12.712.310.195	266.161.806	42.277.733.336
Thanh lý, nhượng bán	5.564.258.214	-	(4.919.168.578)	(298.808.985)	10.782.235.777
<b>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020</b>	<b>7.598.286.545</b>	<b>297.495.518.677</b>	<b>425.554.446.037</b>	<b>2.304.356.242</b>	<b>732.952.607.501</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2020	27.322.581.639	75.337.265.289	21.384.187.589	408.260.657	124.452.295.174
<b>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020</b>	<b>11.611.282.820</b>	<b>80.276.773.609</b>	<b>8.671.877.394</b>	<b>490.498.851</b>	<b>101.050.432.674</b>

Nguyên giá TSCĐ hữu hình của Công ty đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 548.646.673.033 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019: 460.156.001.761 đồng).

## (b) TSCĐ vô hình

Đơn vị: VND			
	Quyền sử dụng đất	Phần mềm kế toán	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2020	39.798.000.000	1.009.806.700	40.807.806.700
Mua trong năm	-	716.000.000	716.000.000
<b>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020</b>	<b>39.798.000.000</b>	<b>1.725.806.700</b>	<b>41.523.806.700</b>
<b>Khấu hao lũy kế</b>			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2020	2.912.048.784	1.009.806.700	3.921.855.484
Khấu hao trong năm	970.682.928	79.555.556	1.050.238.484
<b>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020</b>	<b>3.882.731.712</b>	<b>1.089.362.256</b>	<b>4.972.093.968</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2020	36.885.951.216	-	36.885.951.216
<b>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020</b>	<b>35.915.268.288</b>	<b>636.444.444</b>	<b>36.551.712.732</b>

Nguyên giá TSCĐ vô hình của Công ty đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 1.009.806.700 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019: 1.009.806.700 đồng).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, TSCĐ vô hình của Công ty với tổng giá trị còn lại là 35.915.268.288 đồng đã được dùng để làm tài sản thế chấp cho các khoản vay dài hạn ngân hàng (Thuyết minh 17).

## 11 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG

Chi tiết chi phí xây dựng cơ bản dở dang theo từng dự án như sau:

Đơn vị: VND		
	2020	2019
Dự án Văn phòng Công ty	14.426.656.798	1.239.806.362
Dự án khác	583.872.545	335.454.545
	<b>15.010.529.343</b>	<b>1.575.260.907</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**11 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỨ DANG (TIẾP THEO)**

Biến động về chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm như sau:

Đơn vị: VND

	2020	2019
Số dư đầu năm	1.575.260.907	671.937.455
Tăng trong năm	20.225.268.435	1.452.171.929
Chuyển sang TSCĐ (Thuyết minh 10(a))	(6.789.999.999)	(328.848.477)
Khác	-	(220.000.000)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>15.010.529.343</b>	<b>1.575.260.907</b>

**12 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

Đơn vị: VND

	2020		2019	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Bên thứ ba	49.788.558.402	49.788.558.402	41.655.890.886	41.655.890.886
Công ty Tư nhân Thành Đại Nghĩa	12.439.014.828	12.439.014.828	18.272.535.623	18.272.535.623
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xuất nhập khẩu Khí hóa lỏng Hà Nội	10.234.485.992	10.234.485.992	924.000.000	924.000.000
Khác	27.115.057.582	27.115.057.582	22.459.355.263	22.459.355.263
Bên liên quan				
(Thuyết minh 35(b))	406.028.351.711	406.028.351.711	218.748.638.126	218.748.638.126
	<b>455.816.910.113</b>	<b>455.816.910.113</b>	<b>260.404.529.012</b>	<b>260.404.529.012</b>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và 31 tháng 12 năm 2019, Công ty không có khoản phải trả người bán ngắn hạn nào bị quá hạn thanh toán.

**13 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

Biến động về thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước như sau:

Đơn vị: VND

	Tại ngày 1.1.2020	Số phải thu/phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số đã căn trừ trong năm	Tại ngày 31.12.2020
<b>(a) Phải thu</b>					
Thuế GTGT được khấu trừ	920.095.930	251.308.830.986	-	(252.055.470.744)	173.456.172
<b>(b) Phải nộp</b>					
Thuế GTGT hàng bán nội địa	266.053.185	273.112.603.373	(14.941.338.763)	(252.055.470.744)	6.381.847.051
Thuế thu nhập cá nhân	1.631.951.391	4.343.516.605	(4.563.676.457)	-	1.411.791.539
Thuế TNDN	6.223.264.592	14.940.645.638	(11.045.529.409)	-	10.118.380.821
Khác	-	56.941.176	(56.941.176)	-	-
	<b>8.121.269.168</b>	<b>292.453.706.792</b>	<b>(30.607.485.805)</b>	<b>(252.055.470.744)</b>	<b>17.912.019.411</b>

**14 CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

Đơn vị: VND

	2020	2019
Chi phí thuê hệ thống giảm áp	4.762.493.841	-
Chi phí thuê bồn và đầu kéo	-	1.481.852.985
Khác	347.600.000	3.800.343.657
	<b>5.110.093.841</b>	<b>5.282.196.642</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**15 PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

Đơn vị: VND

	2020	2019
Phải trả khác cho Bên liên quan (Thuyết minh 35(b))	36.754.800.590	-
Cổ tức phải trả (Thuyết minh 22)	263.824.500	263.824.500
Khác	506.309.401	541.851.481
	<b>37.524.934.491</b>	<b>805.675.981</b>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và 31 tháng 12 năm 2019, Công ty không có khoản phải trả ngắn hạn khác cho bên thứ ba nào bị quá hạn thanh toán.

**16 QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI**

Đơn vị: VND

	2020	2019
Số dư đầu năm	72.748.178	1.704.623.327
Trích quỹ từ LNST của năm trước (Thuyết minh 21)	8.005.468.531	4.876.383.413
Trích quỹ từ LNST của năm nay (Thuyết minh 21)	9.000.000.000	6.400.000.000
Quỹ đã sử dụng trong năm	(15.224.270.285)	(12.908.258.562)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>1.853.946.424</b>	<b>72.748.178</b>

**17 VAY DÀI HẠN**

Đơn vị: VND

	Tại ngày 1.1.2020	Tăng	Tại ngày 31.12.2020
Vay ngân hàng	-	2.000.000.000	2.000.000.000

Đây là khoản vay chịu lãi suất 7.8%/năm và cố định 2 năm tính từ thời điểm giải ngân đầu tiên, sau đó sẽ được điều chỉnh theo thông báo của Vietcombank trong suốt thời hạn vay và được đảm bảo bằng của tài sản cố định vô hình (Thuyết minh 10(b)). Hạn mức tín dụng là 46.508.000.000 đồng nhằm bổ sung nguồn vốn đầu tư xây dựng trụ sở văn phòng mới theo Hợp đồng vay số 0089/MDC/20/DAĐT ngày 6 tháng 8 năm 2020 và có thời hạn 60 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân vốn vay.

**18 DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ DÀI HẠN**

Dự phòng phải trả dài hạn thể hiện quỹ dự phòng rủi ro, bồi thường thiệt hại về môi trường, được trích lập bằng 0,5% doanh thu thuần trong năm và không vượt quá 5% lợi nhuận trước thuế năm theo hướng dẫn của Thông tư số 86/2016/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 20 tháng 6 năm 2016. Số dư quỹ dự phòng được trích lập không vượt quá 10% vốn điều lệ của doanh nghiệp. Kể từ năm 2019, Công ty đã ngừng trích lập khoản dự phòng này để chờ hướng dẫn về đối tượng cần thực hiện trích lập theo quy định hiện hành.

**19 TÀI SẢN THUẾ TNDN HOÃN LẠI**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải trả và khi thuế thu nhập hoãn lại có liên quan đến cùng một cơ quan thuế.

Biến động của thuế thu nhập hoãn lại trong năm như sau:

Đơn vị: VND

	2020	2019
Số dư đầu năm	4.639.238.192	5.955.726.468
Ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (Thuyết minh 31)	577.757.608	(1.316.488.276)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>5.216.995.800</b>	<b>4.639.238.192</b>

Tài sản thuế TNDN hoãn lại được thu hồi trong vòng 12 tháng, chủ yếu phát sinh từ dự phòng rủi ro bồi thường thiệt hại về môi trường và chi phí phải trả ngắn hạn.

Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế TNDN hoãn lại năm 2020 là 20% (2019: 20%).

Tài sản thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận dựa trên khả năng thu được thu nhập chịu thuế trong tương lai để căn trừ các khoản chênh lệch tạm thời đã phát sinh này.

**20 VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU**

**(a) Số lượng cổ phiếu**

Đơn vị: VND

	2020 Cổ phiếu phổ thông	2019 Cổ phiếu phổ thông
Số lượng cổ phiếu đăng ký	27.000.000	27.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	27.000.000	27.000.000
Số lượng cổ phiếu đã mua lại	(327)	(327)
<b>Số lượng cổ phiếu đang lưu hành</b>	<b>26.999.673</b>	<b>26.999.673</b>

**(b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

Đơn vị: VND

	2020 Cổ phiếu phổ thông	%	2019 Cổ phiếu phổ thông	%
Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	15.120.000	56	15.120.000	56
Samarang Ucits - Samarang Asia Prosperity	2.590.570	9,59	2.600.940	9,63
America LLC	871.200	3,23	-	-
Cổ đông khác	8.418.230	31,18	9.279.060	34,37
<b>Số lượng cổ phiếu đã phát hành</b>	<b>27.000.000</b>	<b>100</b>	<b>27.000.000</b>	<b>100</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**21 TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Đơn vị: VND

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	LNST chưa phân phối	Tổng cộng
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2019	270.000.000.000	1.695.680.000	9.179.045.649	(3.270.000)	91.822.605.088	164.585.967.427	537.280.028.164
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	84.347.276.930	84.347.276.930
Chia cổ tức (Thuyết minh 22)	-	-	-	-	-	(67.499.182.500)	(67.499.182.500)
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-	22.860.870.261	(22.860.870.261)	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (Thuyết minh 16)	-	-	-	-	-	(11.276.383.413)	(11.276.383.413)
<b>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019</b>	<b>270.000.000.000</b>	<b>1.695.680.000</b>	<b>9.179.045.649</b>	<b>(3.270.000)</b>	<b>114.683.475.349</b>	<b>147.296.808.183</b>	<b>542.851.739.181</b>
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	51.007.467.392	51.007.467.392
Chia cổ tức (Thuyết minh 22)	-	-	-	-	-	(67.499.182.500)	(67.499.182.500)
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-	16.869.455.386	(16.869.455.386)	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (Thuyết minh 16)	-	-	-	-	-	(17.005.468.531)	(17.005.468.531)
<b>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020</b>	<b>270.000.000.000</b>	<b>1.695.680.000</b>	<b>9.179.045.649</b>	<b>(3.270.000)</b>	<b>131.552.930.735</b>	<b>96.930.169.158</b>	<b>509.354.555.542</b>

Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên số 10/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28 tháng 4 năm 2020, Đại hội đồng Cổ đông của Công ty đã thông qua việc phân phối lợi nhuận sau thuế của năm 2019 như sau:

- Trích lập Quỹ đầu tư phát triển và trích lập bổ sung quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế 2019 với số tiền lần lượt là 16.869.455.386 đồng và 8.005.468.531 đồng. Đồng thời, Công ty cũng tạm trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế năm 2020 với số tiền là 9.000.000.000 đồng. Số tiền trích quỹ khen thưởng, phúc lợi sẽ được phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2021.
- Thông qua kế hoạch chi trả cổ tức còn lại năm 2019 từ lợi nhuận sau thuế năm 2019 với số tiền là 67.499.182.500 đồng, tương ứng với 25% vốn điều lệ.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**22 CỔ TỨC PHẢI TRẢ**

Đơn vị: VND

	2020	2019
Số dư đầu năm	263.824.500	269.908.875
Cổ tức phải trả trong năm (Thuyết minh 21)	67.499.182.500	67.499.182.500
Cổ tức đã chi trả bằng tiền	(67.499.182.500)	(67.505.266.875)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>263.824.500</b>	<b>263.824.500</b>

**23 LÃI TRÊN CỔ PHIẾU**

**(a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng hiệu của số lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông và số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm, không bao gồm các cổ phiếu phổ thông được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu quỹ. Chi tiết như sau:

Đơn vị: VND

	2020	2019 (Trình bày lại)
Lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông (VND)	51.007.467.392	84.347.276.930
Điều chỉnh giảm số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND)	(9.000.000.000)	(14.405.468.531)
	<b>42.007.467.392</b>	<b>69.941.808.399</b>
Bình quân số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu)	26.999.673	26.999.673
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VND)	1.556	2.590

Trong năm, Công ty đã tạm trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi từ LNST của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 với số tiền là 9.000.000.000 đồng. Đồng thời, Công ty xác định lại số trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 theo số trích lập thực tế theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 10/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28 tháng 4 năm 2020. Theo đó, lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước được trình bày lại là 2.590 đồng/cổ phiếu (số đã trình bày năm trước là 2.620 đồng/cổ phiếu).

**(b) Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

Công ty không có cổ phiếu tiềm năng có tác động suy giảm lãi trên cổ phiếu.

**24 CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

**(a) Ngoại tệ các loại**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, khoản mục tiền và các khoản tương đương tiền đã bao gồm số tiền tệ là 2.868 Đô la Mỹ (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019: 2.868 Đô la Mỹ).

**(b) Cam kết vốn**

Các khoản cam kết về chi tiêu tạo lập TSCĐ đã ký hợp đồng được trình bày tại Thuyết minh số 36(b).

**25 DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG**

Đơn vị: VND

	2020	2019
Doanh thu thuần về bán thành phẩm	2.177.276.804.246	2.047.467.481.131
Doanh thu thuần về bán hàng hóa	160.614.394.420	82.920.223.763
	<b>2.337.891.198.666</b>	<b>2.130.387.704.894</b>

**26 GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

Đơn vị: VND

	2020	2019 (Trình bày lại)
Giá vốn của thành phẩm đã bán	2.040.023.852.349	1.861.172.045.661
Giá vốn của hàng hóa đã bán	148.561.687.151	81.193.872.847
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (Thuyết minh 8)	(994.640.445)	(1.219.546.529)
	<b>2.187.590.899.055</b>	<b>1.941.146.371.979</b>

**27 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

Đơn vị: VND

	2020	2019 (Trình bày lại)
Lãi tiền gửi	10.723.498.503	13.482.855.649
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	1.423.610	238.549
	<b>10.724.922.113</b>	<b>13.483.094.198</b>

**28 CHI PHÍ BÁN HÀNG**

Đơn vị: VND

	2020	2019 (Trình bày lại)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.549.217.463	13.566.236.161
Chi phí nhân viên	8.159.236.113	4.211.814.504
Khác	5.824.777.250	7.147.327.101
	<b>25.533.230.826</b>	<b>24.925.377.766</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**29 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

Đơn vị: VND

	2020	2019
Chi phí nhân viên	31.396.689.702	33.621.026.978
Chi phí dịch vụ mua ngoài	15.517.686.715	15.188.729.866
Chi phí dịch vụ tiện ích	3.519.509.968	2.095.041.140
Chi phí dịch vụ tòa nhà	3.120.883.260	3.068.349.827
Chi phí khấu hao	1.946.428.652	2.087.087.873
Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	(749.790.979)	(903.729.988)
Khác	17.893.109.430	17.744.756.207
	<b>72.644.516.748</b>	<b>72.901.261.903</b>

**30 THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC**

Đơn vị: VND

	2020	2019 (Trình bày lại)
<b>Thu nhập khác</b>		
Lãi do thanh lý, nhượng bán TSCĐ	2.436.338.097	2.642.125.013
Khác	96.398.794	226.658.024
	<b>2.532.736.891</b>	<b>2.868.783.037</b>
<b>Chi phí khác</b>		
Khác	(8.432.009)	(139.286.856)
	<b>2.524.304.882</b>	<b>2.729.496.181</b>

**31 THUẾ TNDN**

Số thuế TNDN trên lợi nhuận kế toán trước thuế của Công ty khác với số thuế khi được tính theo thuế suất phổ thông áp dụng 20% như sau:

Đơn vị: VND

	2020	2019
Lợi nhuận kế toán trước thuế	65.370.355.422	107.609.680.466
Thuế tính ở thuế suất 20%	13.074.071.084	21.521.936.093
Điều chỉnh:		
Chi phí không được khấu trừ	1.277.735.142	1.740.467.443
Khác	11.081.804	-
<b>Chi phí thuế TNDN (*)</b>	<b>14.362.888.030</b>	<b>23.262.403.536</b>
(Thu nhập)/chi phí TNDN ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:		
Thuế TNDN - hiện hành	14.940.645.638	21.945.915.260
Thuế TNDN - hoãn lại (Thuyết minh 19)	(577.757.608)	1.316.488.276
	<b>14.362.888.030</b>	<b>23.262.403.536</b>

(\*) Chi phí thuế TNDN cho kỳ được ước tính dựa vào thu nhập chịu thuế và có thể có những điều chỉnh tùy thuộc vào sự kiểm tra của cơ quan thuế.

**32 CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

Đơn vị: VND

	2020	2019 (Trình bày lại)
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.571.927.466.063	1.358.905.257.429
Chi phí nhân viên	91.143.266.978	86.749.948.678
Chi phí khấu hao TSCĐ	43.277.971.820	54.296.660.030
Chi phí dịch vụ mua ngoài	294.137.672.333	294.994.544.728
Khác	134.313.373.466	125.097.130.288
	<b>2.134.799.750.660</b>	<b>1.920.043.541.153</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**33 BÁO CÁO BỘ PHẬN**

**(a) Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Trong năm, hoạt động chính của Công ty là sản xuất, chiết nạp khí thiên nhiên CNG và LPG để phân phối cho khách hàng. Doanh thu và giá vốn của các hoạt động kinh doanh được trình bày ở Thuyết minh số 25 và 26.

**(b) Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý**

Trong năm, Công ty chỉ hoạt động trong phạm vi lãnh thổ Việt Nam. Theo đó, Ban Giám đốc đã đánh giá và tin tưởng rằng việc không lập và trình bày báo cáo tài chính bộ phận trong báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 là phù hợp với các quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 28 – “Báo cáo bộ phận” và phù hợp với tình hình kinh doanh hiện nay của Công ty.

**34 THUYẾT MINH CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (“BCLCTT”)**

Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến BCLCTT

Đơn vị: VND

	2020	2019
Tài sản cố định hữu hình chưa thanh toán	26.071.029.233	-

**35 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Công ty được kiểm soát bởi Tổng Công ty Khí Việt Nam – Công ty Cổ phần do chiếm 56% vốn điều lệ của Công ty. Công ty mẹ cao nhất là Tập đoàn Dầu Khí Việt Nam, một công ty được thành lập tại Việt Nam.

Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư chủ yếu trong năm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tập đoàn Dầu Khí Việt Nam	Công ty mẹ của Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần
Tổng Công ty Khí Việt Nam – Công ty Cổ phần	Công ty mẹ
Samarang Ucits - Samarang Asian Prosperity	Cổ đông lớn
America LLC	Cổ đông lớn
Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần- Công ty Dịch vụ Khí	Chi nhánh Công ty mẹ
Tổng Công ty Khí Việt nam - Công ty Cổ phần - Công ty Kinh doanh Sản phẩm Khí	Chi nhánh Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam	Công ty trong tập đoàn
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí Miền Nam	Công ty trong tập đoàn
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí Miền Nam- Chi nhánh Miền Đông	Công ty trong tập đoàn
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Tàu	Công ty trong tập đoàn
Công ty Cổ phần Kinh doanh LPG Việt Nam	Công ty trong tập đoàn
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	Công ty trong tập đoàn
Công ty Cổ phần Xăng Dầu Dầu Khí Hà Nội	Công ty trong tập đoàn
Công ty Cổ phần Dịch Vụ Tổng Hợp Dầu Khí Vũng Tàu	Công ty trong tập đoàn
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương	Công ty trong tập đoàn

**(a) Giao dịch với các bên liên quan**

Đơn vị: VND

	2020	2019
<b>(i) Doanh thu bán hàng</b>		
Công ty Cổ phần Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam	38.338.284.141	-
Công ty Cổ phần Kinh doanh LPG Việt Nam	7.724.147.384	-
	<b>46.062.431.525</b>	-
<b>(ii) Doanh thu bán tài sản</b>		
<b>Công ty Cổ phần Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam</b>	<b>16.488.238.857</b>	-
<b>(iii) Mua hàng hóa và dịch vụ</b>		
Công ty Cổ phần Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam	1.533.771.969.559	1.209.424.478.428
Tổng Công ty Khí Việt nam - Công ty Cổ phần - Công ty Kinh doanh Sản phẩm Khí	133.858.731.802	-
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí Miền Nam - Chi nhánh Đồng Nai	4.972.558.702	153.494.459.577
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương	18.586.150.376	11.207.322.141
Công ty Cổ phần Kinh doanh LPG Việt Nam	8.298.114.344	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí Vũng Tàu	9.113.134.673	-
Công ty Cổ phần Xăng Dầu Dầu Khí Vũng Tàu	7.007.528.167	5.381.614.269
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí Miền Nam - Chi nhánh Miền Đông	541.338.547	1.570.605.227
Công ty Cổ phần Xăng Dầu Dầu Khí Hà Nội	633.243.908	269.590.637
Công ty TNHH Khí hóa lỏng Việt Nam - VT Gas - Chi nhánh Vũng Tàu	473.099.908	-
	<b>1.717.255.869.986</b>	<b>1.381.348.070.279</b>
<b>(iv) Mua tài sản cố định</b>		
<b>Công ty Cổ Phần Kinh doanh LPG Việt Nam</b>	<b>26.505.634.542</b>	-
<b>(v) Chi phí sử dụng tòa nhà văn phòng</b>		
<b>Công ty Cổ phần Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam</b>	<b>2.960.305.036</b>	<b>2.958.523.473</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**(a) Giao dịch với các bên liên quan**

Đơn vị: VND

	2020	2019
<b>(vi) Chi phí sử dụng thương hiệu</b>		
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	1.076.096.805	1.452.174.315
<b>(vi) Các khoản chi cho các nhân sự quản lý chủ chốt</b>		
Lương và các quyền lợi gộp khác	8.387.299.301	9.496.235.065
<b>(vi) Cổ tức chi trả trong năm</b>		
Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	37.800.000.000	37.800.000.000
Samarang Ucits - Samarang Asia Prosperity	6.502.350.000	6.502.350.000
Ameriaca LLC	3.284.615.000	-
	<b>47.586.965.000</b>	<b>44.302.350.000</b>

**(b) Số dư cuối năm với các bên liên quan**

Đơn vị: VND

	2020	2019
<b>(i) Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh 4)</b>		
<b>Công ty Cổ phần Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam</b>	<b>23.474.566.306</b>	-
<b>(ii) Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh 12)</b>		
Công ty Cổ phần Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam	361.411.082.309	198.148.626.317
Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần - Công ty Kinh doanh Sản phẩm Khí	12.114.957.239	-
Công ty Cổ phần Kinh doanh LPG Việt Nam	29.156.197.996	-
Công ty Cổ phần Dịch Vụ Tổng hợp Dầu khí Vũng Tàu	1.350.172.900	818.156.020
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương	1.312.538.167	3.446.384.664
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Tàu	638.958.000	966.645.200
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội	44.445.100	15.170.400
Công ty Cổ phần Kinh doanh khí Miền Nam	-	15.238.314.925
Công ty Cổ phần Kinh doanh khí Miền Nam - Chi nhánh Miền Đông	-	115.340.600
	<b>406.028.351.711</b>	<b>218.748.638.126</b>
<b>(iii) Các khoản phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh 15)</b>		
<b>Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí Miền Nam - Chi nhánh Đồng Nai</b>	<b>36.754.800.590</b>	-
<b>(iv) Chi phí phải trả ngắn hạn</b>		
Công ty Cổ phần Kinh doanh LPG Việt Nam	4.740.000.000	-
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	-	1.452.174.315
	<b>4.740.000.000</b>	<b>1.452.174.315</b>

**36 CÁC CAM KẾT**

**(a) Cam kết thuê hoạt động**

Công ty phải trả mức tối thiểu cho các hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang trong tương lai như sau:

Đơn vị: VND

	2020	2019
Dưới 1 năm	6.924.118.182	7.144.801.499
Từ 1 đến 5 năm	8.296.314.545	1.981.100.000
Trên 5 năm	7.892.875.000	8.362.800.000
<b>Tổng cộng các khoản thanh toán tối thiểu</b>	<b>23.113.307.727</b>	<b>17.488.701.499</b>

**b) Cam kết vốn**

Các cam kết về chi tiêu tạo lập TSCĐ đã ký hợp đồng tại ngày lập bảng cân đối kế toán nhưng chưa được hạch toán vào báo cáo tài chính như sau:

Đơn vị: VND

	2020	2019
Nhà xưởng, máy móc và thiết bị	41.775.735.990	1.698.200.000

**37 SỐ LIỆU TƯƠNG ỨNG**

Một vài số liệu tương ứng đã được phân loại lại để phù hợp với cách trình bày báo cáo tài chính của năm nay.

Báo cáo tài chính đã được Ban Giám đốc phê chuẩn ngày 5 tháng 3 năm 2021.



**Trần Ngọc Lan**  
Người lập biểu



**Nguyễn Mạnh Hùng**  
Kế toán trưởng



**Vũ Văn Thực**  
Giám đốc

Ngày 5 tháng 3 năm 2021



Báo cáo thường niên này được in với số lượng có hạn, sử dụng chất liệu giấy thân thiện môi trường từ các nguồn có hệ thống quản lý rừng theo tiêu chuẩn quốc tế và được đăng tải đầy đủ tại website: [www.cng-vietnam.com](http://www.cng-vietnam.com)

# CÔNG TY CỔ PHẦN CNG VIỆT NAM

---

## VĂN PHÒNG

Địa chỉ: Lầu 7, GAS TOWER, số 61B Đường 30/4, P. Thắng Nhất,  
TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

Điện thoại: (84) 254 3574 635 / 254 3574 801 / 254 3576 551

Fax: (84) 254 3574 619

## CHI NHÁNH PHÚ MỸ

Địa chỉ: Đường số 15, KCN Phú Mỹ 1, P. Phú Mỹ, Thị xã Phú Mỹ,  
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

Điện thoại: (84) 254 3923 928

Fax: (84) 254 3923 929

## CHI NHÁNH MIỀN BẮC

Địa chỉ: Tầng 21, Tòa nhà CEO, Lô HH2-1, Đường Phạm Hùng,  
P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, Hà Nội

Điện thoại: (84) 246 2520 777

Fax: (84) 246 2560 777

Email: [info@cng-vietnam.com](mailto:info@cng-vietnam.com)

Website: [www.cng-vietnam.com](http://www.cng-vietnam.com)